

<https://nhathuocngocanh.com/>

ĐỒNG CẢNH XƯƠNG

ĐỒNG THỊ CHÍNH KINH KỶ HUYỆT HỌC





Đương Đại Châm Thánh

ĐỒNG CẢNH XƯƠNG

Sinh năm 1916

Mất năm 1975

Giới tính: Nam

Người phá bỏ quy tắc
gia tộc, truyền tuyệt kỹ
châm cứu Đồng Thị ra
thế giới.

Nhóm dịch:

1. Ths. Bs Nguyễn Văn Trỗi
2. Ncs Th. Bs Phí Thị Thanh Hoa
3. Bs Nguyễn Tiến Thành
4. Ts. Bs Nguyễn Đình Tú
5. Bs Nguyễn Tùng Anh
6. Bs Dương Thị Ngọc Lan
7. Nsc Ths. Bs Phạm Bích Phương
8. Sinh viên Y4 Nguyễn Thị Dĩnh
9. Sinh viên Y 4 Nguyễn Hồng Hà
10. Sinh viên Y5 Trần Văn Thành



MỤC LỤC



LỜI NÓI ĐẦU

05



**TIỂU SỬ
ĐỒNG CÔNG
CẢNH XƯƠNG**

08



**BỘ 11
Huyết Ngón Tay**

11



**BỘ 22
Huyết Bàn Tay**

39



**BỘ 33
Huyết Cẳng Tay**

51



**BỘ 44
Huyết Cánh Tay**

68



**BỘ 55
Huyết Ngón Chân**

86



**BỘ 66
Huyết Mu
Bàn chân**

91



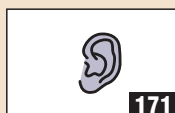
**BỘ 77
Huyết Cẳng Chân**

109



**BỘ 88
Huyết Đùi**

138



**BỘ 99
Huyết Tai**

171



**BỘ 1010
Huyết Đầu Mặt**

180



**BỘ
Huyết Vùng Lưng**

206



**BỘ
Huyết Vùng Ngực**

224



**CHỦ TRỊ BỆNH
CHỨNG CỦA
“HUYỆT VỊ THUỘC
14 KINH CHÍNH”**

230



**CÁC MÓN ĂN
ĐƠN GIẢN
CHỮA BỆNH
ĐẶC HIỆU**

235

LỜI NÓI ĐẦU

Tôi cầm trong tay quyển Đồng Thị Kỳ Huyệt Châm Cứu Học của Dương Duy Kiệt từ những năm 2012-2013. Nhưng cũng chỉ đọc lướt qua, chưa bao giờ đọc kỹ cũng như đem vào ứng dụng trong lâm sàng.

Quyển sách quý cứ mãi nằm im trên giá sách như thế nếu không có một ngày mẹ tôi bị đau dây thần kinh tọa vào tháng 5-2020. Trong lúc tra cứu tìm cách châm cho mẹ tôi thì tôi đã vô tình chọn đúng Đồng Thị và đúng trang có phương huyệt chữa đau dây thần kinh tọa, trong phương có 2 huyệt Linh Cốt, Đại Bạch.

Mẹ tôi đau, nằm trên giường không đi lại được đã 1 tuần, hôm tôi về châm cứu, dùng phương của Đồng Thị. Quá là thần kỳ khi mà tôi vừa dứt tay thì bà đã nói hết đau, từ từ đứng dậy đi lại trong ánh mắt kinh ngạc của 2 cậu con trai. Cứ thế tôi đem Đồng Thị ứng dụng lên các bệnh nhân khác, và tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác vì sự hiệu quả thần kỳ. Đồng Thị làm cho tôi say mê và cuốn hút, tôi đã lao vào nghiên cứu rất rất nhiều.

Tôi lập nhóm cùng anh em phát triển môn châm cứu mới này, dần dần lan ra cả nước. Vô tình tôi được chọn là người truyền bá Đồng Thị ở Việt Nam, mặc dù trước đó đã có rất nhiều người biết và ứng dụng, nhưng vì lí nào đó họ không chia sẻ đến với các y bác sĩ xung quanh?!

Quyển này do nhóm dịch xong từ rất lâu, mặc dù bỏ ra nhiều tiền để dịch thuật, chỉnh sửa ảnh... Nhưng tôi vẫn không thể bán sách lấy tiền khi mà sách của thầy được các học trò phát hành miễn phí trên mạng. Hôm nay tôi cũng làm điều tương tự ở Việt Nam - phát hành trên mạng miễn phí để có thể giúp ích cho nhiều người hơn.

Bạn đọc chú ý, hệ thần kinh mà trong sách nói khác hệ thần kinh trong giải phẫu hiện đại. Một số huyệt vị tôi đã sắp xếp lại nhóm cho chuẩn hóa với các hiệp hội Đồng Thị trên toàn cầu.

Hà Nội, Ngày 1 -1 - 2022

Thạc sĩ Bác sĩ Nguyễn Văn Trỗi

LỜI NÓI ĐẦU SÁCH ĐIỆN TỬ ĐỒNG CẢNH XƯƠNG TÁI BẢN LẦN 3

Trong suốt cuộc đời mình, tiên sinh Đồng Cảnh Xương đã xuất bản 3 quyển sách đúc kết những ghi chép và tài liệu có liên quan đến châm cứu nhà họ Đồng.

Quyển đầu tiên là quyển “Chính Kinh Kỳ Huyệt Học” xuất bản vào năm Dân Quốc thứ 57 (tức Công Nguyên năm 1968), đây đều là những tài liệu nội bộ dành cho đệ tử nhập môn bá sư lúc bấy giờ, hay còn gọi là du ấn gián nghĩa, quyển này ghi chép 163 huyệt đạo trong châm cứu nhà họ Đồng. Quyển này hiện nay không còn tái bản, không thể mua được nữa.

Quyển thứ hai là “Đồng Thị Châm Cứu Chính Kinh Kỳ Huyệt Học” xuất bản vào tháng 8 năm Dân Quốc thứ 62 (tức năm 1973), quyển này do đệ tử bá sư - tiên sinh Viên Quốc Bản hỗ trợ biên soạn, do nhà xuất bản Tân Á của Đài Bắc in ấn phát hành. So với quyển trước, quyển này công bố nhiều huyệt đạo hơn, ghi chép tổng cộng 207 huyệt của nhà họ Đồng. Quyển sách này cũng đã sớm không còn tái bản, không cách nào mua được.

Quyển thứ ba là “Tung’s Acupuncture” xuất bản tháng 9 năm Dân Quốc thứ 62 (tức năm 1973), do đệ tử bá sư - Dechen Paldan hỗ trợ phiên dịch, do nhà xuất bản Hsin Ya của Đài Bắc in ấn phát hành, quyển sách này giảng giải huyệt đạo của Châm cứu Đồng Thị hoàn toàn bằng tiếng Anh, trong sách ghi chép 207 huyệt đạo của nhà họ Đồng. Quyển sách này cũng sớm không còn tái bản, không có cách nào mua được.

Tháng 7 năm Dân Quốc thứ 98 (tức năm 2009) chúng tôi có phỏng vấn đệ tử bá sư Viên Quốc Bản, lúc ấy ông đã đồng ý lưu những quyển sách lưu hành nội bộ không còn tái bản này chuyển thành bản điện tử và công bố trên mạng cho những người mong muốn học châm cứu Đồng Thị trong tương lai

có thể đọc và tải xuống miễn phí. Ông và chúng tôi mong muốn tài sản quý báu của tiên sinh Đồng Cảnh Xương không những được lưu truyền lại, mà còn có thể phát triển và truyền thừa Châm cứu Đồng Thị mãi mãi về sau.

Mặt khác, vẫn còn một quyển xuất bản nhân dịp kỷ niệm nghiên cứu Châm Cứu Đồng Thị, quyển này xuất bản tháng 4 năm Dân Quốc thứ 66 (1977), đây là quyển sách được in sau khi Đồng Cảnh Xương mất, chủ yếu do tiên sinh Viên Quốc Bản cùng với những huynh đệ khác xuất bản làm kỷ niệm. Trong sách có rất nhiều những bức ảnh quý, có tất cả ảnh, tên của 75 đệ tử bái sư Đồng Công. Do đó những tài liệu và ảnh trong sách đều có giá trị rất lớn, cho nên cũng được liệt kê trong quá trình chuyển 3 quyển sách của tiên sinh Đồng Cảnh Xương thành bản điện tử.

Năm đó, Đồng Công đã có rất nhiều cách làm đi trước thời đại, ví dụ như: Ông không những hủy bỏ quy định xưa nay chỉ truyền cho người nhà của Châm cứu Đồng Thị, bắt đầu truyền rộng ra bên ngoài, đồng thời còn xuất bản sách Châm cứu Đồng Thị bằng tiếng Trung và tiếng Anh, Có thể thấy Đồng Công rất vui khi nhìn thấy Châm cứu Đồng Thị phát triển mạnh ra toàn thế giới. Sau khi Đồng Công mất không bao lâu sau, những quyển sách này cũng ngừng xuất bản, do đó, chúng tôi muốn tiếp nối chí khí và nguyện vọng của Đồng Công lúc ấy, hy vọng có thể đem những quyển sách quý đã bị dừng xuất bản này, chuyển thành bản điện tử, để mọi người có thể đọc miễn phí và lưu truyền rộng rãi, thực hiện hóa giấc mộng chưa thành của Đồng Công, khiến cho Châm cứu Đồng Thị có thể càng phổ biến hơn nữa, càng có có sức ảnh hưởng để truyền mãi về sau.

Ngày 30 tháng 8 năm 2009

Học trò Đồng Thị - Trần Kinh Văn kính viết.

TIỂU SỬ ĐỒNG CẢNH XƯƠNG



Đương Đại Chân Thánh ĐỒNG CẢNH XƯƠNG

Sinh năm 1916

Mất năm 1975

Giới tính: Nam

Người được chân truyền tuyệt kỹ
“**Đổng Thị Kỳ Huyết**” và truyền
tuyệt kỹ châm cứu này ra thế giới.

Tiên sinh Đồng Cảnh Xương, người gốc huyện Bình Độ, tỉnh Sơn Đông (Trung Quốc), Sinh ngày 23 tháng 5 năm Dân Quốc thứ 5 (tức năm 1916), mất ngày 7 tháng 11 năm Dân Quốc thứ 64 (tức năm 1975) (Âm lịch ngày 5 tháng 10). Qua đời tại nhà do tuổi cao, hưởng thọ 60 tuổi. An táng tại nghĩa trang Dương Minh Sơn – Đài Bắc.

Tổ tiên của tiên sinh Cảnh Xương ở Sơn Đông đã dùng y thuật châm cứu để hành y cứu người, vì thế tiên sinh tiếp tục nối nghiệp tổ tiên học tập châm cứu Đổng Thị, phương pháp châm này có những điểm khác biệt so với châm cứu truyền thống, hiệu quả kỳ lạ ngay từ cách chọn huyết, trong giới học thuật châm cứu đã sớm tự đứng thành một học phái riêng. Tiên sinh Đồng Cảnh Xương đã từng kể như thế này “Thuật châm cứu mà tổ tiên truyền lại khác với 14 kinh lạc, phần lớn các vị trí huyết đạo cũng khác so với 365 huyết truyền thống, coi trọng châm mà xem nhẹ cứu, phương pháp chữa

đơn giản mà hiệu quả rõ ràng, rất nhiều chứng được chẩn đoán là nan y đã được Cảnh Xương dùng châm thuật của tổ truyền chữa khỏi một cách thần tốc. Đổng Thị châm cứu của chúng ta có nguồn gốc riêng, tự đứng thành một học phái. Tiếc rằng di thư của tổ tiên đã bị hủy trong khói lửa chiến tranh, vô cùng đáng tiếc! May thay trí nhớ của Cảnh Xương vô cùng tốt, vẫn có thể nhớ rõ yếu quyết của những châm thuật được truyền thừa.”

Năm Dân quốc thứ 23 (tức năm 1939) Cảnh Xương tiên sinh mở phòng mạch châm cứu ở huyện Bình Độ, tỉnh Sơn Đông, càng hiếm có khi mà phòng mạch không lấy phí điều trị để phục vụ quê hương. Sau đó vì thời kỳ kháng chiến, không thể không rời quê nhập ngũ, sau khi kháng chiến thắng lợi, côi giáp xuất ngũ về quê cũ, lại mở một phòng mạch ở huyện Thanh Đảo, tỉnh Sơn Đông. Sau này chiến tranh với Trung Cộng lại nổi dậy, năm Dân quốc thứ 38 (tức năm 1949) tiên sinh lại một lần nữa nhập ngũ, sau đó cùng với Quốc Dân Đảng tiến về Đài Loan, năm Dân Quốc thứ 42 (tức năm 1953) Với lý do là bệnh cũ tái phát, xin giải ngũ và định cư tại Đài Bắc, đồng thời mở lại phòng khám hành nghề, nhưng đa phần là chữa trị miễn phí cho những người trong quân ngũ.

Từ năm Dân Quốc thứ 23, Cảnh Xương tiên sinh bắt đầu cầm kim cứu người, hơn 40 năm lâm sàng trong cuộc đời, số người chữa trị lên đến hơn 40 vạn. Trong đó do biến động thời cuộc mà đầu quân làm lính 13 năm, nhưng trong quân ngũ cũng làm nhiệm vụ trong đơn vị quân y cứu chữa cho chiến sĩ.

Tiên sinh Cảnh Xương luôn mang trong mình một tinh thần Bồ Tát, thời gian ở Đài Loan, ông đã nhiều lần tổ chức các buổi khám từ thiện cho quân nhân, công nhân viên, giáo viên và các nhân dân nghèo khó, cứu chữa gần 10000 người, từng nhiều lần được vinh danh người tốt việc tốt. Đồng thời, trong thời gian từ năm 1971 đến năm 1974, 5 lần nhận được lời mời đến Campuchia điều trị bán thân bất toại cho tổng thống Lon Nol. Tổng thống Lon Nol sau khi bị tai biến mạch máu não đã từng đi Mỹ điều trị bằng Tây y nhiều tháng không khỏi, sau khi về nước, nhiều lần mời các châm cứu y sư từ Thái Lan, Campuchia, Hồngkong và Đài Loan đến điều trị nhưng không hiệu quả, nhờ đôi bàn tay thần diệu của tiên sinh Cảnh Xương bệnh của tổng thống Lon Nol đã được điều trị khỏi hoàn toàn, đồng thời nhận được lời cảm

on từ tổng thống Lon Nol, nhận được “*Học vị Tiến sỹ y khoa*”, phong tặng “Huân chương quốc phòng cấp quân đội”, đồng thời được tặng bức tượng Phật bằng đồng và ngà voi điêu khắc. Cũng nhờ thành tích tại nước bạn đó mà vinh dự được Tổng thống Đài Loan lúc bấy giờ - Tưởng Giới Thạch tặng bằng khen danh dự cao quý nhất, là người đầu tiên của giới YHCT nhận được bằng khen này, đồng thời nhờ đó vang danh khắp thế giới, lan truyền trong và ngoài nước.

Vì muốn truyền lại báu vật của nền châm cứu Trung Quốc - “*Châm cứu Đồng thị*” truyền lại cho đời sau, tháng 8 năm Dân quốc thứ 62 (tức Công Nguyên năm 1973) Tiên sinh Cảnh Xương xuất bản sách “*Đồng Thị châm cứu chính kinh kỳ huyệt học*”, công khai tài liệu giảng dạy của châm cứu Đồng Thị ra toàn thế giới, đồng thời phá vỡ quy tắc không truyền cho người ngoài của châm cứu Đồng thị, bắt đầu truyền bá rộng rãi đồng thời thu nhận đệ tử bá tử sư mà không thu bất kỳ chi phí gì, phong thái đức độ sáng ngời này, bất kể từ trước tới nay, thậm chí là trong tương lai cũng rất ít gặp. Cả cuộc đời mình tiên sinh Cảnh Xương đã thu nhận 75 đệ tử, những đệ tử này như Phật pháp nhiệm màu, mỗi đóa hoa tỏa ra năm cánh ngũ sắc, sau khi tiên sinh qua đời 30 năm, đã đưa châm cứu Đồng Thị đi khắp nơi trên toàn thế giới, đồng thời dần dần khẳng định được vị thế nhất định trong giới châm cứu lâm sàng trên trường quốc tế.

Nếu như trong tương lai, châm cứu Đồng Thị có thể cứu giúp được thêm nhiều bệnh nhân, đây đều phải cảm ơn tầm nhìn xa trông rộng của tiên sinh Cảnh Xương lúc ban đầu, thầy đã phá bỏ gia của của châm cứu Đồng Thị, truyền bá ra ngoài, phát huy và truyền bá châm cứu Đồng Thị, đây chính là ân huệ của tiên sinh, phúc phần đời này của tôi!

Công Nguyên, ngày 24 tháng 8 năm 2009
Học trò Đồng Thị - Trần Kinh Văn kính bút



BỘ T 11

12 T 11.01 Huyệt Đại Gian

13 T 11.02 Huyệt Tiểu Gian

14 T 11.03 Huyệt Phù Gian

15 T 11.04 Huyệt Ngoại Gian

16 T 11.05 Huyệt Trung Gian

17 T 11.06 Huyệt Hoàn Sào

18 T 11.07 Huyệt Chi Tứ Mã

19 T 11.08 Huyệt Chi Ngũ Kim,
Chi Thiên Kim

20 T 11.09 Huyệt Tâm Tất

21 T 11.10 Huyệt Mộc Hoá

22 T 11.11 Huyệt Phế Tâm

23 T 11.12 Huyệt Nhị Giác Minh

24 T 11.13 Huyệt Đòm

25 T 11.14 Huyệt Chi Tam Trọng

26 T 11.15 Huyệt Chi Thận

27 T 11.16 Huyệt Hoả Tất

28 T 11.17 Huyệt Mộc
(Còn gọi huyệt Cảm Mạo)

29 T 11.18 Huyệt Tỳ Thũng

30 T 11.19 Huyệt Tâm Thường

31 T 11.20 Huyệt Mộc Viêm

32 T 11.21 Huyệt Tam Nhãn

33 T 11.22 Huyệt Phục Nguyên

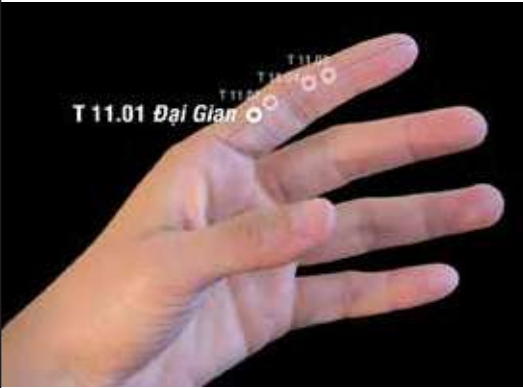
34 T 11.23 Huyệt Nhãn Hoàng

35 T 11.24 Huyệt Phụ Khoa

36 T 11.25 Huyệt Chi Diên

37 T 11.26 Huyệt Chế Ô

38 T 11.27 Huyệt Ngũ Hồ



T 11.01 Huyết Đại Gian

Vị trí: Chính giữa đốt 1 ngón trỏ ra ngoài sang trái 3 phân.

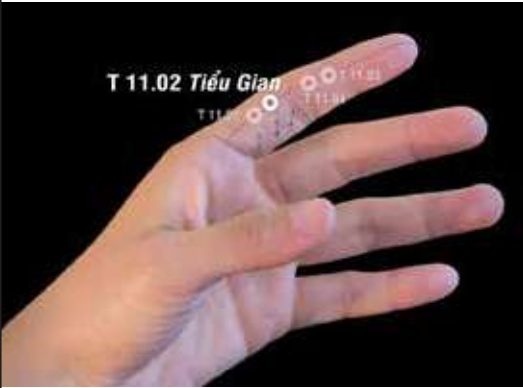
Giải phẫu: Nhánh dưới da của thần kinh quay, phân nhánh thần kinh tạng tâm và lục phủ.

Chủ trị: Bệnh tim mạch, đau khớp gối, thoát vị ruột non, các chứng thoát vị (đặc biệt hiệu quả), đau khoeo mắt.

Cách lấy huyết: Nằm ngửa, lòng bàn tay hướng lên trên, huyết nằm ở chính giữa đốt 1 ngón trỏ ra ngoài sang trái (về phía ngón cái) 3 phân.

Thủ pháp: Dùng kim 5 phân, châm thẳng xuống 1 phân là phân nhánh thần kinh của tim thực thể; châm thẳng 2 đến 2,5 phân là thần kinh tiểu trường.

Chú ý: *Nghiêm cấm đồng thời châm cả 2 bên.*



T 11.02 **Huyết Tiểu Gian**

Vị trí: Đốt thứ nhất ngón trỏ lệch ra ngoài lên trên, cao hơn huyết Đại Gian 2 phân.

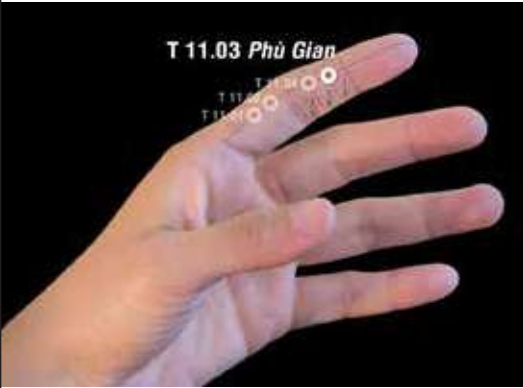
Giải phẫu: Nhánh dưới da của thần kinh quay, phân nhánh thần kinh phế, phân nhánh thần kinh tạng tâm và lục phủ.

Chủ trị: Viêm phế quản, khạc đờm vàng, tức ngực, tim đập nhanh, đau khớp gối, sa ruột, thoát vị bẹn, đau khoeo mắt.

Cách lấy huyết: Nằm ngửa, lòng bàn tay hướng lên trên, từ chính giữa đốt thứ nhất lệch ra ngoài lên trên (về phía ngón cái), cách huyết Đại Gian 2 phân.

Thủ pháp: Dùng kim 5 phân, châm thẳng xuống 1 phân để điều trị bệnh lý của tim thực thể, 2 đến 2,5 phân là phân nhánh thần kinh phổi.

Chú ý: *Nghiêm cấm đồng thời châm cả 2 bên.*



T 11.03 HuyệT Phò Gian

Vị trí: Chính giữa đốt thứ 2 lệch ngoài 2 phân, cách lần đốt ngón thứ ba 3,3 phân.

Giải phẫu: Nhánh dưới da của thần kinh quay, phân nhánh thần kinh tạng tâm và lục phủ.

Chủ trị: Thoát vị bẹn, viêm đường tiết niệu, sa ruột non, đau răng, đau dạ dày.

Cách lấy huyết: Từ chính giữa đốt thứ 2 ngón trở lệch ra ngoài (về phía ngón cái) 2 phân, cách lần đốt thứ ba 3,3 phân.

Thủ pháp: Châm sâu từ 1 đến 2 phân.

Chú ý: *Nghiêm cấm đồng thời châm cả 2 bên.*



T 11.04 **Huyết Ngoại Gian**

Vị trí: Đường chính giữa đốt thứ 2 ngón trỏ lệch ngoài (về phía ngón cái) 2 phân, cách lần đốt thứ ba 6 phân.

Giải phẫu: Nhánh dưới da của thần kinh quay, phân nhánh thần kinh tạng tâm và lục phủ.

Chủ trị: Thoát vị bẹn, viêm niệu đạo, sa ruột non, đau răng, đau dạ dày.

Cách lấy huyết: Đường chính giữa đốt thứ 2 ngón trỏ lệch ngoài (về phía ngón cái) 2 phân, cách lần đốt thứ ba 6 phân.

Thủ pháp: Châm sâu từ 1 đến 2 phân.

Chú ý: *Nghiêm cấm đồng thời châm cả 2 bên.*



T 11.05 Huyết Trung Gian

Vị trí: Chính giữa đốt thứ nhất ngón trỏ.

Giải phẫu: Nhánh dưới da của thần kinh quay, phân nhánh thần kinh phế, phân nhánh thần kinh tạng tâm và lục phủ.

Chủ trị: Tim đập nhanh, tức ngực, đau khớp gối, hoa mắt, chóng mặt, thoát vị bẹn.

Cách lấy huyết: Lòng bàn tay hướng lên trên, huyết ở chính giữa đốt thứ nhất ngón trỏ.

Thủ pháp: Dùng kim 5 phân, châm sâu từ 1 đến 2,5 phân. Châm sâu 1-2 phân trị các vấn đề về tim ngực, đầu, mắt. Châm sâu 2,5 phân trị thoát vị bẹn, đau khớp gối.

Vận dụng: Phương huyết chữa thoát vị bẹn: Ngoại Gian, Đại Gian, Tiểu Gian, Trung Gian, 4 huyết châm đồng thời đặc trị thoát vị bẹn.

Chú ý: *Nghiêm cấm đồng thời châm cả 2 bên.*



T 11.06 HuyệT Hoàn Sào

Vị trí: Nằm ở chính giữa phía ngoài đốt thứ 2 của ngón áp út (*phía gần ngón út*)

Giải phẫu: Thần kinh phụ của can, thần kinh phụ của thận.

Chủ trị: Đau tử cung, u tử cung, viêm tử cung, rối loạn kinh nguyệt, bệnh khí hư, tắc ống dẫn trứng, lệch tử cung, tiểu tiện nhiều, sung âm hộ, an thai. (*tài liệu năm 1968 có ghi chép chữa trị lưu thai*)

Cách lấy huyết: Chính giữa phía ngoài đốt thứ 2 của ngón áp út (phần tiếp giáp với ngón út).

Thủ pháp: Kim 5 phân, châm sâu 1 đến 3 phân. (*Bản 1963 có chú thích thêm sát mép trên xương ngón tay*)

Chú ý: *Nghiêm cấm đồng thời châm cả 2 bên.*



T 11.07 Huyệт Chử Tứ Mã

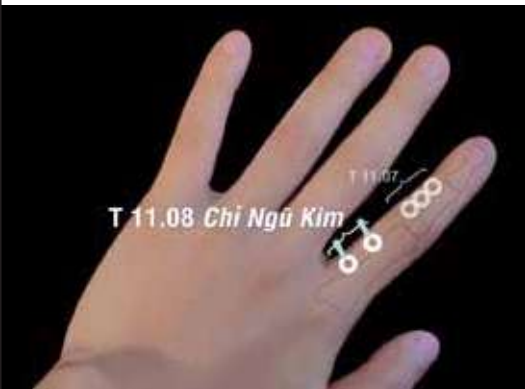
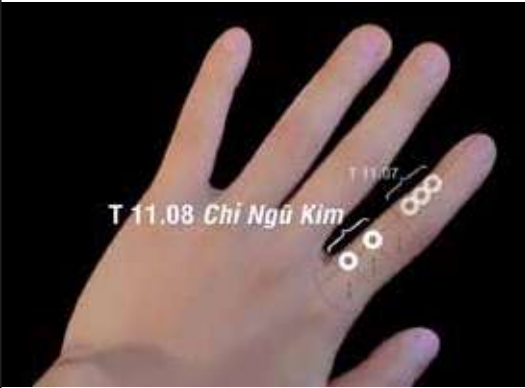
Vị trí: Huyệт gồm 3 điểм, thuộc lưng đốт thứ 2 ngón trỏ, nằm trên đường cách đường chính giữa 2 phân.

Giải phẫυ: Thần kinh quay, thần kinh giữa, phân nhánh thần kinh của Phế.

Chủ trị: Viêm và đau cơ bên sườn, bệnh ngoài da, nấm tàn nhang vùng mặt, viêm mũi, ù tai, viêm tai.

Cách lấy huyệт: Điểм chính giữa đốт thứ 2 trên lưng ngón tay trỏ cách ra ngoài về phía ngón út 2 phân là huyệт thứ nhất, từ huyệт thứ nhất lên trên 3 phân, xuống dưới 3 phân là huyệт thứ 2 và 3, tổng cộng 3 huyệт.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.



T 11.08 Huyết Chi Ngũ Kim, Chi Thiên Kim

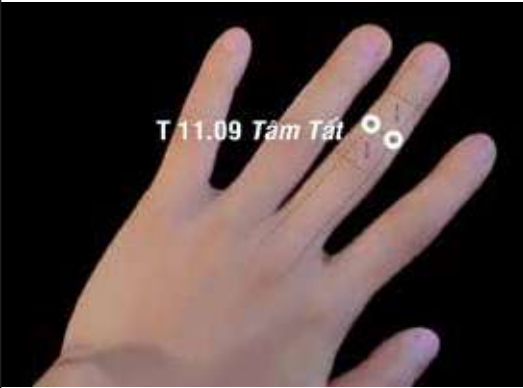
Vị trí: Thuộc lung đốt thứ nhất ngón trỏ, nằm trên đường cách đường chính giữa 2 phân.

Giải phẫu: Thần kinh quay, phân nhánh thần kinh của Phế.

Chủ trị: Viêm đại tràng, đau bụng.

Cách lấy huyết: Lung đốt thứ nhất của ngón trỏ, cách đường chính giữa về phía ngón út 2 phân, cách vân đốt tay thứ hai 3,3 phân là huyết Chi Ngũ Kim, cách 6,6 phân là huyết Chi Thiên Kim.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.



T 11.09 HuyệT Tâm TấT

Vị trí: Là 2 điểm chính giữa mặt lưng 2 bên đốt thứ hai của ngón tay giữa.

Giải phẫu: Thần kinh giữa, phân nhánh thần kinh tạng tâm

Chủ trị: Đau khớp gối, đau bả vai.

(Bổ sung: Do tức giận mà đờm thấp bế tâm gây ra bệnh động kinh.)

Cách lấy huyết: Điểm chính giữa mặt lưng 2 bên của đốt thứ 2 ngón tay giữa, gồm 2 huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.



T 11.10 Huyết Mộc Hỏa

Vị trí: Nằm ở chính giữa lằn đốt thứ 2, phía lưng ngón tay trỏ.

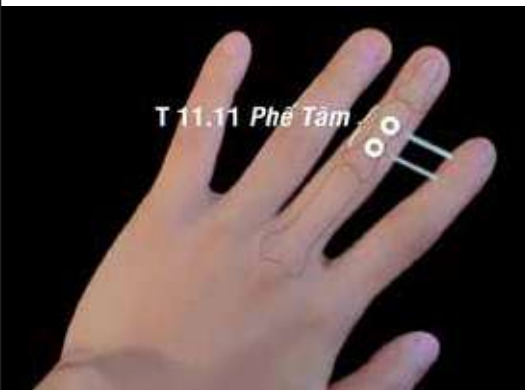
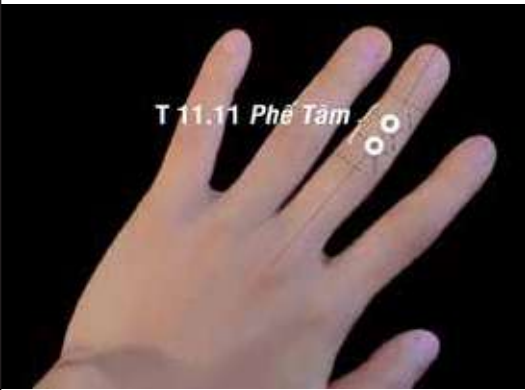
Giải phẫu: Thần kinh giữa, phân nhánh thần kinh tạng tâm quay qua Can.

Chủ trị: Bán thân bất toại (*huyết này từng được dùng để điều trị chứng bán thân bất toại của cựu tổng thống Campuchia - Nguyên soái Lon Nol, hiệu quả vô cùng*)

Cách lấy huyết: Phía lưng ngón tay giữa, chính giữa đường vân giữa đốt thứ 2 và đốt thứ 3.

Thủ pháp: Châm ngang dưới da 0,5 phân.

Chú ý: *Lần đầu châm có thể lưu kim 5 phút, 5 ngày sau lưu kim 3 phút, 5 ngày tiếp theo lưu kim 1 phút. Thời gian và số lần đều không được vượt quá quy định.*



T 11.11 HuyệT Phế Tâm

Vị trí: Nằm trên đường chính giữa mặt lưng đốt thứ hai ngón tay giữa.

Giải phẫu: Thần kinh giữa, phân nhánh thần kinh tạng tâm và phế.

Chủ trị: Đau nhức xương cột sống, đau cổ gáy, đau tức bắp chân.

Cách lấy huyết: Trên đường chính giữa giữa mặt lưng đốt thứ hai của ngón tay giữa, cách lần đốt tay trên và dưới 3,3 phân là huyết, tổng cộng gồm 2 huyết.

Thủ pháp: Châm ngang dưới da 0,5 phân.



T 11.12 Huyết Nhị Giác Minh

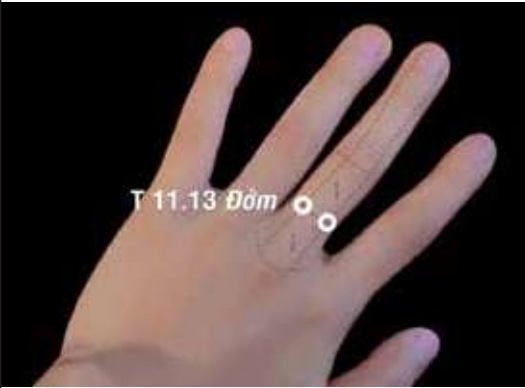
Vị trí: Nằm trên đường chính giữa mặt lưng đốt thứ nhất của ngón tay giữa.

Giải phẫu: Thần kinh giao thoa hỗn hợp của thần kinh trụ và quay, thần kinh thận.

Chủ trị: đau lưng cấp do vận động sai tư thế, đau thận, đau xương cung lông mào, đau xương vùng mũi.

Cách lấy huyết: Trên đường chính giữa mặt lưng đốt thứ nhất ngón giữa, cách lần đốt thứ hai 3,3 phân là huyết 1, cách 6,6 phân là huyết 2, tổng cộng gồm 2 huyết.

Thủ pháp: Châm ngang dưới da 0,5 phân.



T 11.13 Đốm

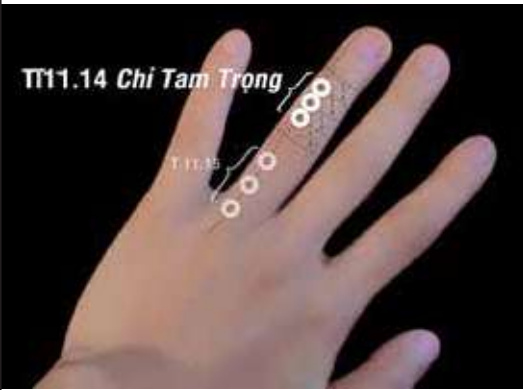
Vị trí: Nằm tại trung điểm 2 bên đốt thứ nhất của ngón giữa.

Giải phẫu: nhánh dưới da của thần kinh quay và trụ, thần kinh đốm.

Chủ trị: Tâm kinh hãi, trẻ con khóc đêm

Cách lấy huyết: Trung điểm 2 bên của đốt thứ nhất ngón tay giữa, tổng cộng hai huyết.

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu.



T 11.14 Huyết Chi Tam Trọng

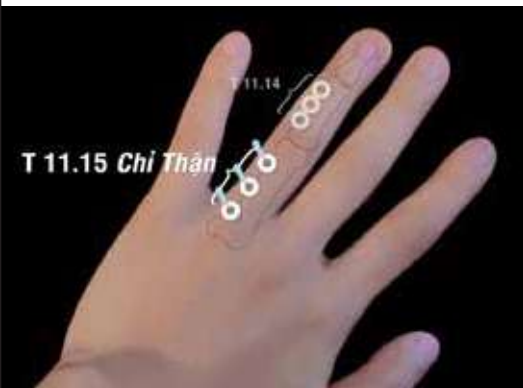
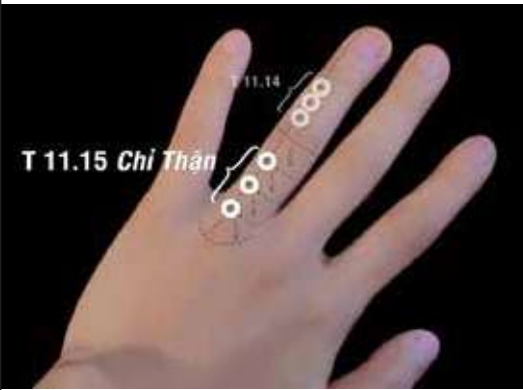
Vị trí: Bờ ngoài đốt giữa ngón áp út.

Giải phẫu: Thần kinh trụ, thần kinh phụ của can, thần kinh phụ của thận.

Chủ trị: Trừ phong, liệt mặt, sưng vú, cơ teo nhẽo.

Cách lấy huyết: Điểm chính giữa đốt thứ hai ngón áp út lệch về phía ngón út 2 phân là huyết thứ nhất, từ huyết thứ nhất lên 3 phân, xuống 3 phân là các huyết thứ 2 và thứ 3, tổng cộng gồm 3 huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.



T 11.15 HuyệT Chì Thận

Vị trí: Phía ngoài (về phía ngón trỏ) đốt giữa ngón áp út.

Giải phẫu: Thần kinh trụ, thần kinh phụ của can, thần kinh phụ của thận.

Chủ trị: Khô miệng, thận suy, tim thực thể suy yếu, đau lưng

Cách lấy huyết: Điểm chính giữa đốt thứ nhất ngón áp út lệch về phía ngón út 2 phân là huyết thứ nhất, từ huyết thứ nhất lên 3 phân, xuống 3 phân là các huyết thứ 2 và thứ 3, tổng cộng gồm 3 huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.

Vận dụng: Trị đau lưng nên châm đồng thời cả 3 huyết.



T 11.16 Huyết Hoả Tất

Vị trí: Cách góc móng tay phía ngoài của ngón tay út 2 phân.

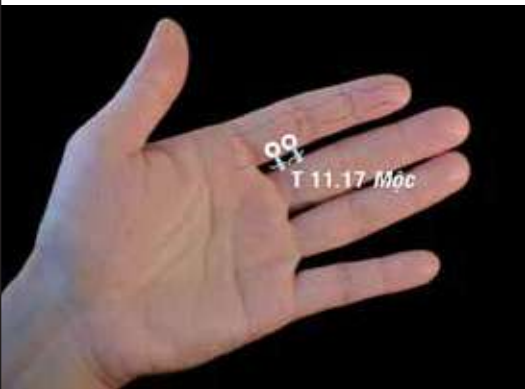
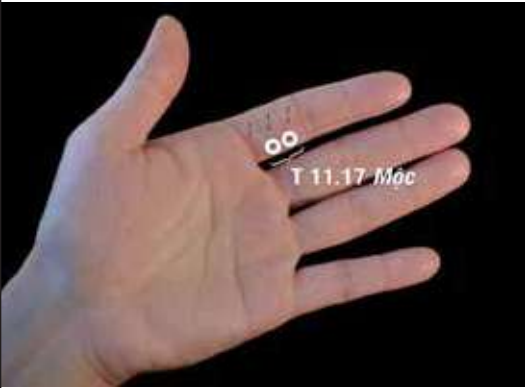
Giải phẫu: Thần kinh trụ, thần kinh tạng tâm.

Chủ trị: Đau khớp gối, đau bả vai.

(Bổ sung: Do tức giận mà đờm thấp bế tâm gây ra bệnh động kinh.)

Cách lấy huyết: Phía sau cách góc móng tay phía ngoài của ngón tay út 2 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.



T 11.17 HuyệT Mộc (Còn gọi huyết Cảm Mạo)

Vị trí: Phía lòng bàn tay, phía trong (phía gần ngón út) đốt thứ nhất của ngón trỏ.

Giải phẫu: Thần kinh giữa, thần kinh các ngón tay phía mặt lòng bàn tay, thần kinh can.

Chủ trị: Can hỏa vượng, tính khí nóng này.

(Bổ sung: Cảm mạo, khô mắt, chảy nước mắt, chảy nước mũi, chỉ hãn, cảm mạo mồ hôi nhiều, các bệnh da liễu vùng tay, da tay thô cứng).

Cách lấy huyết: Phía lòng bàn tay, về phía trong (phía gần ngón út) đốt thứ nhất của ngón trỏ, trên đường thẳng cách đường chính giữa 2 phân, huyết thứ nhất cách vân đốt thứ hai 3,3 phân; huyết thứ 2 cách 6,6 phân, tổng cộng gồm 2 huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.



T 11.18 HuyệT Tý Thũng

Vị trí: Nằm ở đường chính giữa đốt thứ 2 ngón giữa, phía lòng bàn tay.

Giải phẫu: Thần kinh giữa, thần kinh tý.

Chủ trị: Lách to, viêm lách, lách xơ hóa.

Cách lấy huyết: Đường chính giữa đốt thứ 2 của ngón trở, phía lòng bàn tay, cách vân đốt thứ ba 3,3 phân là huyết thứ nhất, 6,6 phân là huyết thứ hai, tổng cộng có huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.



T 11.19 Huyết Tâm Thường

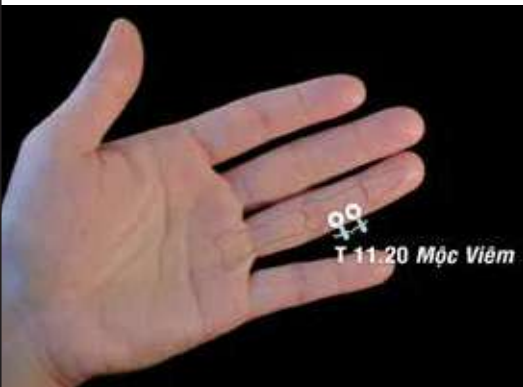
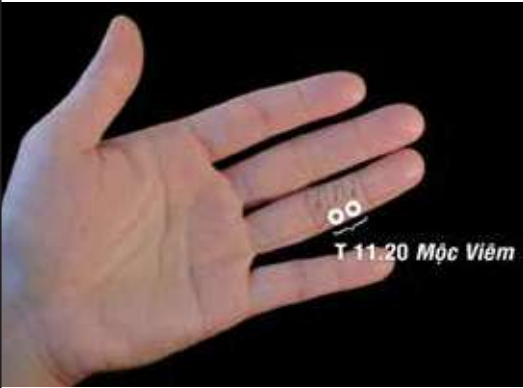
Vị trí: Phía lòng bàn tay, đường chính giữa đốt thứ nhất ngón giữa lệch ngoài (về phía ngón út) 2 phân.

Giải phẫu: Thần kinh giữa, thần kinh tạng tâm, thần kinh các ngón tay phía mặt lòng bàn tay.

Chủ trị: Tim đập nhanh, các bệnh về tim mạch, các bệnh phong thấp của tim

Cách lấy huyết: Phía lòng bàn tay, đường chính giữa đốt thứ nhất ngón giữa lệch ngoài (phía ngón út) 2 phân, cách lần đốt tay thứ hai 3,3 phân là một huyết, cách 6,6 phân là một huyết, tổng cộng là hai huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 2 phân.



T 11.20 Huyệт Mọc Viêm

Vị trí: Phía lòng bàn tay, nằm ở đốt thứ 2 của ngón vô danh, từ trung tâm sang ngang 2 phân

Giải phẫu: Thần kinh quay, thần kinh can, thần kinh các ngón tay phía mặt lòng bàn tay.

Chủ trị: Viêm gan, gan sưng to, xơ gan

Cách lấy huyết: Phía lòng bàn tay, nằm ở đốt thứ 2 của ngón vô danh, từ trung tâm sang ngang 2 phân, huyết 1 cách lần đốt thứ 3 là 3,3 phân, huyết thứ 2 cách lần đốt thứ 3 là 6,6 phân. Tổng cộng 2 huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.



T 11.21 HuyệT Tam Nhân

Vị trí: Phía lòng bàn tay, nằm ở phía trong (*phía ngón cái*) của ngón áp út.

Giải phẫu: Thần kinh giữa, thần kinh các ngón tay phía mặt lòng bàn tay.

Chủ trị: Bỏ khí, tác dụng giống Túc tam lý của chính kinh.

Cách lấy huyết: Phía lòng bàn tay, đường chính giữa đốt thứ 2 ngón áp út lệch trong (phía gần ngón cái) 2 phân, cách lần đốt tay thứ hai 2 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.



T 11.22 Huyết Phục Nguyên

Vị trí: Phía lòng bàn tay, đường chính giữa đốt thứ nhất ngón áp út lệch ngoài (về phía ngón út) 2 phân.

Giải phẫu: Thần kinh quay, thần kinh can, thần kinh các ngón tay phía mặt lòng bàn tay.

Chủ trị: Tiêu gai xương, viêm màng xương

Cách lấy huyết: Lòng bàn tay, đường chính giữa đốt thứ nhất ngón áp út lệch về phía ngón út 2 phân, trên đường dọc này lấy điểm chính giữa của đốt thứ nhất là huyết 1, trên dưới 3 phân là huyết 2 và huyết 3.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.





T 11.23 Huyệт Nhãn Hoàng

Vị trí: Phía lòng bàn tay, huyết nằm chính giữa đốt thứ 2 của ngón út.

Giải phẫu: Thần kinh trụ, thần kinh đờm.

Chủ trị: Bệnh vàng mắt

Cách lấy huyết: Phía lòng bàn tay, chính giữa đốt thứ 2 của ngón út.

Thủ pháp: Châm sâu 0,5 phân.



T 11.24 Huyệт Phyu Khoa

Vị trí: Phía ngoài (*phía ngón út*) đốt thứ nhất của ngón cái.

Giải phẫu: Thần kinh quay, thần kinh giữa, thần kinh tử cung.

Chủ trị: Viêm tử cung, đau tử cung cấp và mãn tính, u tử cung, bụng dưới căng tức, vô sinh, rối loạn kinh nguyệt, đau bụng kinh, kinh nguyệt lượng quá nhiều hoặc quá ít.

Cách lấy huyết: Phía lưng của ngón cái ở đốt thứ nhất lệch ngoài (*về phía ngón trỏ*) 3 phân, cách lần ngón tay trên 1/3 là huyết thứ nhất, cách 2/3 là huyết thứ 2, tổng cộng 2 huyết.

Thủ pháp: Dùng kim 5 phân, châm sâu 2 phân, châm cả 2 huyết.



T 11.25 Chi Diên

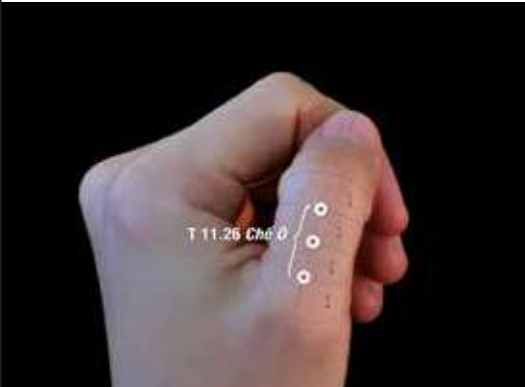
Vị trí: Phía trong đốt thứ nhất của ngón cái (phía ngón trỏ)

Giải phẫu: Thần kinh quay, thần kinh các ngón tay phía mặt lòng bàn tay.

Chủ trị: Trẻ con chảy nước miếng.

Cách lấy huyết: Phía trong đốt thứ nhất của ngón cái (cách đường chính giữa lưng ngón cái lệch vào trong 2 phân), cách lần đốt ngón tay 1/3 là huyết thứ nhất, cách tiếp 1/3 là huyết thứ hai (tóm lại 2 huyết chia khoảng cách đốt tay thành 3 phần đều nhau)

Thủ pháp: Châm sâu 2 phân.



T 11.26 Huyết Chế Ô

Vị trí: Đường chính giữa đốt thứ nhất của mặt lưng ngón tay cái.

Giải phẫu: Nhánh nông thần kinh quay.

Chủ trị: Vết thương lâu ngày ko lành, các vết mổ, vết thương hở miệng chảy nước không khô hoặc không liền miệng.

Cách lấy huyết: Đường chính giữa đốt thứ nhất của mặt lưng ngón tay cái.

Thủ pháp: Dùng kim chích máu chích ra máu đen sẽ có hiệu quả tức thì.



T 11.27 Ngũ Hồ

Vị trí: Phía ngoài đốt thứ nhất mặt trong lòng bàn tay của ngón cái

Giải phẫu: Nhánh nông thần kinh quay, thần kinh giữa, thần kinh các ngón tay ở phía mặt lòng bàn tay, thần kinh tỳ.

Chủ trị: Điều trị toàn thân cốt thũng.

(Bổ sung: Đau gót chân, đau chân, đau tay, đau đỉnh đầu. Ngũ Hồ 1 chữa đau các ngón tay, Ngũ Hồ 2, 3 chữa đau các ngón chân. Ngũ Hồ 3 chữa đau đỉnh đầu. Ngũ Hồ 4 chữa đau mu bàn chân. Ngũ Hồ 5 chữa đau gót bàn chân.)

Thủ pháp: Châm 2 phân.

Cách lấy huyết: Phía ngoài đốt thứ nhất mặt trong lòng bàn tay của ngón cái, mỗi 2 phân 1 huyết, tổng cộng 5 huyết.



BỘ T 22

- 40** T 22.01 Huyệt Trọng Tử
- 41** T 22.02 Huyệt Trọng Tiên
- 42** T 22.03 Huyệt Thượng Bạch
- 43** T 22.04 Huyệt Đại Bạch
- 44** T 22.05 Huyệt Linh Cốt
- 45** T 22.06 Huyệt Trung Bạch
(còn có tên là huyệt
Quỷ Môn)
- 46** T 22.07 Huyệt Hạ Bạch
- 47** T 22.08 Huyệt Uyển Thuận 1
- 48** T 22.09 Huyệt Uyển Thuận 2
- 49** T 22.10 Huyệt Thủ Giải
- 50** T 22.11 Huyệt Thổ Thủy



T 22.01 Huyết Trọng Tử

Vị trí: Từ hõ khẩu^[1] xuống khoảng 1 thốn, nằm giữa xương đốt bàn tay ngón cái và ngón trở mặt lòng bàn tay.

Giải phẫu: Phân bố của thần kinh quay và động mạch quay, phân nhánh thần kinh phế.

Chủ trị: Đau vùng lưng, viêm phổi (đặc hiệu), cảm mạo, khái thấu, khí suyễn (trẻ con là hiệu quả nhất).

Cách lấy huyết: Lòng bàn tay hướng lên trên, huyết ở giữa xương bàn tay ngón cái và ngón trở, tại vị trí hõ khẩu xuống 1 thốn.

Thủ pháp: Dùng kim 1 thốn, châm sâu từ 0,3 - 0,5 thốn.

^[1] Danh từ "Hõ khẩu" xuất phát từ Linh khu, là một tên khác của huyết Hợp cốc, qua nhiều năm danh từ Hõ khẩu dùng để chỉ vị trí giao nhau giữa ngón cái và ngón trở, trong trường hợp này cũng vậy.



T 22.02 HuyệT Trọng Tiên

Vị trí: Nơi hai xương bàn tay ngón cái và ngón trỏ gặp nhau, cách hồ khẩu 2 thốn, tương thông với huyết Linh Cốt đối diện ở mặt mu tay.

Giải phẫu: Nơi phân bố của thần kinh quay và động mạch quay, phân nhánh thần kinh phế, phân nhánh nhỏ thần kinh tâm.

Chủ trị: Đau lưng, viêm phổi, hạ sốt, nhịp tim nhanh, đau khớp gối.

Cách lấy huyết: Huyết nằm ở nơi giao nhau của xương đốt bàn tay ngón cái và ngón trỏ mặt bàn tay, cách hồ khẩu 2 thốn.

Thủ pháp: Dùng kim 1 thốn, châm sâu 0,3 - 0,5 thốn.

Vận dụng: Châm đồng thời hai huyết Trọng tử và Trọng tiên có hiệu quả đặc biệt trong chữa đau lưng.



T 22.03

Huyết Thương Bạch

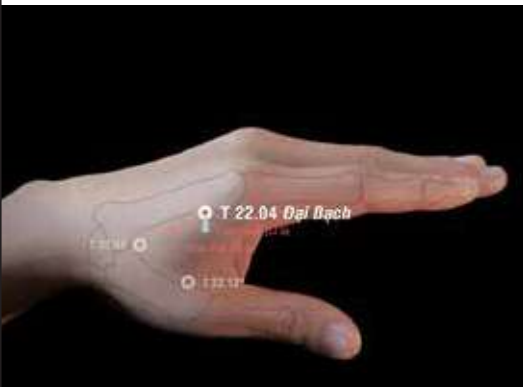
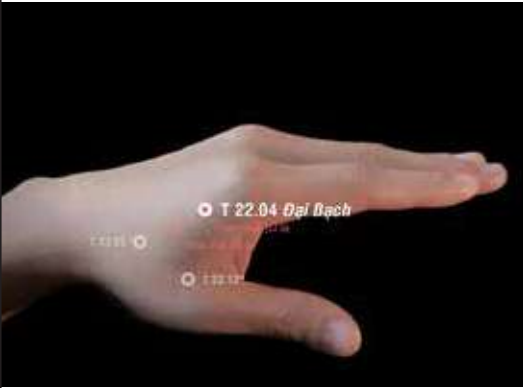
Vị trí: Huyết nằm trên mặt mu tay giữa xương ngón trỏ và ngón giữa, từ vị trí xương ngón tay tiếp giáp xương bàn tay xuống 0,5 thốn.

Giải phẫu: Giao thoa của phân nhánh nhỏ thần kinh tâm và phế.

Chủ trị: Mắt đỏ, đau thần kinh tọa, đau dưới ngực (*phía tim*).

Cách lấy huyết: Đặt sấp bàn tay, huyết nằm cách khớp bàn – ngón tay 0,5 thốn, tại vị trí khe bàn ngón tay trỏ và ngón tay giữa.

Thủ pháp: Châm kim 1 thốn, châm sâu từ 0,3 - 0,5 thốn.



T 22.04 Huyệт Đại Bạch

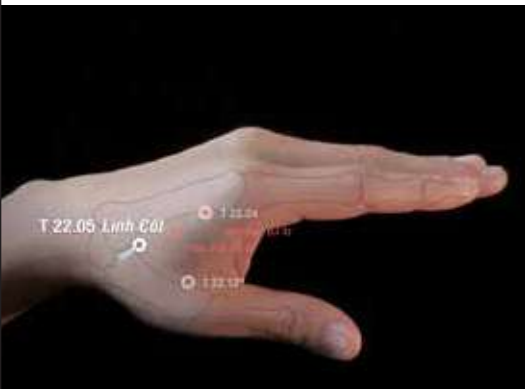
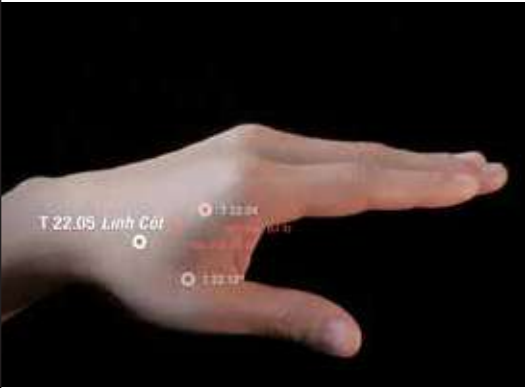
Vị trí: Nằm trên mặt mu tay, chỗ lõm giao nhau giữa xương bàn tay ngón cái và ngón trỏ. Tức chỗ lõm giữa hai xương bàn tay ngón 1 và ngón 2.

Giải phẫu: Gân cơ ngón cái, động mạch quay, thần kinh quay, phân nhánh thần kinh phế.

Chủ trị: Hen ở trẻ nhỏ, sốt cao (*đặc hiệu*), đau thần kinh tọa do công năng của phế không được đủ.

Cách lấy huyết: Nắm tay vào để chọn huyết (*ngón tay cái gấp dưới đốt một ngón trỏ*), từ đáy hố khẩu ra ngoài (*từ phía cổ tay ra phía ngón tay*) 5 phân là huyết.

Thủ pháp: Dùng kim 1 thốn, châm sâu từ 0,4 - 0,6 thốn, trị đau thần kinh tọa; dùng kim tam lăng để điều trị hen ở trẻ nhỏ, sốt cao và viêm phổi cấp tính (*đặc hiệu*).



T 22.05 HuyệT Linh Cốt

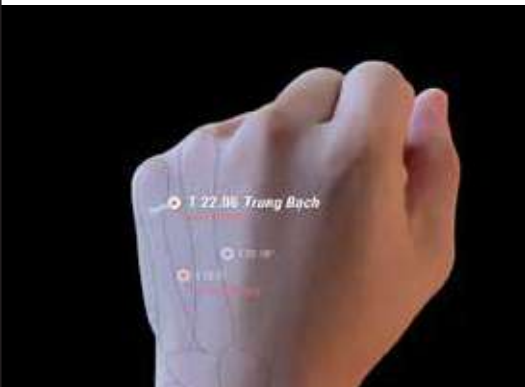
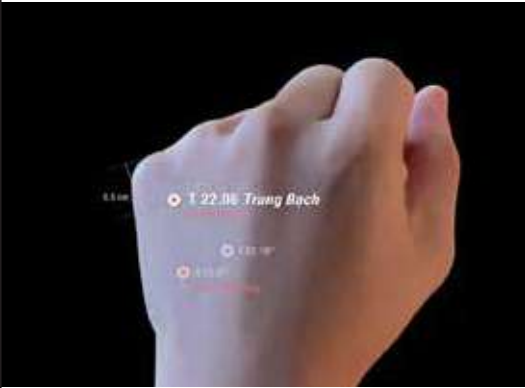
Vị trí: Nằm trên mặt mu tay, nơi giao nhau giữa xương bàn ngón cái và ngón trỏ, là nơi tiếp giáp của xương bàn ngón tay 1,2 tương thông nhau (*đôi xứng*) với huyết Trọng tiên

Giải phẫu: Gân gian cốt mu bàn tay ngón 1, động mạch quay, thần kinh quay, phân nhánh thần kinh phế.

Chủ trị: Đau thần kinh tọa do công năng của phế không đủ, đau lưng, đau chân, liệt mặt, bán thân bất toại, bệnh to đầu chi, phụ nữ kinh nguyệt không đều, bế kinh, khó sinh, đau lưng, ù tai, điếc tai, đau nửa đầu, đau bụng kinh, đau đại tràng, vầng đầu căng đầu.

Cách lấy huyết: Nắm tay để lấy huyết, từ vị trí giao nhau của xương bàn ngón 1 và 2, lên cách huyết Đại Bạch 1 thốn 2 phân, tương thông với huyết Trọng tiên.

Thủ pháp: dùng kim 1,5 - 2 thốn, có thể châm sâu thấu đến huyết trọng tiên (*châm quá sâu*).



T22.06 HuyệT Trung Bạch (còn có tên là huyệT Quý Môn).

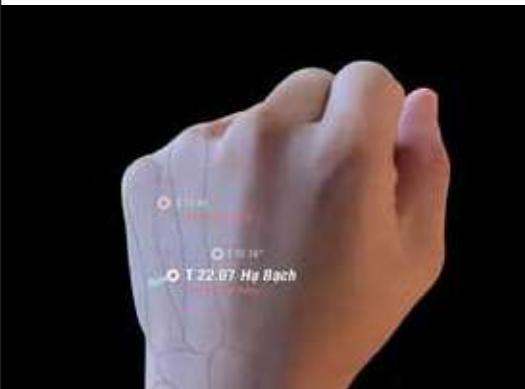
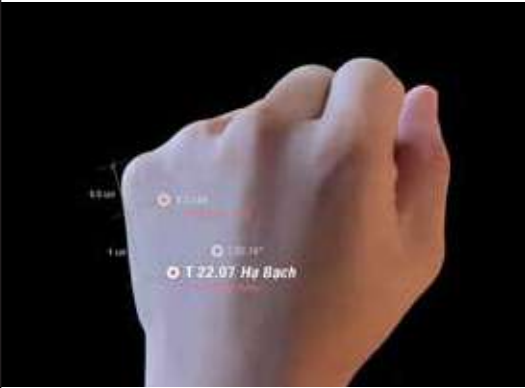
Vị trí: Nằm trên mu bàn tay, khe bàn ngón út và ngón áp út, cách khớp bàn - ngón tay 0,5 thốn.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh thận.

Chủ trị: Đây là huyệT trọng yếu trong điều trị các bệnh lý thuộc tạng thận như đau thắt lưng, đau lưng, vầng đầu, loạn thị, mệt mỏi, đau thần kinh tọa do tạng thận, đau mắt cá ngoài cổ chân, tứ chi phù thũng.

Cách lấy huyệT: HuyệT nằm ở khe bàn ngón tay út và ngón áp út, cách khớp bàn - ngón tay 0,5 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3 - 5 phân.



T 22.07 Huyết Hạ Bạch

Vị trí: Nằm trên mu bàn tay, khe bàn ngón út và ngón áp út, cách khớp bàn - ngón tay 1,5 thốn.

Giải phẫu: Nơi giao thoa của phân nhánh thần kinh phế can.

Chủ trị: Ê răng, đau gan nhẹ, và các chứng bệnh mà huyết Trung bạch chủ trị.

Cách lấy huyết: Nắm tay để lấy huyết, khe bàn ngón tay 4,5 cách khớp bàn - ngón tay 1,5 thốn (tức cách huyết Trung bạch 1 thốn) là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 3 - 5 phân.



T 22.08 Huyết Uyển Thuận 1

Vị trí: Mé ngoài xương bàn ngón tay út, cách lần chỉ cổ tay 2,5 thốn.

Giải phẫu: Gân xoay ngoài ngón tay út, động mạch và nhánh động mạch bên của cổ tay mặt mu bàn tay, thần kinh trụ, phân nhánh thần kinh thận.

Chủ trị: Đau đầu do thận suy, mắt hoa, đau thần kinh tọa, mệt mỏi, viêm thận, tứ chi cốt thũng, đau nặng hai bên thắt lưng, đau lưng (có hiệu quả rất đối với phụ nữ, không nên châm hai bên cùng 1 lần châm)

Cách lấy huyết: Huyết nằm ở mé ngoài xương bàn tay ngón út, cách lần chỉ cổ tay 2,5 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 0,2 - 0,4 thốn.



T 22.09 **Huyệt Uyển Thuận 2**

Vị trí: Huyệt nằm ở mé ngoài xương bàn ngón tay út, cách lần chỉ cổ tay 1,5 thốn.

Giải phẫu: Gân xoay ngoài ngón tay út, động mạch và nhánh động mạch bên của cổ tay mặt mu bàn tay, thần kinh trụ, và phân nhánh động mạch thận.

Chủ trị: Chảy máu mũi, và các chứng mà huyệt Uyển thuận 1 điều trị.

Cách lấy huyết: Huyệt nằm ở mé ngoài xương bàn ngón tay, cách lần chỉ cổ tay 1,5 thốn, tức từ huyệt Uyển thuận 1 đo xuống phía cổ tay 1 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu từ 0,2 - 0,4 thốn.

Chú ý: Khi châm huyệt Uyển thuận 1 và Uyển thuận 2, mỗi lần châm chỉ nên dùng một huyết là được.



T 22.10 HuyệT Thủ Giải

Vị trí: HuyệT nằm ở khe bàn ngón tay 4, 5 mặt, khi nắm bàn tay lại thì vị trí đầu ngón út chạm vào lòng bàn tay ở chỗ nào thì chỗ đó là huyệt (*trùng với vị trí huyệt Thiếu phủ của kinh tâm trong chính kinh*)

Giải phẫu: Thần kinh mẫn cảm của tạng thận.

Chủ trị: Vụng châm với các triệu chứng cảm giác tê bì, đau như châm chích sau khi châm do khí huyệt thác loạn.

Cách lấy huyệt: Lòng bàn tay hướng lên trên, tại khe xương bàn ngón tay út và ngón áp út, gập ngón tay út vào thì vị trí ngón tay út chạm tay vào bàn tay chính là huyệt.

Thủ pháp: Châm sâu 3 - 5 phân. Sau khi châm 10 đến 20 phút thì khởi hoặc lấy kim tam lăng chích máu thì khởi.

T 22.11 Huyết Thổ Thủy

Vị trí: Huyết nằm trên mé trong xương bàn ngón tay 1.

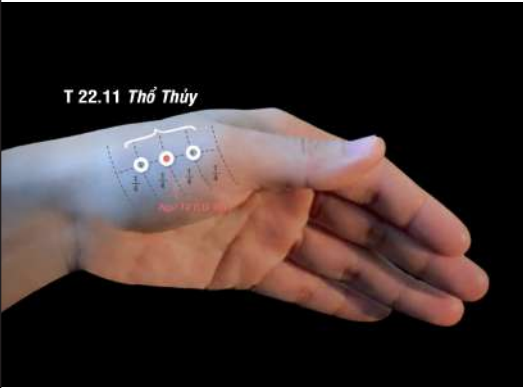
Giải phẫu: Cơ đối ngón tay cái, thần kinh quay, phân nhánh thần kinh tý, phân nhánh thần kinh thận.

Chủ trị: Viêm dạ dày, bệnh đau dạ dày lâu năm.

Cách lấy huyết: Huyết nằm trên mé trong xương bàn tay ngón 1, cách đầu nhỏ xương bàn ngón tay 1 thốn là huyết thứ nhất, cách cổ tay 0,5 thốn là huyết thứ hai, xuống tiếp 0,5 thốn là huyết thứ ba. Tổng có 3 huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 0,2 - 0,5 thốn.

T 22.11 Thổ Thủy



T 22.11 Thổ Thủy





BỘ T 33

52 T 33.01 Huyệt Kỳ Môn

53 T 33.02 Huyệt Kỳ Giác

54 T 33.03 Huyệt Kỳ Chính

55 T 33.04 Huyệt Hỏa Xuyên

56 T 33.05 Huyệt Hỏa Lăng

57 T 33.06 Huyệt Hỏa Sơn

58 T 33.07 Huyệt Hỏa Phủ Hải

59 T 33.08 Huyệt Thủ Ngũ Kim

60 T 33.09 Huyệt Thủ Thiên Kim

61 T 33.10 Huyệt Trường Môn

62 T 33.11 Huyệt Can Môn

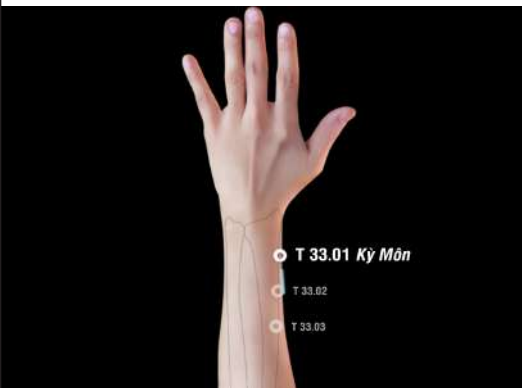
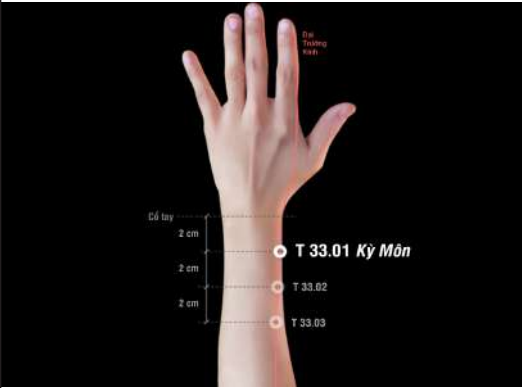
63 T 33.12 Huyệt Tâm Môn

64 T 33.13 Huyệt Nhân Sĩ

65 T 33.14 Huyệt Địa Sĩ

66 T 33.15 Huyệt Thiên Sĩ

67 T 33.16 Huyệt Khúc Lăng



T33.01 Huyết Kỳ Môn

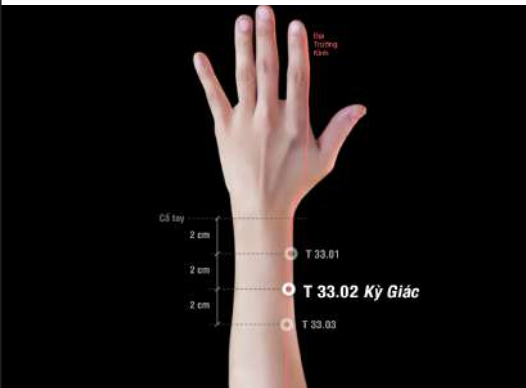
Vị trí: Ở bờ ngoài xương quay, cách lần chỉ cổ tay 2 thốn.

Giải phẫu: Gân duỗi ngón cái, tĩnh mạch đầu cánh tay, nhánh động mạch xương quay, thần kinh dưới da vùng sau dưới cánh tay, thần kinh quay, phân nhánh thần kinh phế.

Chủ trị: Phụ nữ kinh nguyệt không đều, xích bạch đới hạ, đại tiện thoát giang, đau do trĩ sang.

Cách lấy huyết: Huyết nằm ở bờ ngoài xương quay, cách lần chỉ cổ tay 2 thốn.

Thủ pháp: Cánh tay thả lỏng, châm nghiêng gần như song song mới mặt da, châm sâu 2 đến 5 phân.



T33.02 **Huyệt Kỳ Giác**

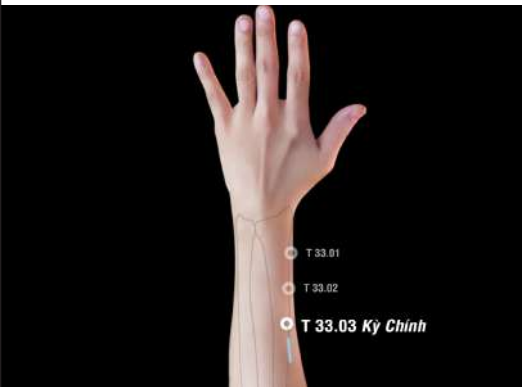
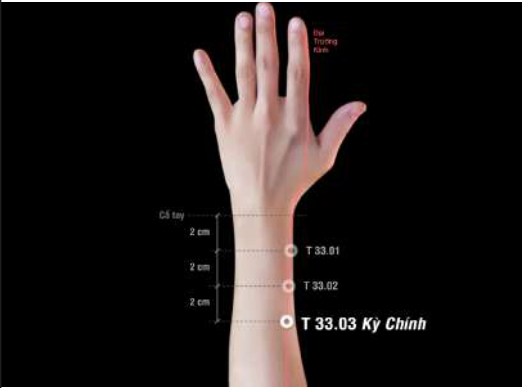
Vị trí: Ở bờ ngoài xương quay cách lần chỉ cổ tay 4 thốn.

Giải phẫu: Giống huyệt Kỳ Môn.

Chủ trị: Giống huyệt Kỳ Môn

Cách lấy huyệt: Cách huyệt Kỳ Môn 2 thốn.

Thủ pháp: Giống huyệt Kỳ Môn.



T 33.03 HuyệT Kỳ Chính

Vị trí: Ở phía ngoài xương quay cách lần chỉ cổ tay 6 thốn.

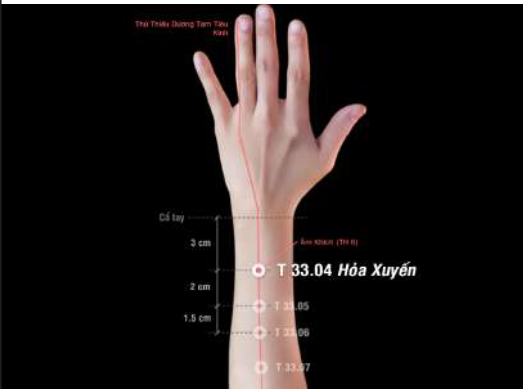
Giải phẫu: Giống huyệt Kỳ Môn

Chủ trị: Giống huyệt Kỳ Môn

Cách lấy huyệt: Cách huyệt Kỳ Môn 4 thốn, hay cách huyệt Kỳ giác 2 thốn.

Thủ pháp: Giống huyệt Kỳ Môn.

Vận dụng: Kỳ Môn, Kỳ giác, Kỳ chính 3 huyệt cùng dùng (*nhất dụng tam châm*).



T 33.04 Huyệt Họa Xuyên

Vị trí: Ở mặt lưng cổ tay, cách lằn chi cổ tay 3 thốn, tại chỗ lõm giữa hai cân xương.

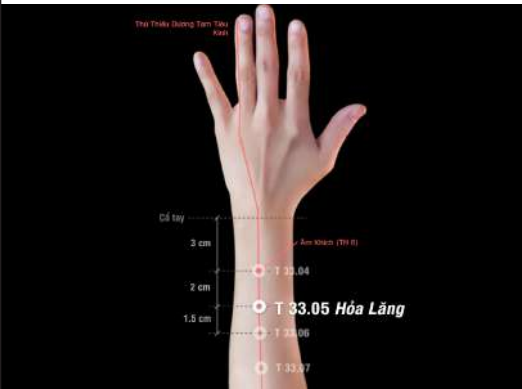
Giải phẫu: Gân duỗi các ngón tay, động mạch gian cốt, thần kinh dưới da vùng sau dưới cánh tay, thần kinh quay, phân nhánh thần kinh phế, nhánh thần kinh phụ của tâm.

Chủ trị: Táo bón, tim đập nhanh, đau cẳng tay.

Cách lấy huyết: Tay duỗi thẳng, lòng bàn tay úp xuống dưới, từ giữa lằn chi cổ tay đo lên 3 thốn là huyết; nắm bàn tay gấp khuỷu tay lòng bàn tay hướng xuống dưới thì nơi xuất hiện rãnh lõm là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3 đến 5 phân.

Vận dụng: Đau cẳng tay bên trái thì châm huyết bên phải, đau cẳng tay bên phải lấy huyết bên trái.



T 33.05 Huyệт Hỏa Lãng

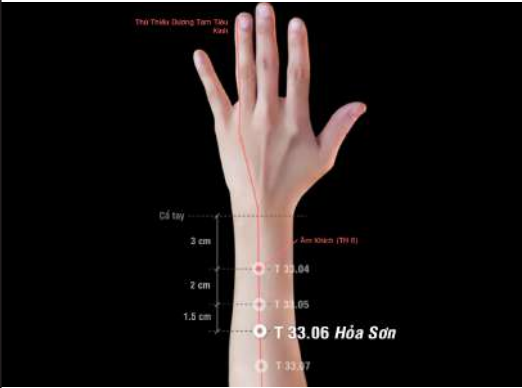
Vị trí: Cách huyệt Hỏa Xuyên 2 thốn.

Giải phẫu: Động mạch gian cốt, nhánh sau thần kinh quay, nhánh thần kinh phụ của tâm.

Chủ trị: Ngực đau tức, căng chướng, tay co rút.

Cách lấy huyệt: Tay áp vào ngực để lấy huyệt, cách huyệt Hỏa Xuyên 2 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân đến 1 thốn.



T 33.06 Huyệt Họa Sơn

Vị trí: Cách huyệt Hỏa Lăng 1 thốn 5 phân.

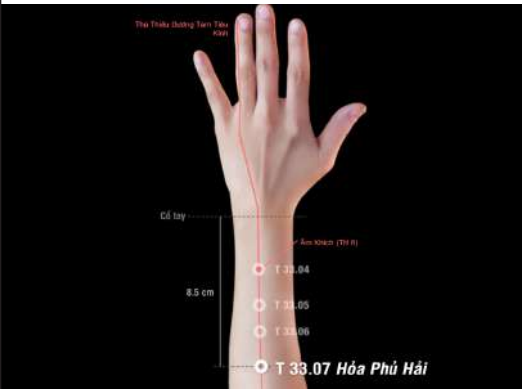
Giải phẫu: Giống huyệt Hỏa Lăng

Chủ trị: Giống huyệt Hỏa Lăng.

Cách lấy huyệt: Tay áp vào lồng ngực để lấy huyệt, cách huyệt Hỏa Lăng 1 thốn 5 phân.

Thủ pháp: Châm sâu 1 thốn đến 1 thốn 5 phân.

Vận dụng: Tay trái co rút lấy huyệt tay phải, tay phải co rút lấy huyệt bên trái; vùng ngực đau tức, căng trướng thì châm cùng lúc 2 huyệt Hỏa Lăng, Họa sơn, nhưng cần chú ý chỉ châm một bên, không thể châm đồng thời 2 tay.



T 33.07

Huyết Hỏa Phủ Hải

Vị trí: Cách huyệt Hỏa Sơn 2 thốn, sờ dọc theo khối cơ nổi, huyệt ở đuôi khối cơ.

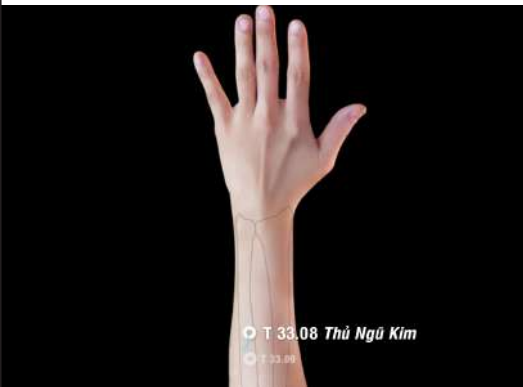
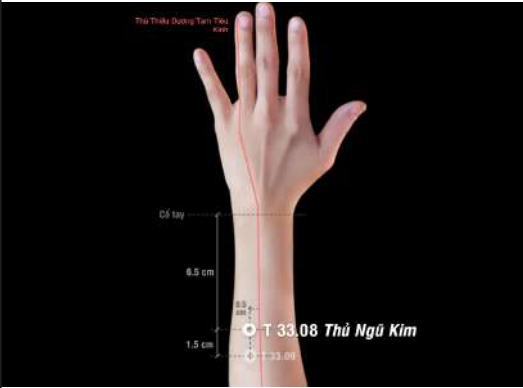
Giải phẫu: Có gân gấp dài ngón cái, động mạch quay, tĩnh mạch giữa đầu cánh tay, thần kinh dưới da cánh tay ngoài, thần kinh quay, phân nhánh thần kinh phế, nhánh thần kinh phụ của tâm.

Chủ trị: Khái thẩu, khí suyễn, cảm mạo, viêm mũi, đau dây thần kinh tọa, đau chân, mỏi thắt lưng, thiếu máu, vàng đầu, hoa mắt, mệt mỏi quá độ.

Cách lấy huyệt: Áp tay vào ngực để lấy huyệt, huyệt nằm cách huyệt Hỏa sơn 2 thốn.

Thủ pháp: châm sâu từ 5 phân đến 1 thốn.

Vận dụng: Trị thiếu máu, vàng đầu, hoa mắt, mỏi chân, mệt mỏi quá độ..., châm lưu kim 10 phút rồi rút, sau đó chuyển cứu từ 3 đến 5 mồi (*không cần châm, cứu 3 đến 5 mồi cũng được*). Cách ngày cứu 1 lần, cứu trên 3 tháng có thể kéo dài tuổi thọ. Cứu đến lần thứ 5, lần thứ 10, lần thứ 15 thì cứu từ 7 đến 9 mồi (*mồi lớn*), tức mỗi tháng cứu mồi lớn 3 lần, mồi nhỏ 12 lần.



T 33.08 **Huyết Thủ Ngũ Kim**

Vị trí: Ở bờ ngoài xương trụ, cách xương đậu vùng cổ tay 6 thốn 5 phân.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh can.

Chủ trị: Đau thần kinh tọa, đau bụng, căng cứng chân, chân đau, chân tê bì.

Cách lấy huyết: Tay áp vào ngực để lấy huyết, ở bờ ngoài xương trụ, cách xương đậu cổ tay 6 thốn 5 phân, từ huyết Hỏa sơn ra ngoài 5 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3 đến 5 phân.



T 33.09 **Huyệt Thủ Thiên Kim**

Vị trí: Ở bờ ngoài xương trụ, cách huyệt Ngũ Kim 1 thốn 5 phân.

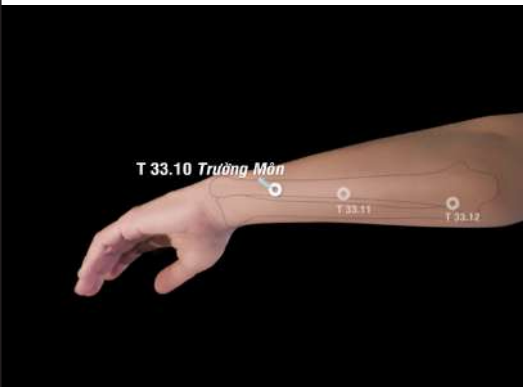
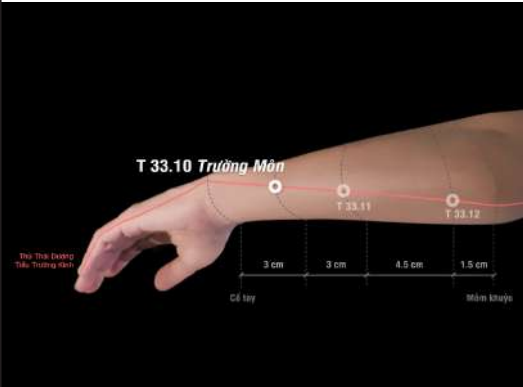
Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh phế.

Chủ trị: Giống huyệt Thủ ngũ kim.

Cách lấy huyết: Áp tay vào ngực để lấy huyết, ở phía ngoài xương trụ, cách xương đầu cổ tay 8 thốn, cách huyệt Thủ Ngũ Kim 1 thốn 5 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 3 phân đến 5 phân.

Vận dụng: Châm Thủ ngũ kim huyết và Thủ Thiên Kim huyết cùng nhau, tuy nhiên cấm châm đồng cả 2 tay.



T 33.10 **Huyết Trường Môn**

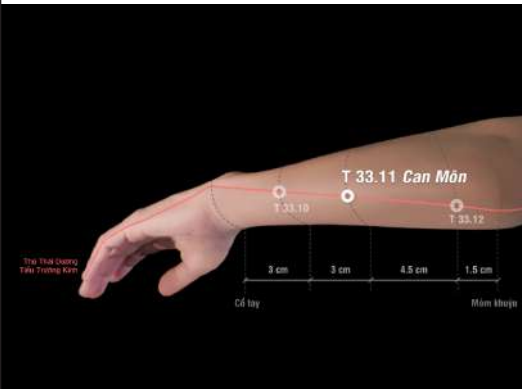
Vị trí: Ở bờ trong xương trụ, cách xương đậu cổ tay 3 thốn.

Giải phẫu: Nhánh lưng động mạch trụ và thần kinh trụ, phân nhánh thần kinh can, nhánh thần kinh phụ của thận.

Chủ trị: Viêm gan, viêm ruột, đau vầng mắt hoa.

Cách lấy huyết: Áp tay vào ngực để lấy huyết, ở giữa bờ trong xương trụ và lớp cân mạc, cách xương đậu cổ tay 3 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân.



T 33.11 Huyết Can Môn

Vị trí: Ở bờ trong của xương trụ, cách xương đậu cổ tay 6 thốn.

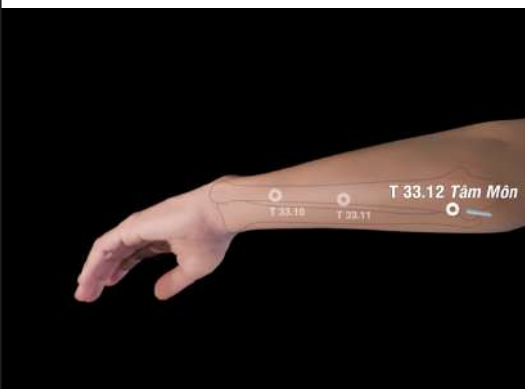
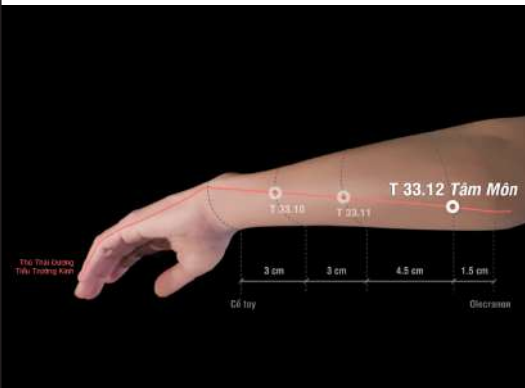
Giải phẫu: Gân duỗi chung các ngón, nhánh ra trước cánh tay của động mạch gian cốt, nhánh thần kinh can.

Chủ trị: Viêm gan cấp (đặc hiệu).

Cách lấy huyết: Áp tay vào ngực để lấy huyết, giữa bờ trong xương trụ, cách xương đậu cổ tay 6 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân. Sau khi châm xuống lập tức hết đau gan, hướng mũi kim xoay sang bên phải, tức ngực liền được giải, hướng mũi kim xoay sang bên trái, đau ruột cũng được giải.

Vận dụng: Khi đồng thời châm huyết Trường Môn và Can Môn có thể điều trị được chứng viêm ruột do viêm gan. Chỉ dùng huyết bên tay trái, cấm kỵ châm đồng thời cả 2 tay.



T 33.12 HuyệT Tâm Môn

Vị trí: Ở đầu trên móm vệt đầu dưới xương trụ, chỗ lõm cách khuỷu tay 1 thốn 5 phân.

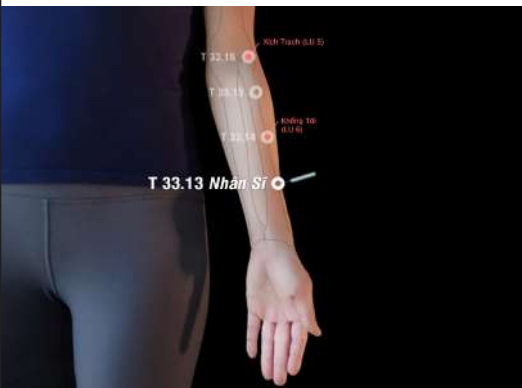
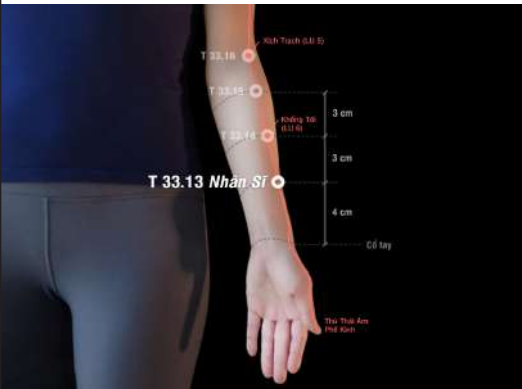
Giải phẫu: Ở giữa gân cơ nhị đầu cánh tay, có động mạch quặt ngược trụ sau, nhánh thần kinh quay, nhánh thần kinh tâm.

Chủ trị: Viêm tim, tim đập nhanh tức ngực, nôn mửa, can hoắc loạn.

Cách lấy huyết: Tay áp vào ngực để lấy huyết, tại chỗ hõm phía trong xương trụ, cách khuỷu tay 1 thốn 5 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 4 đến 7 phân.

Vận dụng: Cấm kị dùng huyết 2 tay.



T 33.13 Huyết Nhân Sĩ

Vị trí: Bờ trong mặt trước cẳng tay đầu trên xương quay, cách lần chỉ cổ tay 4 thốn.

Giải phẫu: Đây là phía trên các khớp cận xương quay, có nhánh động mạch quay, thần kinh dưới da cánh tay ngoài, nhánh dưới da của thần kinh quay, thần kinh phế, nhánh thần kinh tâm.

Chủ trị: Khí suyễn, bàn tay và ngón tay đau, vai cánh tay đau, bối thống.

Cách lấy huyết: Tay duỗi thẳng, lòng bàn tay hướng lên trên, từ lần chỉ cổ tay lên trên 4 thốn, ở trước phía trong xương quay là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân đến 1 thốn.

Vận dụng: Châm sâu 5 phân trị khí suyễn, trị đau bàn tay, ngón tay, và vai cánh tay, đau lưng (*bệnh nhân bị bên phải chọn huyết bên trái, bệnh bên trái dùng huyết bên phải*), châm sâu 1 thốn trị bệnh tạng tâm, tim đập nhanh.



T 33.14 Huyết Đạ Sĩ

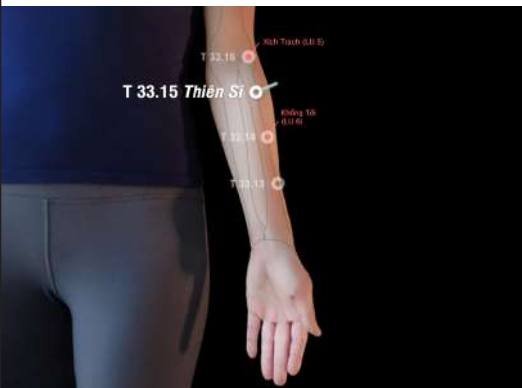
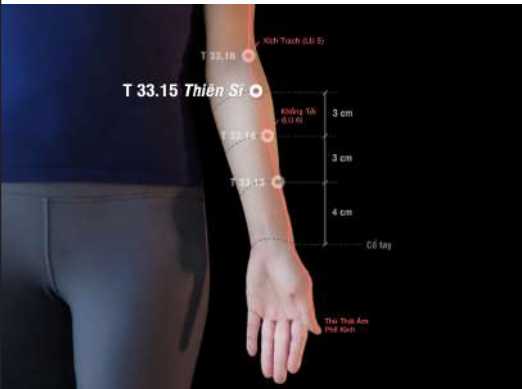
Vị trí: Bờ trong mặt trước cẳng tay vùng giữa xương quay, cách huyệt Nhân Sĩ 3 thốn.

Giải phẫu: Đây là bờ trong gân cơ cánh tay quay, bờ ngoài gân cơ gấp dài ngón cái, nhánh thần kinh giữa, thần kinh quay và khu phân bố của thần kinh cánh tay, có động mạch quay, tĩnh mạch đầu cánh tay, thần kinh phế, nhánh thần kinh tâm.

Chủ trị: Khí suyễn, cảm mạo, đau đầu, thận suy, bệnh lý tạng tâm.

Cách lấy huyết: Tay duỗi thẳng, ngửa bàn tay, cách lằn chỉ cổ tay 7 thốn, trên huyệt Nhân Sĩ 3 thốn, huyết ở bờ trong xương quay cẳng tay.

Thủ pháp: Châm sâu 1 thốn trị khí suyễn, cảm mạo, đau đầu và thận suy. Châm sâu 1,5 thốn trị bệnh lý tạng tâm.



T 33.15 Huyệt Thiên Sĩ

Vị trí: Ở bờ trong mặt trước cẳng tay đầu dưới xương quay, cách huyệt Địa Sĩ 3 thốn.

Giải phẫu: Bờ ngoài cơ cánh tay quay, thần kinh quay, thần kinh cánh tay và khu phân bố của thần kinh giữa, động mạch quay, tĩnh mạch đầu cánh tay, nhánh thần kinh phế, nhánh phụ thần kinh thận.

Chủ trị: Khí suyễn, viêm mũi, đau cánh tay, cảm mạo, căng tức ngực.

Cách lấy huyết: Huyệt nằm ở bờ trong mặt trước cẳng tay đầu dưới xương quay, cách huyệt Địa Sĩ 3 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 1,5 thốn.

Vận dụng: Châm phối hợp ba huyệt Thiên Sĩ, Địa Sĩ, Nhân Sĩ với Linh Cốt 2 tay cùng lúc có tác dụng đặc hiệu trong điều trị hen suyễn.



T 33.16 Huyết Khúc Lãng

Vị trí: Ở chỗ nếp gấp khuỷu tay sờ thấy một sợi gân lớn, bờ ngoài sợi gân đấy là huyết.

Giải phẫu: Gân cơ nhị đầu, thần kinh bì cẳng tay và thần kinh quay, khu phân bố thần kinh giữa, động mạch quay, tĩnh mạch đầu cánh tay, nhánh thần kinh tâm, nhánh thần kinh phế.

Chủ trị: Cân cơ rút, hoắc loạn, khí sưng, viêm khớp khuỷu, tim đập nhanh.

Cách lấy huyết: Để thẳng tay lấy huyết, huyết nằm trên nếp gấp khuỷu tay, lấy ngón cái ấn xuống bờ ngoài sợi gân to, khi gấp duỗi khuỷu tay thấy một chỗ lõm lớn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3 đến 5 phân.

Vận dụng: Dùng kim tam lăng chích động mạch phía trong huyết Khúc Lãng cho xuất huyết có thể trị chứng dương hoắc loạn, can hoắc loạn, đột quỵ tim.



BỘ T 44

69 T 44.01 Huyệт Phân Kim

70 T 44.02 Huyệт Hậu Chùy

71 T 44.03 Huyệт Thủ Anh

72 T 44.04 Huyệт Phú Đĩnh

73 T 44.05 Huyệт Hậu Chi

74 T 44.06 Huyệт Kiên Trung

75 T 44.07 Huyệт Bối Diện

76 T 44.08 Huyệт Nhân Tông

77 T 44.09 Huyệт Địa Tông

78 T 44.10 Huyệт Thiên Tông

79 T 44.11 Huyệт Vân Bạch

80 T 44.12 Huyệт Lý Bạch

81 T 44.13 Huyệт Chi Thông

82 T 44.14 Huyệт Lạc Thông

83 T 44.15 Huyệт Hạ Khúc

84 T 44.16 Huyệт Thượng Khúc

85 T 44.17 Huyệт Thủy Dũ



T44.01 Phấn Kim

Vị trí: Bờ trước mặt sau cánh tay xương cánh tay, trên nếp gấp hố khuỷu 1,5 thốn.

Giải phẫu: Có cơ nhị đầu cánh tay, thần kinh dưới da cánh tay, khu phân bố của thần kinh giữa, động mạch cánh tay, tĩnh mạch đầu, nhánh thần kinh tâm, thần kinh giao thoa của phế.

Chủ trị: Cảm mạo, đặc hiệu trong điều trị viêm mũi và viêm họng.

Cách lấy huyết: Áp tay vào ngực để lấy huyết, chính giữa đầu dưới mặt sau cánh tay xương cánh tay cách nếp lần hố khuỷu 1,5 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 5 phân đến 1 thốn.

T 44.02 Huyết Hậu Chùy

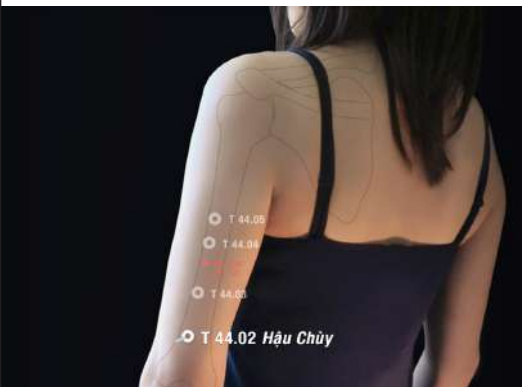
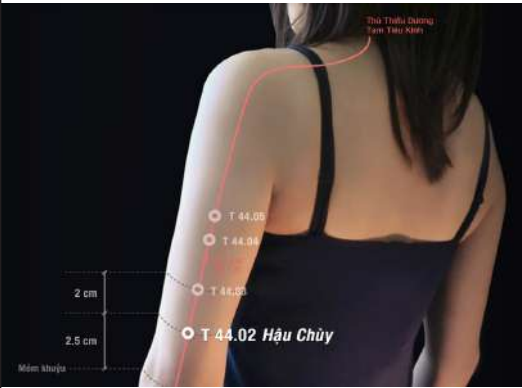
Vị trí: Bờ ngoài mặt sau cánh tay xương cánh tay, cách nếp gấp khuỷu 2,5 thốn.

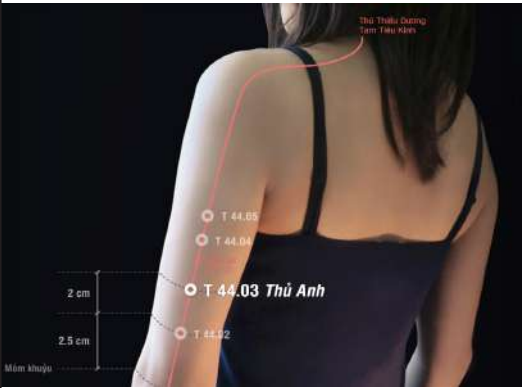
Giải phẫu: Thần kinh phụ của can, thần kinh phó giao cảm của tâm, trực thuộc thần kinh cột sống.

Chủ trị: Trượt đốt sống lưng, đau căng cột sống lưng, viêm thận, đau thắt lưng.

Cách lấy huyết: Thả xuôi cánh tay, tại bờ ngoài mặt sau cánh tay xương cánh tay, cách nếp gấp khuỷu 2,5 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3 đến 5 phân.





T 44.03 HuyệT Thủ Anh

Vị trí: phía sau mặt sau cánh tay xương cánh tay cách nếp gấp khuỷu 4,5 thốn.

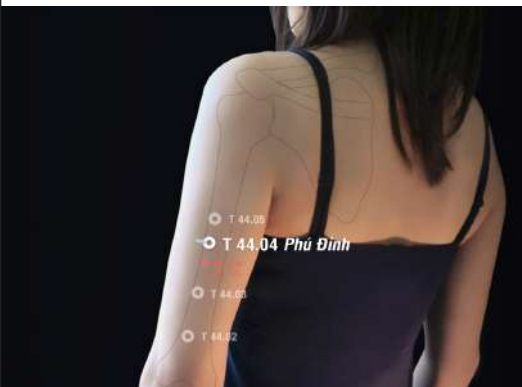
Giải phẫu: Giống huyết Hậu Chùy.

Chủ trị: Giống huyết Hậu Chùy.

Cách lấy huyết: Để xuôi cánh tay, ở phía sau mặt sau cánh tay xương cánh tay cách huyết Hậu Chùy 2 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân.

Vận dụng: Châm đồng thời hai huyết Thủ Anh và Hậu Chùy (*tức đòn gẩy mã châm*) hiệu quả cực nhanh lại tốt.



T 44.04 Huyệт Phú Đĩnh

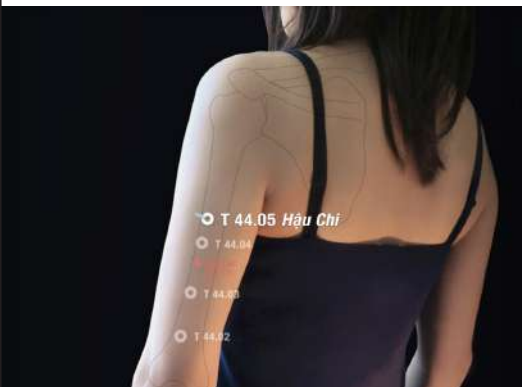
Vị trí: Bờ ngoài mặt sau cánh tay xương cánh tay, cách huyết Thủ Anh 2,5 thốn, cách nếp gấp khuỷu 7 thốn.

Giải phẫu: Nhánh phụ của thần kinh can, phân nhánh thần kinh tâm

Chủ trị: Mệt mỏi, suy giảm chức năng gan, huyết áp cao, vầng đầu, đau đầu.

Cách lấy huyết: Để xuôi cánh tay, huyết nằm ở bờ ngoài mặt sau cánh tay xương cánh tay, từ huyết Thủ Anh lên 2,5 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3 - 5 phân, châm nông trị mệt mỏi, suy giảm chức năng gan, châm sâu trị đau đầu, chóng mặt, huyết áp cao.



T 44.05 Huyệt Hậu Chi

Vị trí: Nằm trên đường nối huyệt Kiên Trung và khuỷu tay, cách huyệt Phú Đĩnh 1 thốn, cách khuỷu tay 8 thốn.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh tâm

Chủ trị: Huyết áp cao, vầng đầu, đau đầu, sát khuẩn, bệnh ngoài da, xơ cứng mạch máu

Cách lấy huyệt: Để xuôi cánh tay, huyệt nằm trên bờ ngoài mặt sau cánh tay của xương cánh tay, cách huyệt Phú Đĩnh 1 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3 đến 7 phân

Vận dụng: Châm phối hợp Phú Đĩnh, Hậu Chi trong điều trị đau cổ gáy khó vận động và liệt mặt.



T 44.06 Huyệт Kiên Trung

Vị trí: Bờ ngoài mặt sau cánh tay xương cánh tay, cách mỏm vai 2,5 thốn

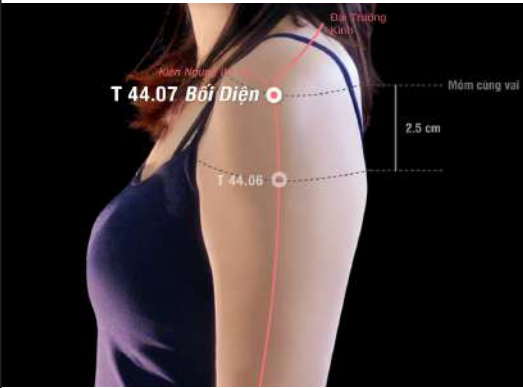
Giải phẫu: Cơ tam đầu, nhánh sau tĩnh mạch đầu, động mạch mũ trên cánh tay, thần kinh nách, phân nhánh thần kinh tâm.

Chủ trị: Đau khớp gối (*đặc hiệu*), bệnh ngoài da (*đặc hiệu bệnh da vùng cổ gáy*), bại liệt trẻ em, liệt nửa người, nhịp tim nhanh, xơ cứng mạch máu, chảy máu mũi, đau vai.

Cách lấy huyết: Đặt xuôi cánh tay, trên đường giữa từ chính giữa xương vai xuống 2,5 thốn

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân đến 1 thốn

Vận dụng: Đau vai trái châm vai phải, đau vai phải châm bên trái



T 44.07 Huyệт Bối Điện

Vị trí: Chính giữa mỏm vai, chỗ lõm ở giữa khỏp vai khi nâng cánh tay

Giải phẫu: Cơ delta, động mạch mũ trên cánh tay, nhánh tĩnh mạch đầu, nhánh thần kinh xương đòn, thần kinh đan điền

Chủ trị: Tức bụng, nói không có sức

Cách lấy huyết: Khi nâng cánh tay, chỗ lõm chính giữa mỏm vai là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3 -5 phân

Vận dụng: Dùng lãg châm có thể trị cơ thể mệt mỏi, mỏi hai chân, nôn mửa, can hoặс loạn, trường hoặс loạn, âm dương hoặс loạn.



T 44.08 Huyết Nhân Tông

Vị trí: Chỗ lõm giữa cơ nhị đầu – cánh tay và bờ trong xương cánh tay mặt sau cánh tay, cách nếp gấp khuỷu 3 thốn

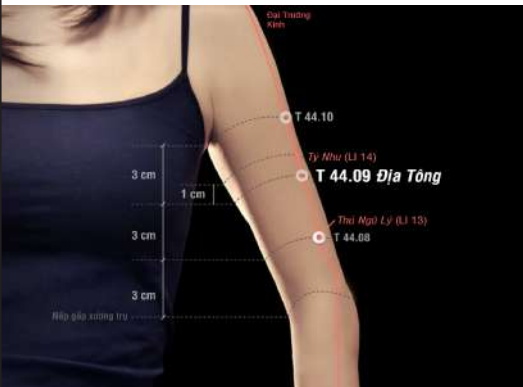
Giải phẫu: Bên cạnh gân cơ nhị đầu có nhánh phụ động mạch quay, tĩnh mạch đầu và thần kinh bì mặt trong cánh tay, nhánh phụ thần kinh phế, nhánh phụ thần kinh can, nhánh phụ thần kinh tâm

Chủ trị: Đau chân, đau tay, sưng, đau, hạn chế vận động khuỷu và cánh tay, mặt vàng (bệnh túi mật), tứ chi phù thũng, lách to, cảm mạo, khí suyễn.

Cách lấy huyết: Co khuỷu tay, lòng bàn tay ôm ngực, huyết nằm trên chỗ lõm giữa cơ nhị đầu cánh tay và bờ trong xương cánh tay mặt trong cánh tay, cách nếp gấp khuỷu 3 thốn.

Thủ pháp: Dùng hào châm, châm sâu 5 phân trị cảm mạo, khí suyễn, châm sâu 8 phân trị sưng cánh tay, châm sâu 1,2 thốn trị bệnh can, đờm, tỳ.

Chú ý: Lúc châm, lùi ra ngoài sẽ tổn thương xương cánh tay, lệch vào trong sẽ tổn thương cơ nhị đầu cánh tay, nên cần lấy huyết chính xác



T 44.09 Huyết Địa Tông

Vị trí: Từ huyết Nhân Tông lên 3 thốn, cách nếp lằn khuỷu tay 6 thốn

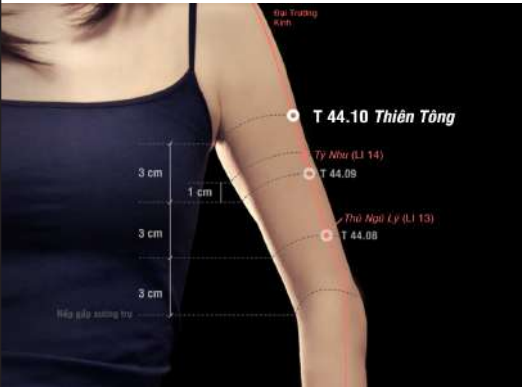
Giải phẫu: Tĩnh mạch đầu sau, động mạch mũ trên cánh tay, thần kinh hồ nách, nhánh thần kinh tâm.

Chủ trị: Có thể khiến Dương chứng khởi tử hồi sinh, bệnh tim, xơ cứng mạch máu.

Cách lấy huyết: Co khuỷu tay, cánh tay ôm ngực, từ huyết Nhân Tông lên 3 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 thốn trị bệnh nhẹ, châm sâu 2 thốn trị bệnh nặng, châm đồng thời cả hai bên.

Chú ý: Lúc châm, nếu lệch ra ngoài sẽ tổn thương xương cánh tay, nếu lệch vào trong sẽ tổn thương cơ nhị đầu, nên cần lấy huyết chính xác.



T 44.10 HuyệT Thiên Tông

Vị trí: Chỗ lõm giữa vùng sau cơ nhị đầu cánh tay và bờ trong xương cánh tay mặt sau cánh tay, cách Địa Tông 3 thốn, cách lằn khuỷu tay 9 thốn

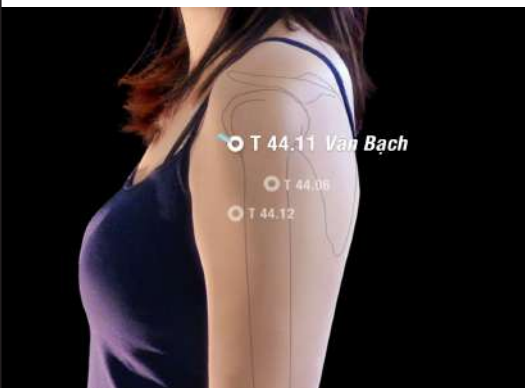
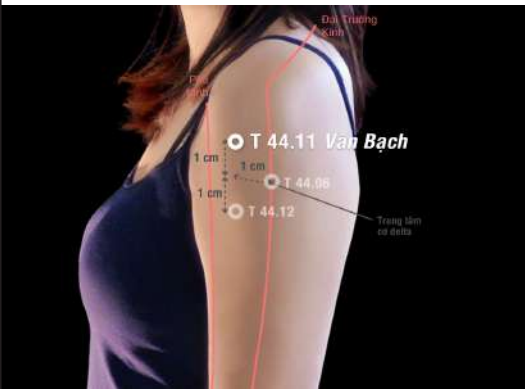
Giải phẫu: Tĩnh mạch đầu sau, động mạch mũ trên cánh tay, thần kinh hố nách, thần kinh lục phủ, thần kinh bắp chân.

Chủ trị: Ngứa âm đạo, đau âm đạo, xích bạch đới hạ (hiệu quả nhanh), đau bắp chân, bại liệt ở trẻ em, hôi nách, tiểu đường.

Cách lấy huyết: Co khuỷu tay, lòng bàn tay ôm ngực, huyết nằm ở chỗ lõm giữa vùng sau cơ nhị đầu và bờ trong xương cánh tay mặt sau cánh tay, cách huyết Địa Tông 3 thốn

Thủ pháp: Châm sâu từ 1 - 1,5 thốn

Chú ý: Lúc châm, nếu lệch ra ngoài sẽ tổn xương cánh tay, nếu lệch vào trong sẽ tổn thương cơ nhị đầu, nên cần xác định chính xác huyết.



T 44.11 Huyết Vân Bạch

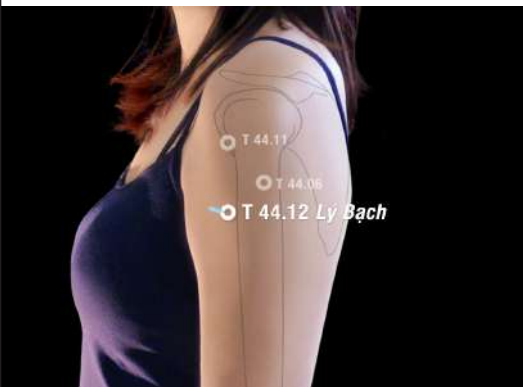
Vị trí: Cách mỏm cùng vai khoảng 2 thốn, chéo ra 2 thốn theo hướng từ huyết Bối Diện đến ngực.

Giải phẫu: Cơ Delta, động mạch mũ trên cánh tay, nhánh tĩnh mạch đầu, thần kinh đòn, thần kinh lục phủ, nhánh phụ thần kinh phế.

Chủ trị: Viêm âm đạo, ngứa âm đạo, đau âm đạo, xích bạch đới hạ, bại liệt trẻ em.

Cách lấy huyết: Xuôi cánh tay, huyết ở phía trước khớp vai, chỗ lõm cách mỏm cùng vai 2 thốn, cũng chính là huyết Bối Diện chéo ra phía ngực 2 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3 - 5 phân



T 44.12 Huyết Lý Bạch

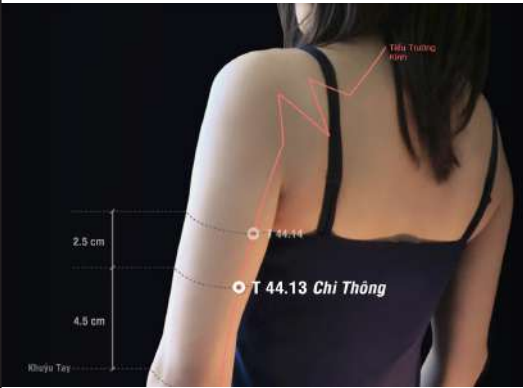
Vị trí: Từ huyết Vân Bạch hướng ra ngoài và xuống dưới 2 thốn

Giải phẫu: Tĩnh mạch đầu sau, động mạch mũ trên cánh tay, thần kinh hố nách, nhánh thần kinh thận, nhánh thần kinh phế

Chủ trị: Hôi nách, đau chân, đau bắp chân, bại liệt trẻ em

Cách lấy huyết: Huyết ở phía ngoài cánh tay, từ huyết Vân Bạch hơi hướng ra ngoài và xuống dưới 2 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3-5 phân



T 44.13 Huyết Chi Thông

Vị trí: Bờ sau trên cánh tay, từ huyệt Thủ Anh ra sau và sang ngang 1 thốn

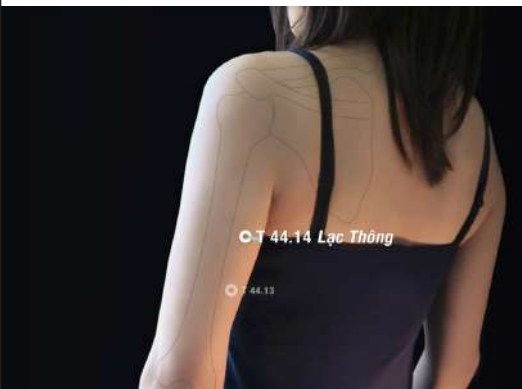
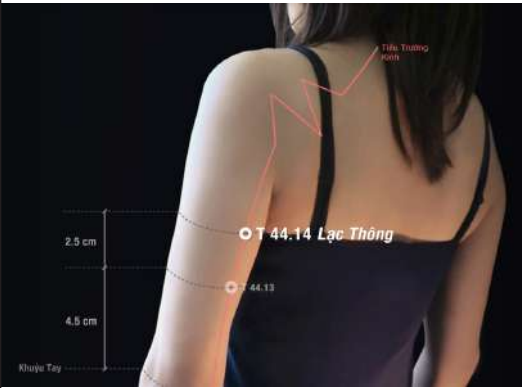
Giải phẫu: Tĩnh mạch đầu, nhánh sau động mạch mũ trên cánh tay, thần kinh bì sau, nhánh thần kinh phụ của can, nhánh thần kinh thận, thần kinh lưng sau.

Chủ trị: Huyết áp cao, xơ cứng mạch máu, chóng mặt, mệt mỏi, mỏi thắt lưng

Cách lấy huyệt: Từ phía sau vai thẳng xuống, cách lần khuỷu tay 4,5 thốn là huyệt, tức từ huyệt Thủ Anh ra sau và sang ngang 1 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu từ 6 phân đến 1 thốn

Chú ý: Châm sát bờ sau xương cánh tay



T 44.14 Huyết Lạc Thông

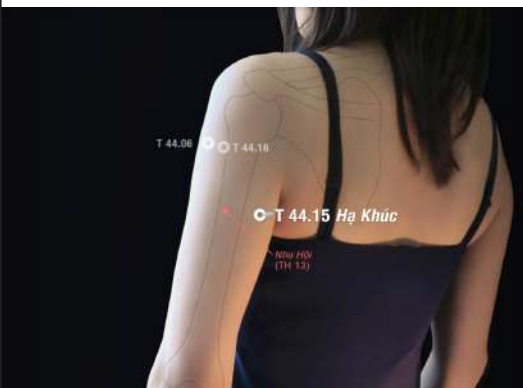
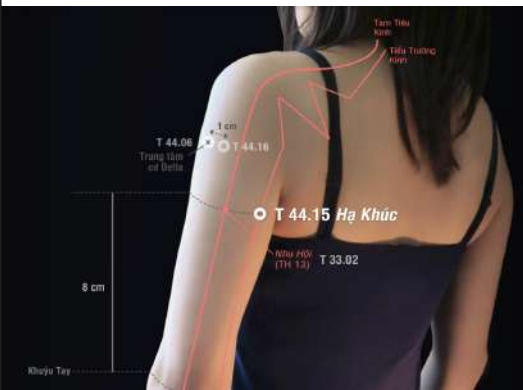
Vị trí: Bờ sau trên cánh tay, từ huyệt Phú Đỉnh ra sau sang ngang 1 thốn

Giải phẫu: Tĩnh mạch đầu, nhánh sau động mạch mũ trên cánh tay, thần kinh hạ bì vùng sau cánh tay, nhánh thần kinh phụ của can, nhánh thần kinh phụ của thận, thần kinh lưng sau.

Chủ trị: Huyết áp cao, xơ cứng mạch máu, chóng mặt, mệt mỏi, tứ chi vô lực, mỏi thắt lưng

Cách lấy huyệt: Thẳng từ bờ sau móm cùng vai xuống, cách lần khuỷu tay 7 thốn, tức từ huyệt Phú Đỉnh ra sau sang ngang 1 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu từ 6 phân đến 1 thốn



T 44.15 Huyết Hạ Khúc

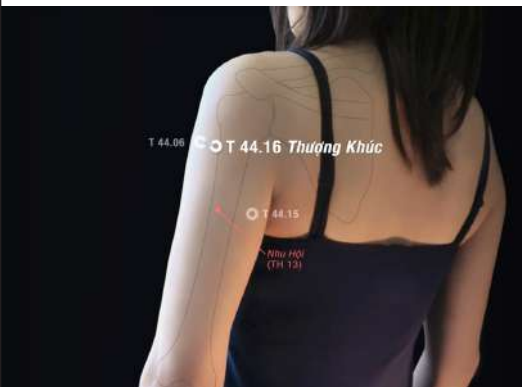
Vị trí: Phía sau trên cánh tay, từ huyết Hậu Chi ra sau 1 thốn

Giải phẫu: Động mạch mũ trên cánh tay, tĩnh mạch đầu, thần kinh hạ bì vùng sau cánh tay, thần kinh dưới nách, phân nhánh thần kinh phế, phân nhánh thần kinh can

Chủ trị: Huyết áp cao, đau thần kinh tọa (*do công năng của phế can không kiện toàn gây ra*), liệt nửa người, bại liệt trẻ em.

Cách lấy huyết: Huyết ở vị trí trên đường thẳng từ phía sau móm cùng cẳng vai, từ huyết Hậu Chi ra sau 1 thốn

Thủ pháp: Châm sâu từ 6 phân đến 1 thốn



T 44.16 Huyết Thượng Khúc

Vị trí: Phía sau trên cánh tay từ huyết Kiên Trung ra sau 1 thốn

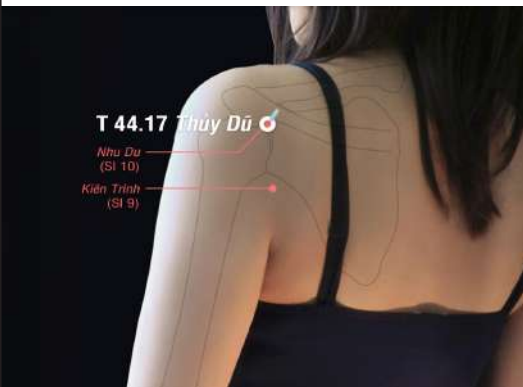
Giải phẫu: Cân delta, động mạch mũ trên cánh tay, tĩnh mạch đầu, thần kinh hạ bì vùng sau cánh tay, phân nhánh thần kinh thận, nhánh thần kinh phụ của can

Chủ trị: Bại liệt trẻ em, đau thần kinh tọa, cánh tay đau, huyết áp cao, đau căng bắp chân.

Cách lấy huyết: Trên bờ sau trên cánh tay, từ huyết Kiên Trung ra sau 1 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 6 đến 1,5 thốn. Châm đối bên bị bệnh.

Chú ý: Dùng kim tam lăng chích máu trị xơ gan, viêm gan



T 44.17 HuyệT Thủy Dũ

Vị trí: Phía sau trên cánh tay, từ huyệt Bối Diện chéo ra sau 2 thốn.

Giải phẫu: Cân delta, nhánh sau động mạch mũ trên cánh tay, tĩnh mạch đầu, thần kinh nách, thần kinh hạ bì vùng sau cánh tay, nhánh thần kinh thận.

Chủ trị: Viêm thận, sỏi thận, đau thắt lưng, mỏi chân, toàn thân vô lực, protein niệu, đau cánh tay, cổ tay mu bàn tay đau.

Cách lấy huyệt: Thẳng dưới bờ sau khớp vai, từ huyệt Bối Diện hơi chéo ra sau 2 thốn là huyệt.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3-5 phân

Vận dụng: Dùng kim tam lăng chích ra dịch màu vàng chủ trị đặc hiệu cho bệnh thận. Dùng tam lăng chích ra máu đen chủ trị đau cổ tay, đau bàn tay. Dùng tam lăng chích máu cùng bên để điều trị đau cánh tay (*điều trị trực tiếp*).



BỘ T 55

87 T 55.01 Huyết Hỏa Bao

88 T 55.02 Huyết Thượng Lựu

89 T 55.03 Huyết Hải Báo

90 T 55.04 Huyết Mộc Phụ



T 55.01 Huyết Hỏa Bao

Vị trí: Nằm chính giữa lằn chỉ thứ hai mặt dưới ngón chân thứ 2.

Giải phẫu: Thần kinh tâm, thần kinh can.

Chủ trị: Đau tim, bệnh lý tạng can, sinh khó, nhau thai không xuống.

Cách lấy huyết: Bệnh nhân nằm ngửa, huyết nằm tại vị trí chính giữa lằn chỉ thứ hai mặt dưới ngón chân thứ 2.

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích ra máu đen sẽ có hiệu quả ngay.

Hoặc dùng hào châm châm sâu 3 đến 5 phân.

Chú ý: *Cấm cứu, phụ nữ có thai cấm châm.*



T 55.02 **Huyết Thượng Lỵ**

Vị trí: Nằm chính giữa bờ trước gót chân mặt lòng bàn chân.

Giải phẫu: Tổng thần kinh não sau (tiểu não).

Chủ trị: U não, não tích thủy (Đại đầu ôn), đau vùng tiểu não, đau thần kinh não, suy nhược cơ thể.

Cách lấy huyết: Nằm ngửa, huyết nằm ở vị trí chính giữa bờ trước vùng da cứng của gót chân mặt lòng bàn chân.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân.

Chú ý: Châm sâu quá mức (quá 5 phân) sẽ dẫn đến tim hồi hộp không yên, cho nên cấm châm sâu.



T 55.03 Huyết Hải Bảo

Vị trí: Nằm ở mặt trong ngón chân cái, chính giữa khớp ngón gân - xa.

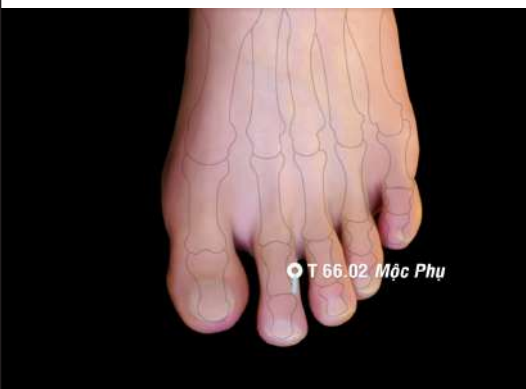
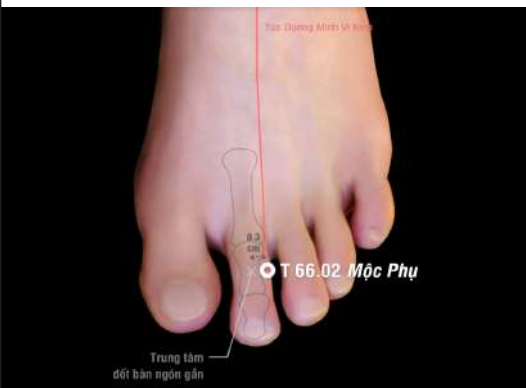
Giải phẫu: Gân duỗi dài ngón chân cái, thần kinh mạc nông, phân nhánh thần kinh tâm.

Chủ trị: Đau khớp mắt (*viêm giác mạc*), sán khí (*sung tinh hoàn*), đau ngón tay trở và ngón tay cái, viêm âm đạo.

Cách lấy huyết: Huyết nằm ở mặt trong ngón cái (*tức bên trái của chân phải, bên phải của chân trái*), chính giữa đốt ngón gân - xa ngón chân cái (ngay sau móng chân cái).

Thủ pháp: Châm sâu 1 đến 3 phân

Cách vận dụng: Tay phải đau thì chọn huyết ở chân trái, tay trái đau thì chọn huyết ở tay phải.



T 55.04 Huyết Mộc Phụ

Vị trí: Nằm ở chính giữa khớp giữa của ngón chân thứ 2 lệch ra ngoài 3 phân.

Giải phẫu: Nhánh thần kinh phụ của tâm.

Chủ trị: Xích, bạch đới hạ, kinh nguyệt không đều, thống kinh, viêm tử cung, tắc ống dẫn trứng.

Cách lấy huyết: Huyết tại vị trí chính giữa khớp ngón hai, ngón chân thứ 2 lệch ra ngoài 3 phân.

Thủ pháp: Châm sâu 2 đến 4 phân, đi kim sát màng xương (*nên dùng kim mảnh, dùng kim to sẽ rất đau*).



BỘ T 66

92 T 66.01 Huyệt Hỏa Ngạnh

93 T 66.02 Huyệt Hỏa Chủ

94 T 66.03 Huyệt Môn Kim

95 T 66.04 Huyệt Mộc Đẩu

96 T 66.05 Huyệt Mộc Lưu

97 T 66.06 Huyệt Lục Hoàn

98 T 66.07 Huyệt Thủy Khúc

99 T 66.08 Huyệt Hỏa Liên

100 T 66.09 Huyệt Hỏa Cúc

101 T 66.10 Huyệt Hỏa Tán

102 T 66.11 Huyệt Thủy Tương

103 T 66.12 Huyệt Thủy Tiên

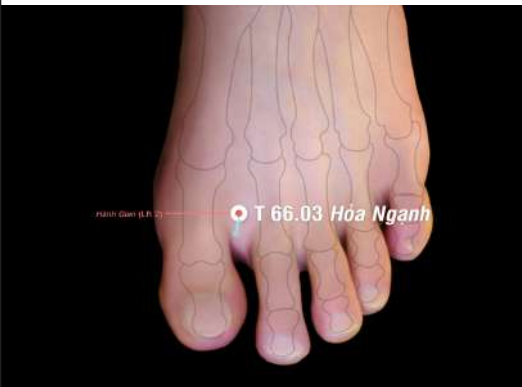
104 T 66.13 Huyệt Thủy Tinh

105 T 66.14 Huyệt Hoa Cốt 1

106 T 66.15 Huyệt Hoa Cốt 2

107 T 66.16 Huyệt Hoa Cốt 3

108 T 66.17 Huyệt Hoa Cốt 4



T 66.01 Huyết Hỏa Ngạnh

Vị trí: Nằm giữa xương bàn chân 1 và xương bàn chân 2, cách khớp bàn ngón 5 phân.

Giải phẫu: Nhánh thần kinh tạng tâm, nhánh phụ thần kinh can.

Chủ trị: Tim đập hồi hộp, váng đầu, nhau thai không xuống, bệnh to đầu chi, đau hàm dưới (*khó há miệng*), cường tim (*dùng cho bệnh nhân ở trạng thái hôn mê*), viêm tử cung, u tử cung.

Cách lấy huyết: Huyết tại vị trí giữa xương bàn chân 1 và xương bàn chân 2, cách khớp ngón chân 5 phân.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân.

Chú ý: Phụ nữ có thai cấm châm, cấm cứu.



T 66.02 Huyết Hỏa Chủ

Vị trí: Từ huyết Hỏa Ngạnh lên 1 thốn

Giải phẫu: Nhánh thần kinh tạng tâm, động mạch tạng tâm, nhánh thần kinh chi phối cảm giác xương mác, gân xương chày trước.

Chủ trị: Sinh khó, bệnh to đầu chi, đau đầu do bệnh lý tạng tâm, bệnh lý gan, bệnh lý dạ dày, suy nhược thần kinh, đột quỵ tim, đau tay chân, viêm tử cung, u tử cung.

Cách lấy huyết: Huyết tại chỗ lõm ngay phía trước chỗ tiếp nối của xương bàn chân 1 và 2, tức là cách huyết Hỏa Ngạnh về phía sau 1 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân. Khi dùng để điều trị đau nhức tay chân thì đau bên trái châm bên phải, đau bên phải châm bên trái.

Chú ý: *Cấm cứu, phụ nữ có thai cấm châm.*



T 66.03 Huyệт Môn Kim

Vị trí: Tại chỗ lõm thẳng trước chỗ tiếp nối của xương bàn chân 2 và 3.

Giải phẫu: Gân duỗi ngắn chung các ngón, động mạch mu xương bàn chân 1, thần kinh lưng ngón chân, thần kinh tá tràng, nhánh thần kinh vị.

Chủ trị: Viêm ruột, viêm dạ dày, vùng bụng chướng đầy và đau, viêm ruột thừa.

Cách lấy huyết: Huyết ở chỗ lõm thẳng trước chỗ tiếp nối xương bàn chân 2 và 3, ngang hàng với huyết Hỏa Chủ.

Thủ pháp: Dùng kim hào châm mảnh, châm sâu 5 phân (hiệu quả đặc biệt tốt).

Chú ý: *Cấm châm đồng thời ở cả hai bên chân.*



T 66.04 Huyết Mộc Đẩu

Vị trí: Nằm giữa xương bàn chân ngón 3 và 4, cách khớp bàn ngón 5 phân.

Giải phẫu: Thần kinh tỳ, thần kinh can.

Chủ trị: Lách to (*có khô cứng*), tiêu hóa kém, bệnh lý gan, mệt mỏi lao lực, bệnh lý túi mật, bại liệt ở trẻ nhỏ.

Cách lấy huyết: Huyết ở giữa xương bàn chân ngón 3 và 4, cách khớp bàn ngón chân 5 phân.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân.



T 66.05 Huyệт Mộc Lưu

Vị trí: Nằm ở chỗ lõm thẳng trước chỗ tiếp nối của xương bàn chân 3 và 4, cách khớp bàn ngón 1,5 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh can, thần kinh tỳ.

Chủ trị: Bệnh bạch cầu, lách to, tiêu hóa kém, bệnh lý gan, mệt mỏi lao lực, bệnh lý túi mật, bại liệt ở trẻ nhỏ.

Cách lấy huyết: Huyết nằm ở chỗ lõm thẳng trước chỗ tiếp nối của xương bàn chân 3 và 4, cách huyết Mộc Đẩu 1 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân.



T 66.06 Huyết Lạc Hoàn

Vị trí: Nằm giữa xương bàn chân 4 và 5, cách khớp bàn ngón 5 phân.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh phế, nhánh thần kinh thận.

Chủ trị: Cầm máu (bao gồm chấn thương té ngã, vết thương do dao kiếm vật sắc nhọn hoặc sau tiêm mà máu chảy không dừng), đau nửa đầu.

Cách lấy huyết: Huyết nằm giữa xương bàn chân 4 và 5, cách khớp bàn ngón chân 5 phân.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân.

Chú ý: *Cấm dùng cho hen suyễn, bệnh lý phổi, nhiều đàm, suy nhược cơ thể.*



T 66.07 Huyết Thủy Khúc

Vị trí: Nằm sau huyệt Lục Hoàn 1 thốn.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh phế, nhánh thần kinh thận.

Chủ trị: Đau thắt lưng, phù tay chân, bụng chướng, đau thần kinh cổ gáy, các bệnh lý vùng tử cung của phụ khoa.

Cách lấy huyết: Huyệt nằm ở chỗ lõm ngay trước chỗ tiếp nối của xương bàn chân 4 và 5, tức là cách huyệt Lục Hoàn về phía sau 1 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân.

T 66.08 Huyết Hỏa Liên

Vị trí: Nằm ở mặt trong của xương bàn chân 1, cách khớp bàn ngón về phía sau 1,5 thốn.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh tâm, nhánh thần kinh phụ của thận.

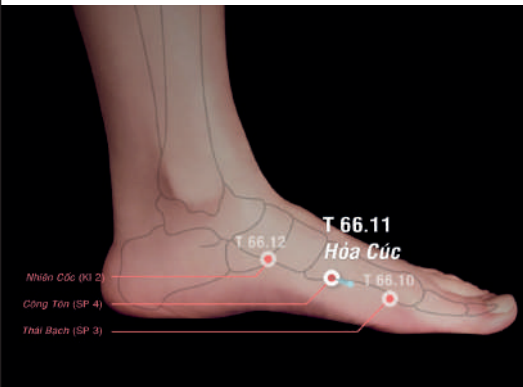
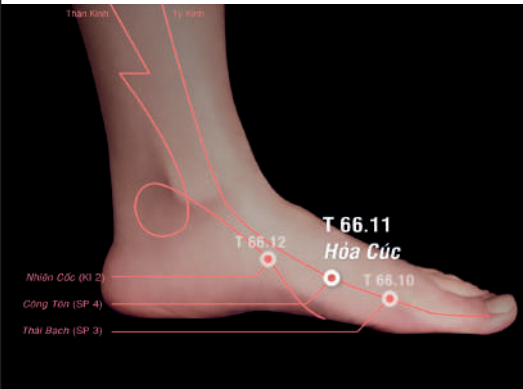
Chủ trị: Hoa mắt chóng mặt do huyết áp cao gây nên, tim đập hồi hộp, suy tim.

Cách lấy huyết: Huyết nằm ở mặt trong của xương bàn chân 1, cách khớp bàn ngón về phía sau 1,5 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 5 đến 8 phân, châm ngang kim men sát theo bờ dưới của xương bàn 1.

Chú ý: Chỉ chọn huyết 1 bên chân, phụ nữ có thai cấm châm.





T 66.11 Huyết Hỏa Cúc

Vị trí: Nằm sau huyệt Hỏa Liên 1 thốn

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh tâm, nhánh thần kinh phụ của thận.

Chủ trị: Tê tay, tim đập hồi hộp, vầng đầu, đau căng chân, cao huyết áp, căng đầu, hoa mắt, môi mí mắt, vùng cổ gáy vận động không linh hoạt.

Cách lấy huyết: Huyệt nằm ở mặt trong của xương bàn chân 1, cách huyệt Hỏa Liên 1 thốn về phía sau.

Thủ pháp: Châm sâu 5 đến 8 phân, kim vuông góc với xương bàn chân, châm men theo bờ dưới của xương bàn.

Chú ý: Chỉ chọn huyết 1 bên chân, phụ nữ có thai cấm châm.



T 66.12 Huyết Hòa Tán

Vị trí: Nằm sau huyết Hòa Cúc 1 thốn.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh tâm, nhánh thần kinh phụ của thận, thần kinh phụ của Lục phủ.

Chủ trị: Đau đầu, căng chướng đầu, đau khớp mắt, thận suy, váng đầu, hoa mắt, môi thất lưng, đau lưng.

Cách lấy huyết: Huyết nằm ở mặt trong của xương bàn chân 1, cách huyết Hòa Cúc 1 thốn về phía sau.

Thủ pháp: Châm sâu 5 đến 8 phân, châm ngang kim men theo bờ dưới của xương bàn.

Chú ý: Chỉ chọn huyết 1 bên chân, phụ nữ có thai cấm châm.

Cách vận dụng: Ba huyết Hòa Liên, Hòa Cúc, Hòa Tán có thể châm cùng lúc, điều trị hiệu quả nhanh chóng các chứng kể trên, thậm chí là chứng u não, viêm màng não. Nhưng cần chú ý chỉ châm 1 bên chân, không thể đồng thời châm cả 2 chân.



T 66.13 **Huyết Thủy Tương**

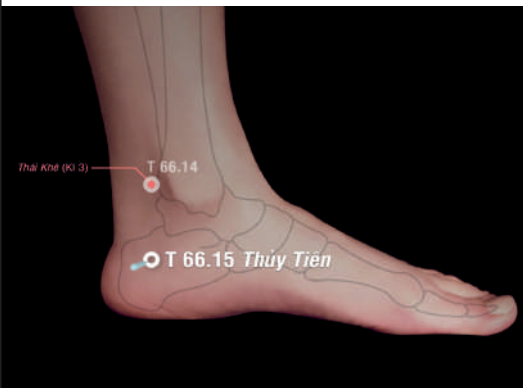
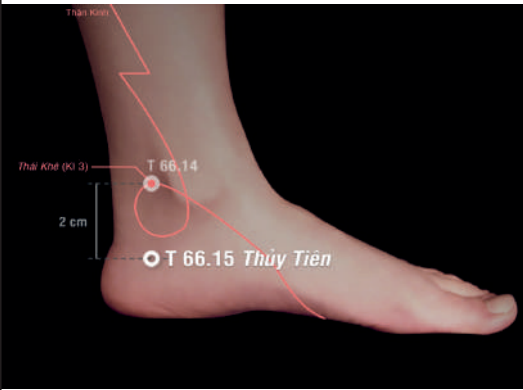
Vị trí: Nằm ở ngay phía sau mắt cá trong, tại chỗ hõm bờ trước gân gót.

Giải phẫu: Nhánh thần kinh thận, thần kinh não.

Chủ trị: Viêm thận, phù tay chân, đau thắt lưng do thận suy hư, đau xương cột sống, chứng phong sản hậu (*phụ khoa*), chứng bạch nội chướng (*đục thủy tinh thể*).

Cách lấy huyết: Huyết ở chỗ hõm bờ trước gân gót, cũng tức là từ đỉnh cao nhất của mắt cá trong lùi về phía sau 2 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 3 đến 5 phân, hoặc châm sâu hơn cũng được (*tức là châm xuyên thẳng qua men theo bờ trước của gân gót*).



T 66.14 Huyết Thủy Tiên

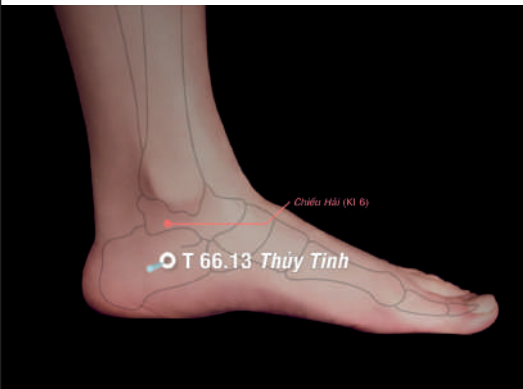
Vị trí: Nằm ở chỗ lõm phía trước gân gót, phía sau và dưới mắt cá trong 2 thốn.

Giải phẫu: Giống với huyệt Thủy Tương.

Chủ trị: Giống với huyệt Thủy Tương.

Cách lấy huyết: Huyệt ở dưới huyệt Thủy Tương 2 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân.



T 66.15 Huyết Thủy Tinh

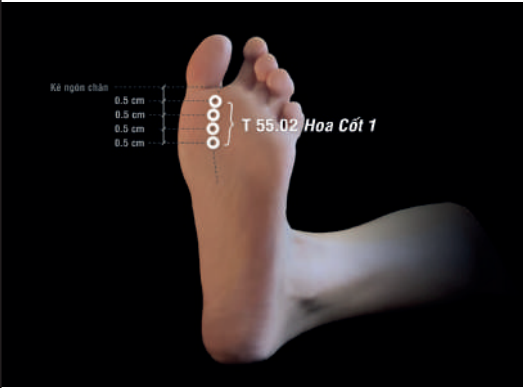
Vị trí: Nằm thẳng dưới đỉnh mắt cá trong 2 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh tử cung.

Chủ trị: Viêm tử cung, tử cung căng chướng, u tử cung, bụng dưới đầy chướng khí khó chịu.

Cách lấy huyết: Huyết ở chỗ dưới đỉnh mắt cá trong 2 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân đến 1 thốn.



T 66.16 Huyết Hoa Cốt 1

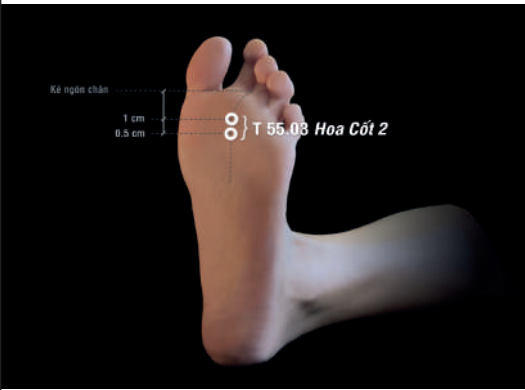
Vị trí: Nằm ở đáy bàn chân, giữa xương bàn 1 và 2.

Giải phẫu: Thần kinh phế, tỳ, thận.

Chủ trị: Đau mắt hột, đỏ khòe mắt, viêm da mắt, chứng mắt ra gió thì chảy nước mắt, sợ ánh sáng, xương cung mày đau ê ẩm, đau xương mũi, đau đầu, đau răng, ù tai, điếc tai.

Cách lấy huyết: Huyết nằm ở đáy bàn chân, giữa xương bàn 1 và 2, cách kẽ ngón 5 phân là 1 huyết, lại cách 5 phân là huyết thứ 2, lại cách thêm 5 phân là huyết thứ 3, cuối cùng cách thêm 8 phân là huyết thứ 4, tất cả là 4 huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân đến 1 thốn.



T 66.17 Huyệт Hoa Cốt 2

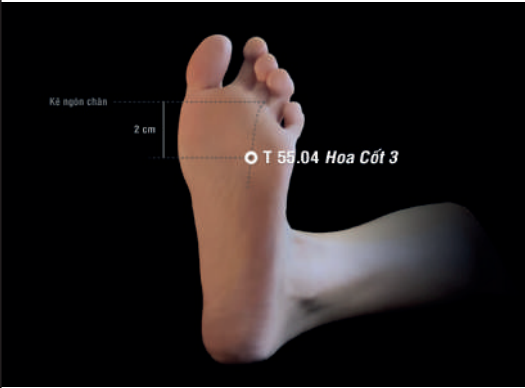
Vị trí: Nằm ở đáy bàn chân, giữa xương bàn 2 và 3.

Giải phẫu: Thần kinh tỳ.

Chủ trị: Yếu ngón tay, đau cánh tay.

Cách lấy huyết: Huyết nằm ở đáy bàn chân, giữa xương bàn 2 và 3, cách kẽ ngón 1 thốn là 1 huyết, lại cách 5 phân là huyết thứ 2, tất cả là 2 huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân đến 1 thốn.



T 66.18 Huyết Hoa Cốt 3

Vị trí: Nằm ở đáy bàn chân, giữa xương bàn 3 và 4.

Giải phẫu: Thần kinh tỳ.

Chủ trị: Đau lưng, đau thần kinh tọa, đau xương cột sống.

Cách lấy huyết: Huyết nằm ở đáy bàn chân, giữa xương bàn 3 và 4, cách kẽ ngón 2 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân đến 1 thốn.



T 66.19 HuyệT Hoa Cốt 4

Vị trí: Nằm ở đáy bàn chân, giữa xương bàn 4 và 5.

Giải phẫu: Thần kinh phế.

Chủ trị: Đau thần kinh tọa, đau xương cột sống, đau bụng dưới, đau dạ dày, cầm máu.

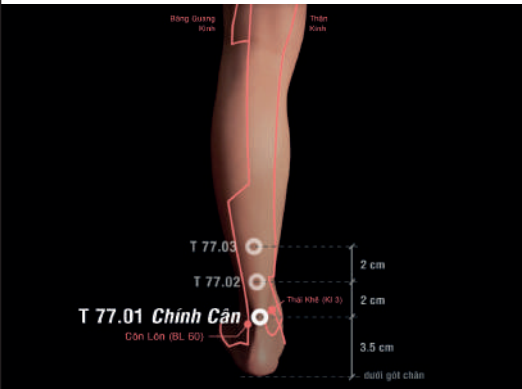
Cách lấy huyết: Huyết nằm ở đáy bàn chân, giữa xương bàn 4 và 5, cách kể ngón 1,5 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân đến 1 thốn.



BỘ T 77

- 110** T 77.01 Huyện Chính Cân
- 111** T 77.02 Huyện Chính Tông
- 112** T 77.03 Huyện Chính Sĩ
- 113** T 77.04 Huyện Bắc Cầu
- 114** T 77.05 Huyện Nhất Trọng
- 115** T 77.06 Huyện Nhị Trọng
- 116** T 77.07 Huyện Tam Trọng
- 117** T 77.08 Huyện Tứ Hoa Thượng
- 118** T 77.09 Huyện Tứ Hoa Trung
- 119** T 77.10 Huyện Tứ Hoa Phụ
- 120** T 77.11 Huyện Tứ Hoa Hạ
- 121** T 77.12 Huyện Phủ Trường
- 122** T 77.13 Huyện Tứ Hoa Lý
- 123** T 77.14 Huyện Tứ Hoa Ngoại
- 124** T 77.15 Huyện Thượng Thần
- 125** T 77.16 Huyện Hạ Thần
- 126** T 77.17 Huyện Thiên Hoàng
- 127** T 77.18 Huyện Thiên Hoàng phụ (Thận quan)
- 128** T 77.19 Huyện Địa hoàng
- 129** T 77.20 Huyện Tứ Chi
- 130** T 77.21 Huyện Nhân Hoàng
- 131** T 77.22 Huyện Trắc Tam Lý
- 132** T 77.23 Huyện Trắc Hạ Tam Lý
- 133** T 77.24 Huyện Túc Thiên Kim
- 134** T 77.25 Huyện Túc Ngũ Kim
- 135** T 77.26 Huyện Thất Hồ
- 136** T 77.27 Huyện Ngoại Tam Quan
- 137** T 77.28 Huyện Quang Minh



T 77.01 HuyệT Chính Cân

Vị trí: Nằm chính giữa gân gót, cách gót chân 3 thốn 5 phân.

Giải phẫu: Tổng thần kinh xương cột sống, tổng thần kinh não.

Chủ trị: Đau do trật cột sống, đau cột sống thắt lưng, đau và hạn chế vận động cân cơ vùng cổ gáy, phì đại xương sọ, não tích thủy

Cách lấy huyết: Huyết nằm chính giữa cân gân gót, cách gót chân 3 thốn 5 phân.

Thủ pháp: Châm sâu 5 – 8 phân (châm xuyên qua cân hiệu quả càng tốt), người khỏe mạnh có thể ngồi châm, người yếu nên nằm nghiêng châm.



T 77.02 HuyệT Chính Tông

Vị trí: Nằm trên huyệt Chính cân 2 thốn.

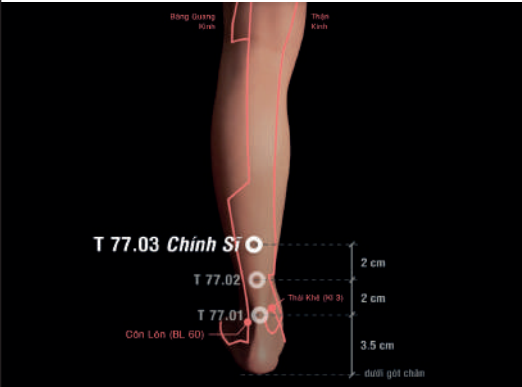
Giải phẫu: Giống huyệt Chính Cân.

Chủ trị: Giống huyệt Chính Cân.

Cách lấy huyệt: Huyệt nằm trên đường giữa gân gót, cách huyệt Chính Cân 2 thốn.

Cách châm: Giống huyệt Chính Cân

Vận dụng: Phối hợp châm đồng thời hai huyệt Chính Cân và Chính Tông.



T 77.03 Huyệt Chánh Sĩ

Vị trí: Nằm trên huyệt Chánh Tông 2 thốn.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh phế, tổng thần kinh vùng cột sống.

Chủ trị: đau vai lưng, đau lưng, đau thần kinh tọa.

Cách lấy huyệt: Huyệt nằm trên đường giữa gân gót, cách huyệt Chánh Tông 2 thốn.

Cách châm: Châm sâu 5 phân đến 1 thốn.





T 77.04 Huyệ**t** B**á**c C**ấ**u

Vị trí: Nằm trên huyệt Chính Sĩ 2 thốn 5 phân.

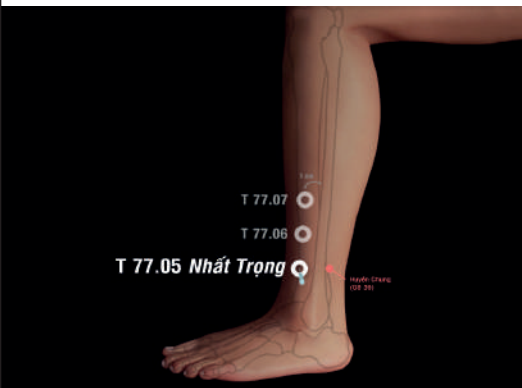
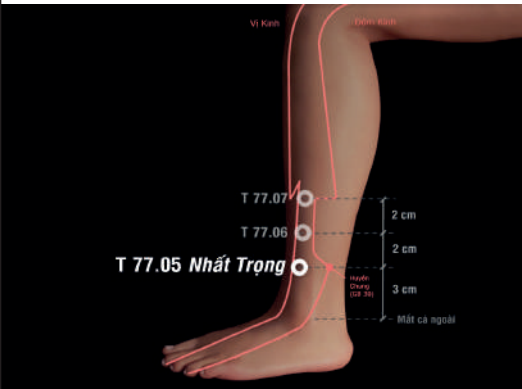
Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh tâm, nhánh thần kinh phụ của phế.

Chủ trị: Chuột rút chân, hoắc loạn, đau lưng mỏi thắt lưng, chảy máu mũi.

Cách lấy huyệt: Bệnh nhân nằm ngửa, kê phía sau cổ chân bằng một cái gối mềm, từ huyệt Chính Sĩ đo lên 2 thốn 5 phân, tức bờ dưới cơ bụng chân là huyệt.

Thủ pháp: Châm sâu 1 – 2 thốn, đưa mũi kim vào sát xương thì hiệu quả tốt nhất.

Vận dụng: Phối hợp cùng với huyệt Tứ Hoa Trung điều trị chuột rút do hoắc loạn, thận suy.



T 77.05 Huyệt Nhất Trọng

Vị trí: Từ đỉnh mắt cá ngoài thẳng lên trên 3 thốn, ra trước 1 thốn.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh tâm.

Chủ trị: Phì đại tuyến giáp (*do tạng tâm bệnh mà gây ra*), lõi nhãn cầu, viêm amidal, khẩu nhân oa tà (*liệt mắt*), đau nửa đầu, u cục tích trệ, bệnh can, u não, viêm màng não.

Cách lấy huyết: Từ đỉnh mắt cá ngoài lên trên 3 thốn và ra trước 1 thốn là huyết.

Cách châm: Châm sâu 1 – 2 thốn.

T 77.06 Huyệт Nhị Trọng

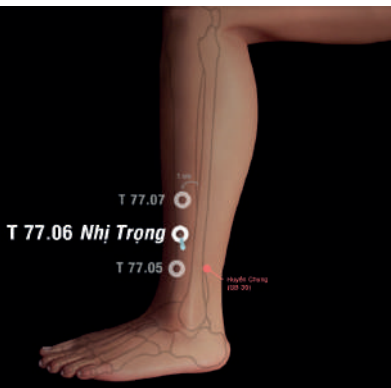
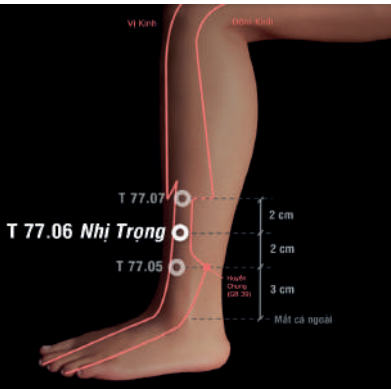
Vị trí: Trên huyết Nhất Trùng 2 thốn.

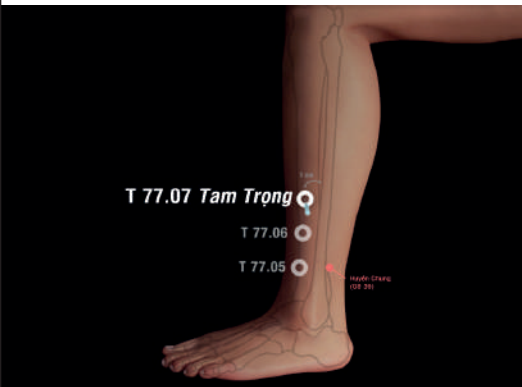
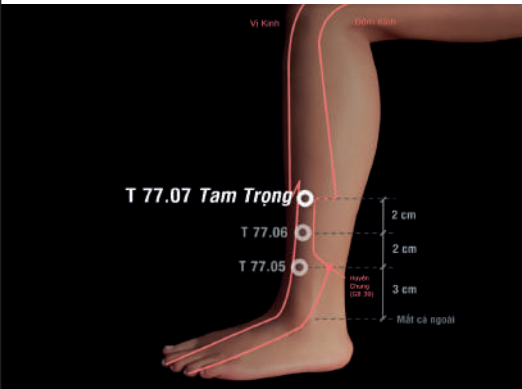
Giải phẫu: Giống huyết Nhất Trùng.

Chủ trị: Giống huyết Nhất Trùng.

Cách lấy huyết: Trên huyết Nhất Trùng 2 thốn là huyết.

Cách châm: Châm sâu 1 – 2 thốn.





T 77.07 Huyệt Tam Trọng

Vị trí: Trên huyệt Nhị Trùng 2 thốn.

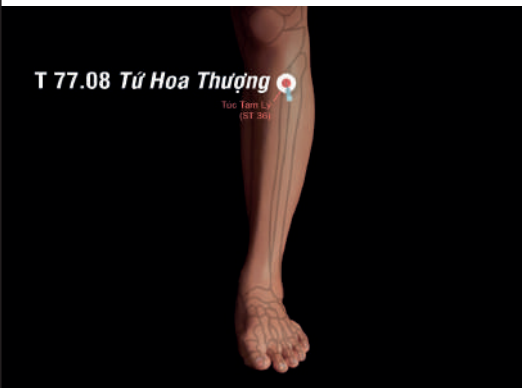
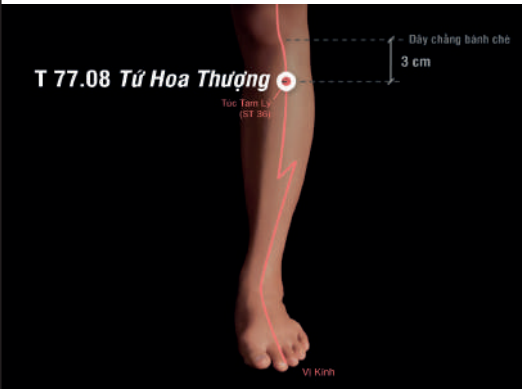
Giải phẫu: Giống huyệt Nhất Trùng.

Chủ trị: Giống huyệt Nhất Trùng.

Cách lấy huyết: Trên huyệt Nhị trùng 2 thốn là huyết.

Cách châm: Châm sâu 1 -2 thốn.

Vận dụng: Châm đồng thời ba huyệt Nhất Trùng, Nhị Trùng, Tam Trùng (hay còn gọi là *Đảo mã châm*) là phương huyết đặc hiệu để điều trị các chứng kể trên.



T 77.08 Huyết Tử Hoa Thượng

Vị trí: Nằm dưới tất nhân 3 thốn, bờ ngoài xương cẳng chân.

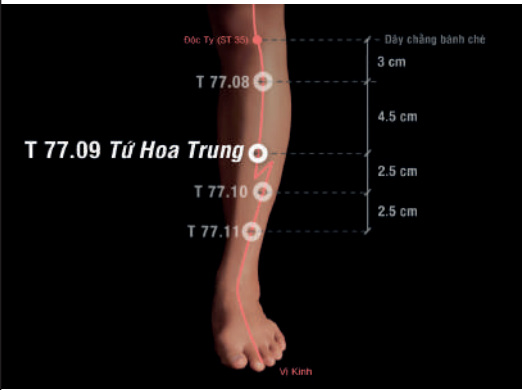
Giải phẫu: Nhánh thần kinh tâm, nhánh thần kinh phế.

Chủ trị: Hen suyễn, đau răng, hồi hộp trống ngực, khoang miệng sinh u cục, vàng đầu, bệnh tạng tâm, chuyển cân hoặc loạn (*miệng nôn trôn tháo, mất nước dẫn đến cơ rút cơ bắp chân, không thể thể duỗi thẳng*).

Cách lấy huyết: Huyết nằm dưới ngoại tất nhân 3 thốn, tại chỗ lõm giữa cơ chày trước và cơ duỗi chung các ngón chân.

Cách châm: Châm sâu 2 – 3 thốn, châm sâu 2 thốn trị hen suyễn, 3 thốn trị bệnh tạng tâm.

Vận dụng: Huyết Tử hoa thượng phối với huyết Bác Cầu điều trị chuyển cân hoặc loạn, khi này huyết Tử hoa thượng cần châm sâu 3 thốn.



T 77.09 Huyết Tứ Hoa Trung

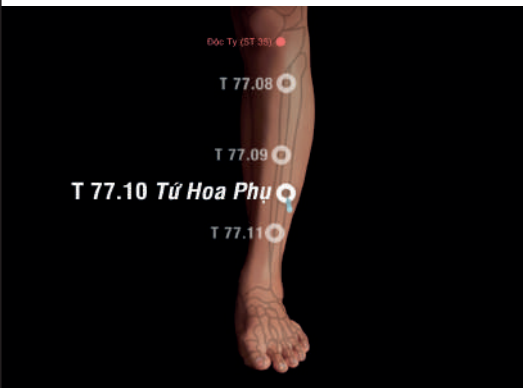
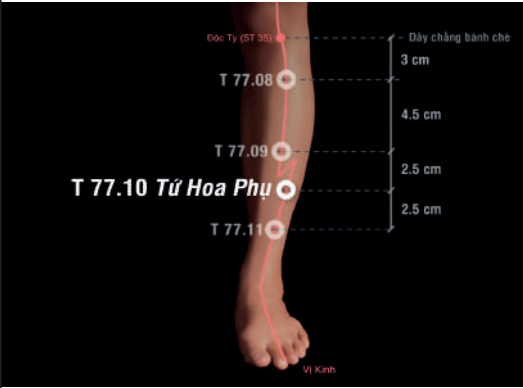
Vị trí: Dưới huyết Tứ Hoa Thượng 4 thốn 5 phân.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh tâm, phân nhánh thần kinh phế, thần kinh phụ của lục phủ.

Chủ trị: Hen suyễn, bệnh nhãn cầu, bệnh tạng tâm, xơ cứng mạch vành, đau hai bên tim, tức ngực khó chịu, đứng ngồi không yên, đau dạ dày cấp tính, sưng nề do tiêu chỏm xương.

Cách lấy huyết: Dưới huyết Tứ hoa thượng 4 thốn 5 phân là huyết.

Cách châm: Dùng kim tam lăng chích máu điều trị xơ cứng mạch vành, đau dạ dày cấp tính, viêm ruột, tức ngực, viêm gian sườn; dùng hào châm châm sâu 2 – 3 thốn trị hen suyễn, bệnh nhãn cầu.



T 77.10 Huyết Tứ Hoa Phụ

Vị trí: Thẳng dưới huyết Tứ Hoa Trung 2.5 thốn.

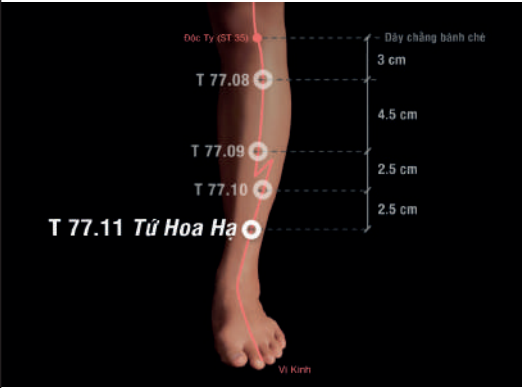
Giải phẫu: Giống huyết Tứ Hoa Trung.

Chủ trị: Giống huyết Tứ Hoa Trung.

Cách lấy huyết: Thẳng dưới huyết Tứ Hoa Trung 2.5 thốn là huyết.

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu điều trị xơ cứng mạch vành, đột quỵ tim, đau dạ dày cấp tính, viêm ruột.

Vận dụng: Phối hợp sử dụng huyết Tứ Hoa Phụ điều trị các chứng trên có thể thấy hiệu quả ngay lập tức, nhưng khi châm thì cần nhắm vào mạch máu, thấy ra máu đen là chuẩn.



T 77.11 **Huyết Tứ Hoa Hạ**

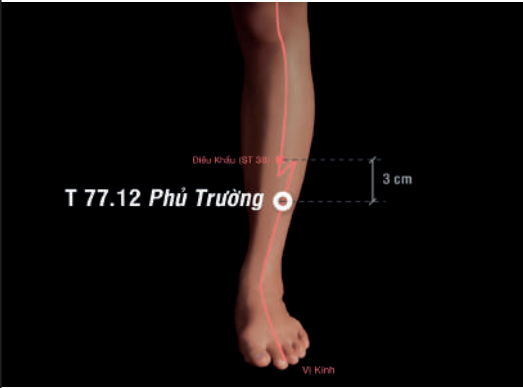
Vị trí: Nằm thẳng dưới huyết Tứ Hoa Phụ 2.5 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh lục phủ, thần kinh phụ của phế, thần kinh phụ của thận.

Chủ trị: Viêm ruột, bụng chướng, ngực đầy, đau dạ dày, phù thũng, nghiến răng khi ngủ.

Cách lấy huyết: Thẳng dưới huyết Tứ Hoa Phụ 2.5 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân – 1 thốn (dùng kim hào châm mảnh)



T 77.12 Huyết Phủ Trường

Vị trí: Nằm dưới huyết Tứ Hoa Hạ 1.5 thốn.

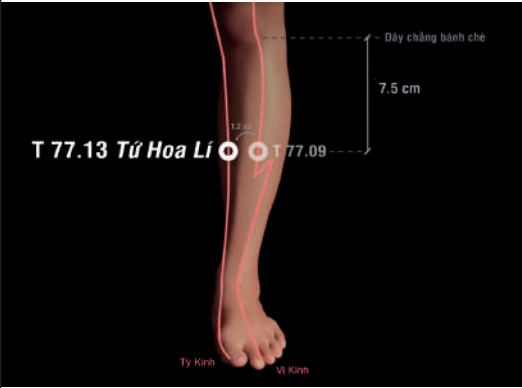
Giải phẫu: Thần kinh lục phủ, thần kinh phụ của phế, thần kinh phụ của thận, thần kinh phụ tạng tâm.

Chủ trị: Giống huyết Tứ Hoa Hạ.

Cách lấy huyết: Thẳng từ huyết Tứ Hoa Hạ xuống 1.5 thốn là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân – 1 thốn
(*dùng kim hào châm mảnh*)





T 77.13 HuyệT Tứ Hoa Lí

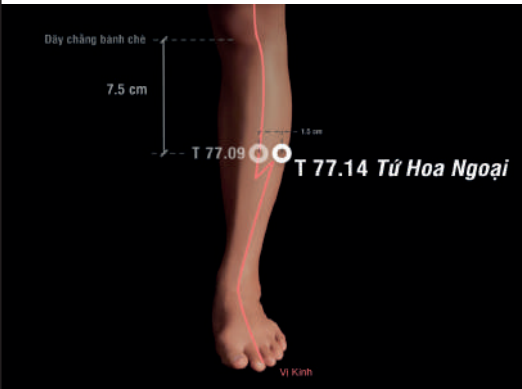
Vị trí: Từ huyết Tứ Hoa Trung vào trong 1 thốn 2 phân, ở bờ ngoài xương chày.

Giải phẫu: Nhánh thần kinh tâm, khu nhánh thần kinh phế

Chủ trị: Bệnh lý dạ dày – ruột, bệnh lý tạng âm, tim đập hồi hộp, hoặc loạn chuyển cân (*nôn mửa*), đột quỵ tim.

Cách lấy huyết: Từ huyết Tứ Hoa Trung vào trong 1 thốn 2 phân, ở bờ ngoài xương chày là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 1 thốn 5 phân – 2 thốn.



T 77.14 Huyệt Tứ Hoa Ngoại

Vị trí: Từ huyệt Tứ Hoa Trung ra ngoài 1 thốn 5 phân.

Giải phẫu: Nhánh thần kinh phế, thần kinh lục phủ.

Chủ trị: Viêm ruột cấp tính, đau răng, đau nửa đầu, liệt mặt, đau liên sườn.

Cách lấy huyết: Từ huyệt Tứ Hoa Trung ra ngoài 1 thốn 5 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 thốn – 1.5 thốn.

Dùng kim tam lăng chích ra máu đen, điều trị viêm ruột, viêm dạ dày cấp tính, đau liên sườn, ngực đầy tức, hen suyễn, đau thần kinh tọa và đau u ngời, đau vai – cánh tay, đau tai, viêm mũi mạn tính, đau đầu, cao huyết áp.



T 77.15 **Huyết Thượng Thân**

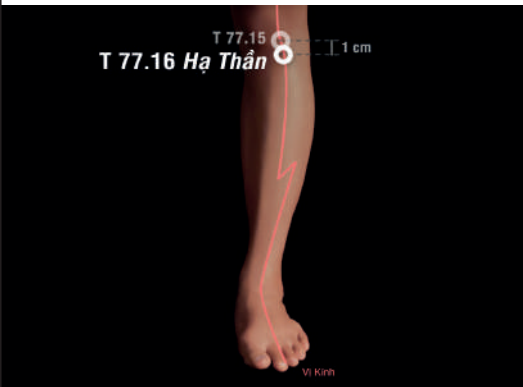
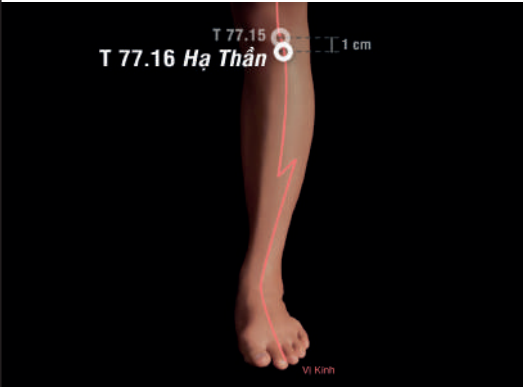
Vị trí: Bờ dưới khớp gối.

Giải phẫu: Kỳ huyết ngoài kinh.

Chủ trị: Đau môi, chứng bạch hầu (nổi các mụn trắng quanh miệng và bề mặt đầu lưỡi)

Cách lấy huyết: Chính giữa bờ dưới khớp gối trên dây chằng xương bánh chè.

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích trên dây chằng xương bánh chè bờ dưới khớp gối và vùng xung quanh, cho ra máu đen sẽ thấy hiệu quả ngay lập tức.



T 77.16 Huyết Hạ Thần

Vị trí: Từ bờ dưới khớp gối xuống khoảng 1 thốn.

Giải phẫu: Kỳ huyết ngoài kinh.

Chủ trị: Giống huyết Thượng Thần.

Cách lấy huyết: Từ bờ dưới khớp gối xuống khoảng 1 thốn.

Thủ pháp: Giống huyết Thượng Thần.



T 77.17 Huyết Thiên Hoàng

Vị trí: Nằm ở chỗ lõm mắt trong xương chày, từ khớp gối xuống 2 thốn 5 phân.

Giải phẫu: Thần kinh thận, thần kinh lực phủ, phân nhánh thần kinh tâm.

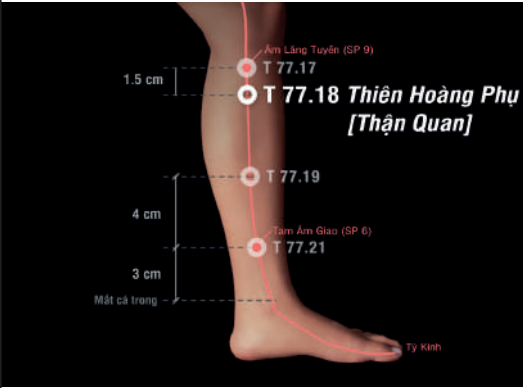
Chủ trị: Tăng acid dạ dày, trào ngược dạ dày thực quản, viêm thận, đái tháo đường, protein niệu.

Cách lấy huyết: Chỗ lõm đầu dưới khớp gối, tại mắt trong xương chày, cách khớp gối 2 thốn 5 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân – 1 thốn.

Vận dụng: Phối với huyết Thiên Hoàng Phụ điều trị trào ngược dạ dày thực quản, tăng acid dạ dày.

Chú ý: Không nên cứu, phụ nữ có thai cấm châm



T 77.18

Huyết Thiên Hoàng phụ (Thận quan)

Vị trí: Từ huyết Thiên Hoàng xuống 1 thốn 5 phân.

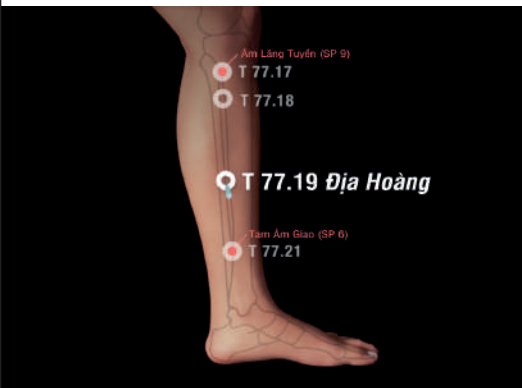
Giải phẫu: Thần kinh lục phủ.

Chủ trị: Tăng tiết acid dạ dày, chứng trào ngược, lác mắt, lóa mắt, thiếu máu, bệnh động kinh, đau cung lông mày, bệnh tâm thần kinh, đau xương mũi, vàng đầu.

Cách lấy huyết: Huyết Thiên Hoàng xuống 1 thốn rưỡi, mặt trong xương cẳng chân.

Cách châm: Châm sâu 5 phân – 1 thốn.

Vận dụng: Điều trị tăng tiết acid dạ dày, chứng trào ngược phối hợp châm với huyết Thiên Hoàng.



T 77.19 Huyết Địa Hoàng

Vị trí: Nằm ở mặt trong cẳng chân, từ mắt cá trong lên 7 thốn.

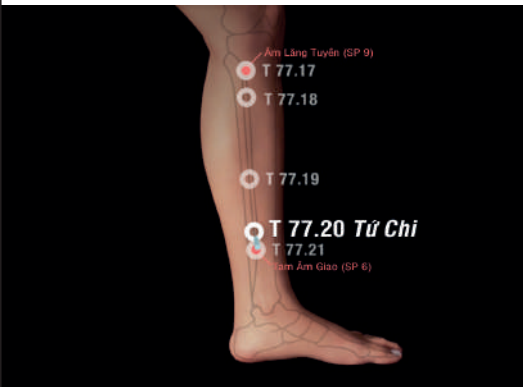
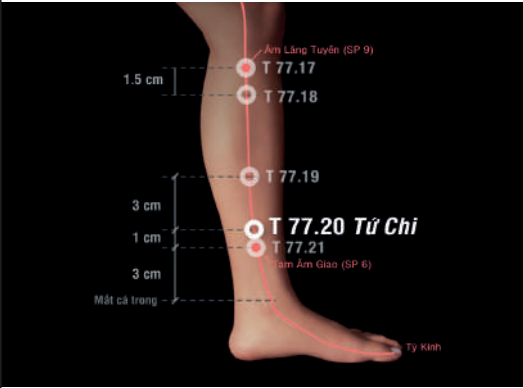
Giải phẫu: Thần kinh thận.

Chủ trị: Viêm thận, phù thũng tứ chi, đái tháo đường, bệnh lậu, dương nuy, tảo tiết, hoạt tinh, mộng tinh, protein niệu, tiểu máu, u cục vùng tử cung, kinh nguyệt không đều, đau lưng do thận suy.

Cách lấy huyết: Nằm ở mặt trong cẳng chân, từ mắt cá trong lên 7 thốn là huyết.

Thủ pháp: Mũi kim tạo thành một góc 45 độ với cẳng chân, châm sâu 1 – 1 thốn 8 phân.

Chú ý: Phụ nữ có thai cấm châm.



T 77.20 Huyết Tứ Chi

Vị trí: Nằm ở mặt trong cẳng chân, từ mắt cá trong lên 4 thốn.

Giải phẫu: Nhánh thần kinh tâm, thần kinh tứ chi, phân nhánh thần kinh thận.

Chủ trị: Đau tứ chi, đau cổ gáy, đái tháo đường.

Cách lấy huyết: Nằm ở mặt trong cẳng chân, từ mắt cá trong lên 4 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 6 phân – 1 thốn 2 phân.

Chú ý: Phụ nữ có thai cấm châm.



T 77.21 Huyết Nhân Hoàng

Vị trí: Nằm ở bờ sau mặt trong cẳng chân, từ mắt cá trong lên 3 thốn.

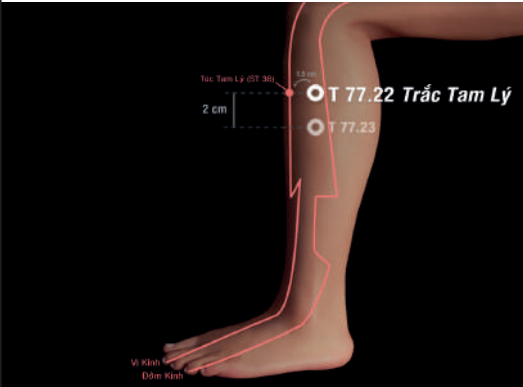
Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh thận.

Chủ trị: Bệnh lậu, dương nuy, tào tiết, di tinh, hoạt tinh, đau cột sống thắt lưng, đau cổ, vầng đầu, tê tay, đái tháo đường, protein niệu, tiểu máu, viêm thận, đau thắt lưng do thận suy.

Cách lấy huyết: Nằm ở bờ sau mặt trong cẳng chân, từ mắt cá trong lên 3 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 6 phân – 1 thốn 2 phân.

Chú ý: Phụ nữ có thai cấm châm.



T 77.22 Huyết Trắc Tam Lý

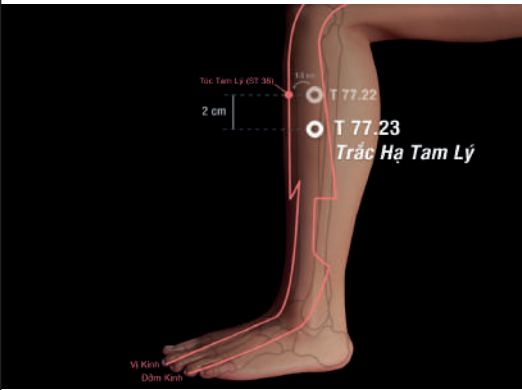
Vị trí: Nằm ở vị trí từ huyết Tứ hoa thượng ngang ra ngoài 1 thốn 5 phân.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh phế, thần kinh răng.

Chủ trị: Đau răng, liệt mặt.

Cách lấy huyết: Dọc theo bờ trước xương cẳng chân, từ huyết Tứ hoa thượng ngang ra ngoài 1 thốn 5 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 5 phân – 1 thốn.



T 77.23

Huyệt Trắc Hạ Tam Lý

Vị trí: Nằm dưới huyệt Trắc Tam Lý 2 thốn.

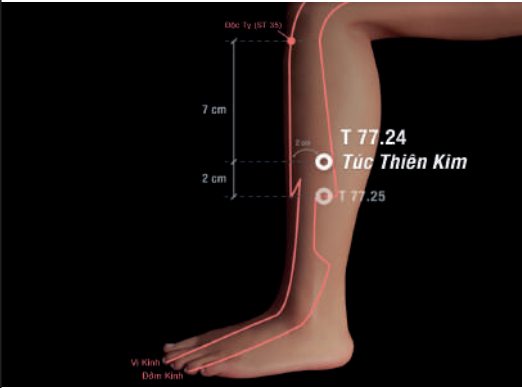
Giải phẫu: Giống huyệt Trắc Tam Lý.

Chủ trị: Giống huyệt Trắc Tam Lý.

Cách lấy huyết: Dọc theo bờ trước xương cẳng chân, từ huyệt Trắc Tam Lý xuống 2 thốn là huyệt.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân – 1 thốn.

Vận dụng: Châm đồng thời hai huyệt Trắc Tam Lý và Trắc Hạ Tam Lý, nhưng chỉ lấy huyết một bên chân, điều trị bệnh bên trái thì lấy bên phải, bệnh bên phải thì lấy bên trái.



T 77.24 Huyết Túc Thiên Kim

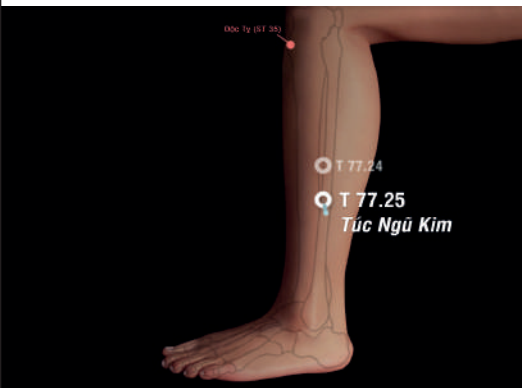
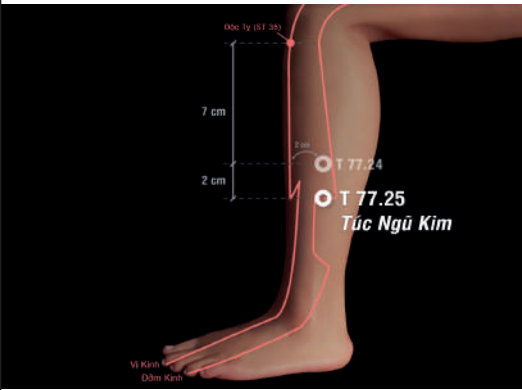
Vị trí: Từ huyết Trắc Hạ Tam lý ra ngoài (*sau*) 5 phân, thẳng xuống 2 thốn.

Giải phẫu: Nhánh thần kinh phế, phân nhánh thần kinh thận, thần kinh hầu bên (*tuyến giáp trạng*).

Chủ trị: Viêm ruột cấp tính, hóc xương cá ở cổ họng, đau vai, lưng, lở loét hầu họng, viêm họng (*bệnh hỏa nga*), viêm Amidal, sung tuyến giáp.

Cách lấy huyết: Nằm ở bờ trước xương chày, từ huyết Trắc Hạ Tam Lý ra sau 5 phân, xuống dưới 2 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân – 1 thốn.



T 77.25 Huyệt Túc Ngũ Kim

Vị trí: Từ huyệt Túc Thiên Kim thẳng xuống 2 thốn.

Giải phẫu: Giống Túc Thiên Kim.

Chủ trị: Giống Túc Thiên Kim.

Cách lấy huyết: Nằm ở bờ trước xương chày, từ huyệt Túc Thiên Kim xuống dưới 2 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân – 1 thốn.

Vận dụng: Châm đồng thời hai huyệt Túc Thiên Kim và Túc Ngũ Kim, ngoài điều trị viêm tuyến giáp trạng ra còn có thể châm cả hai chân ra, các chứng còn lại đều châm một bên chân.



T 77.26 HuyệT Thắt Hố

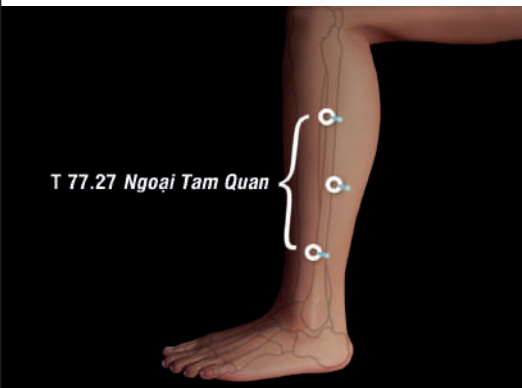
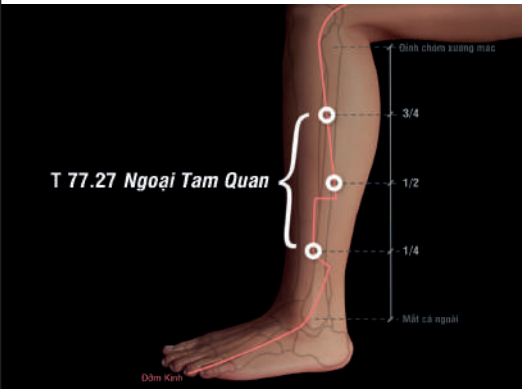
Vị trí: Tại đường thẳng sau mắt cá ngoài 1.5 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh bụng chân, thần kinh liên sườn.

Chủ trị: Đau xương vai, đau xương đòn, đau và sưng xương lồng ngực, viêm màng xương sườn.

Cách lấy huyết: Tại đường thẳng sau mắt cá ngoài 1.5 thốn: từ mắt cá ngoài ra sau 1.5 thốn, lên trên 2 thốn là 1 huyết, lại lên trên 2 thốn là 1 huyết, lại lên trên 2 thốn là 1 huyết, tổng cộng 3 huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân – 8 phân.



T 77.27

Huyết Ngoại Tam Quan

Vị trí: Nằm trên đường thẳng nối mắt cá ngoài và lồi củ ngoài khớp gối.

Giải phẫu: Thần kinh phế.

Chủ trị: Viêm, u cục, ung thư tuyến Amidal, viêm họng, viêm tuyến nước bọt, đau vai – cánh tay, các chứng u cục.

Cách lấy huyết: Trung điểm đường thẳng nối mắt cá ngoài và lồi củ ngoài khớp gối là 1 huyết, trung điểm giữa huyết 1 và lồi củ ngoài khớp gối là 1 huyết, trung điểm giữa huyết 1 và mắt cá ngoài là 1 huyết, tổng cộng 3 huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 -1.5 thốn.



T 77.28 Huyết Quang Minh

Vị trí: Từ mắt cá trong ra sau 1 thốn và lên trên 2 thốn.

Chủ trị: Loạn thị và đục thủy tinh thể.

Cách lấy huyết: Từ mắt cá trong ra sau 1 thốn và lên trên 2 thốn là huyết.

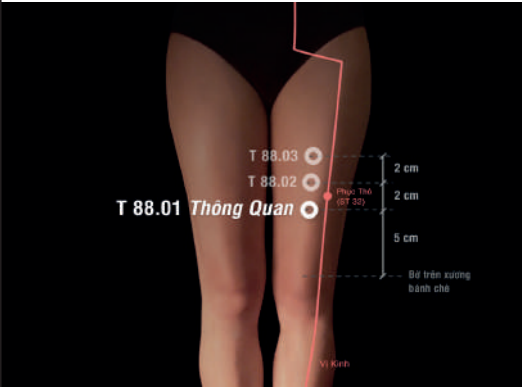
Thủ pháp: Châm sâu 5 phân – 1 thốn





BỘT 88

- 139** T 88.01 Huyện Thông Quan
- 140** T 88.02 Huyện Thông Sơn
- 141** T 88.03 Huyện Thông Thiên
- 142** T 88.04 Huyện Tỷ Muội 1
- 143** T 88.05 Huyện Tỷ Muội 2
- 144** T 88.06 Huyện Tỷ Muội 3
- 145** T 88.07 Huyện Cẩm Mạo 1
- 146** T 88.08 Huyện Cẩm Mạo 2
- 147** T 88.09 Huyện Thông Thận
- 148** T 88.10 Huyện Thông Vị
- 149** T 88.11 Huyện Thông Bối
- 150** T 88.12 Huyện Minh Hoàng
- 151** T 88.13 Huyện Thiên Hoàng
- 152** T 88.14 Huyện Kỳ Hoàng
- 153** T 88.15 Huyện Hỏa Chi
- 154** T 88.16 Huyện Hỏa Toàn
- 155** T 88.17 Huyện Tứ Mã Trung
- 156** T 88.18 Huyện Tứ Mã Thượng
- 157** T 88.19 Huyện Tứ Mã Hạ
- 158** T 88.20 Huyện Hạ Tuyên
- 159** T 88.21 Huyện Trung Tuyên
- 160** T 88.22 Huyện Thượng Tuyên
- 161** T 88.23 Huyện Kim Tiên Hạ
- 162** T 88.24 Huyện Kim Tiên Thượng
- 163** T 88.25 Huyện Trung Cửu Lý
- 164** T 88.26 Huyện Thượng Cửu Lý
- 165** T 88.27 Huyện Hạ Cửu Lý
- 166** T 88.28 Huyện Giải
- 167** T 88.29 Huyện Nội Thông Quan
- 168** T 88.30 Huyện Nội Thông Sơn
- 169** T 88.31 Huyện Nội Thông Thiên
- 170** T 88.32 Huyện Thất Âm



T 88.01 Huyết Thông Quan

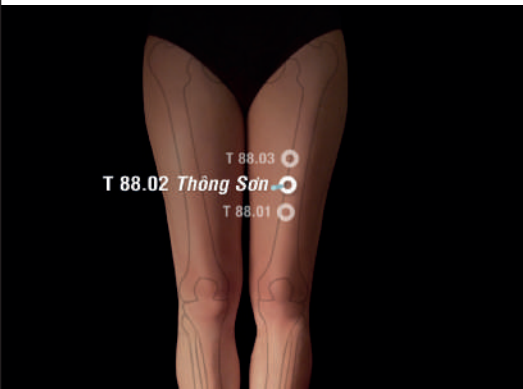
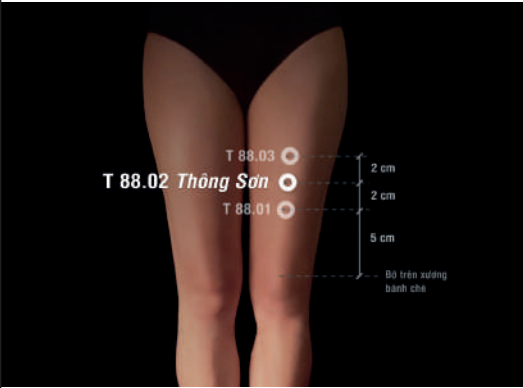
Vị trí: Nằm trên đường dọc chính giữa đùi trên xương đùi, cách xương bánh chè 5 thốn

Giải phẫu: Tổng thần kinh của tâm

Chủ trị: Bệnh lý tạng tâm, đau tâm bào lạc (*đau mỏm tim*), đau hai bên tim, bệnh phong thấp của tim, hoa mắt chóng mặt, tim đập hồi hộp, đau dạ dày, đau tứ chi, thiếu máu não

Cách lấy huyết: Trên đường dọc chính giữa đùi trên xương đùi, cách xương bánh chè 5 thốn là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 3-5 phân



T 88.02 **Huyệt Thông Sơn**

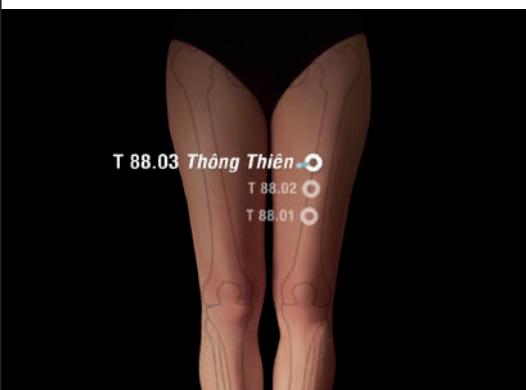
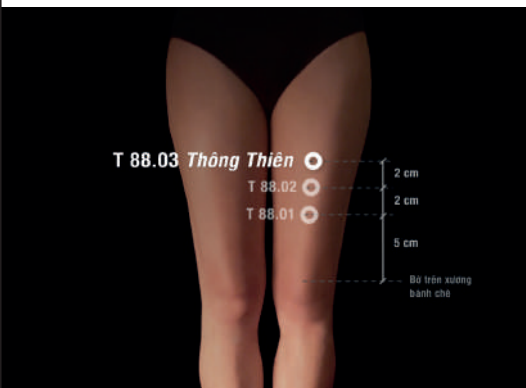
Vị trí: Từ huyệt Thông Quan đo thẳng lên 2 thốn

Giải phẫu: Tổng thần kinh tâm

Chủ trị: Giống huyệt Thông Quan

Cách lấy huyệt: Trên đường dọc chính giữa đùi trên xương đùi, từ huyệt Thông Quan lên trên 2 thốn chính là huyệt

Thủ pháp: Châm sâu từ 5-8 phân



T 88.03 Huyết Thông Thiên

Vị trí: Từ huyết Thông Quan đo thẳng lên 4 thốn

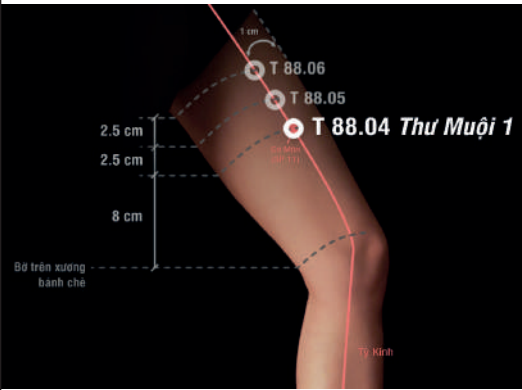
Giải phẫu: Tổng thần kinh tâm

Chủ trị: Giống huyết Thông Quan

Cách lấy huyết: Trên đường dọc chính giữa đùi, trên xương đùi, từ huyết Thông Quan đo thẳng lên 4 thốn là huyết

Thủ pháp: Châm sâu từ 5 phân - 1 thốn

Chú ý: Không được châm đồng thời cả 2 bên 3 huyết Thông Quan, Thông Sơn, Thông Thiên, chỉ có thể lấy từ 1 - 2 huyết để châm. Người cao huyết áp cả 2 chân chỉ được lấy 1 huyết.



T 88.04 HuyệT Tở Muội 1

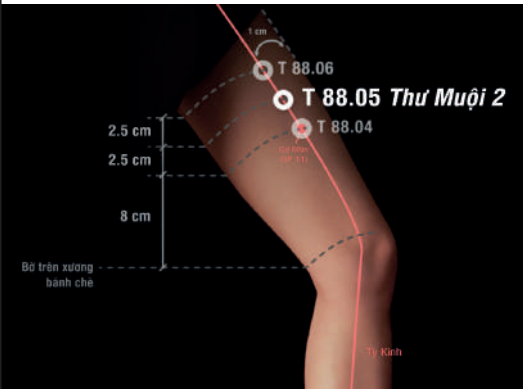
Vị trí: Từ huyệt Thông Sơn ngang vào trong 1 thốn sau đó hướng lên trên 1 thốn

Giải phẫu: Thần kinh lục phủ, phân nhánh thần kinh thận

Chủ trị: Khối u tử cung, viêm tử cung, kinh nguyệt không đều, rối loạn kinh nguyệt, ngứa tử cung, đau ruột, xuất huyết dạ dày.

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Thông Sơn vào trong 1 thốn, thẳng lên trên 1 thốn chính là huyệt

Thủ pháp: châm sâu 1.5 – 2.5 thốn



T 88.05 **Huyệt Tỷ Muội 2**

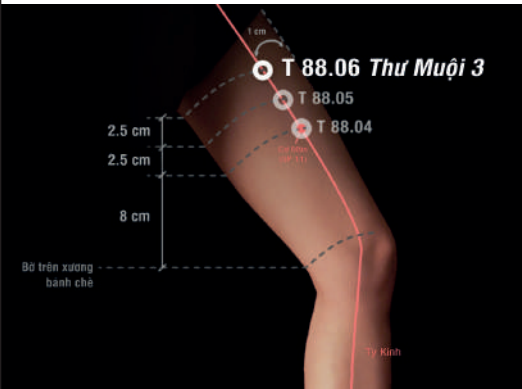
Vị trí: Từ huyệt Tỷ Muội 1 đo thẳng lên 2.5 thốn

Giải phẫu: Giống huyệt Tỷ Muội 1

Chủ trị: Giống huyệt Tỷ Muội 1

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Tỷ Muội 1 lên 2.5 thốn chính là huyệt

Thủ pháp: Châm sâu từ 1.5 – 2.5 thốn



T 88.06 HuyệT Tỳ Muội 3

Vị trí: Từ huyệt Tỳ Muội 2 đo thẳng lên 2.5 thốn

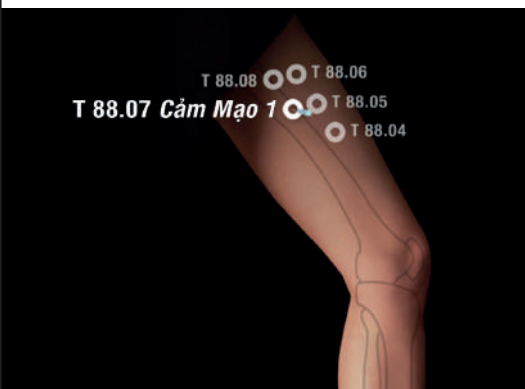
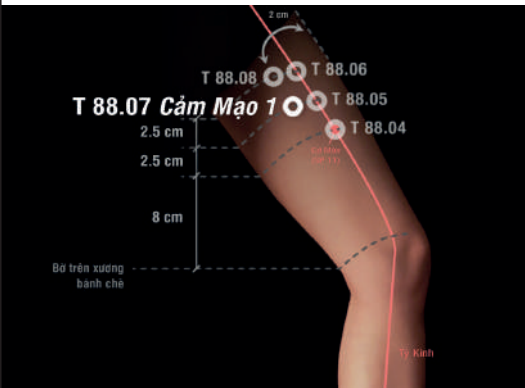
Giải phẫu: Giống huyệt Tỳ Muội 2

Chủ trị: Giống huyệt Tỳ Muội 2

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Tỳ Muội 2 lên 2.5 thốn chính là huyệt

Thủ pháp: Châm sâu từ 1.5 – 2.5 thốn

Vận dụng: 3 huyệt Tỳ Muội 2 bên tổng cộng 6 huyệt, thông thường sẽ châm cùng với nhau.



T 88.07 **Huyết Cầm Mạo 1**

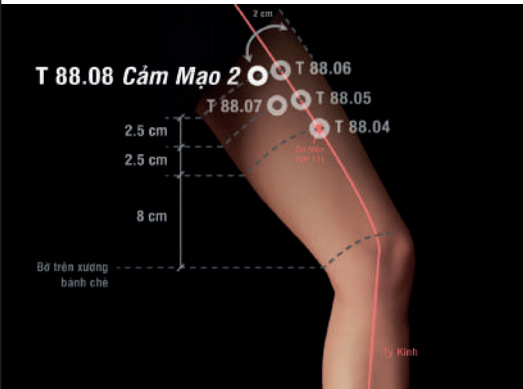
Vị trí: Từ huyết Tỳ Muội 2 vào trong 1 thốn

Giải phẫu: Thần kinh lục phủ, nhánh thần kinh phế

Chủ trị: Cầm mạo nghiêm trọng, sốt cao, ón lạnh, cầm mạo đau đầu

Cách lấy huyết: Từ huyết Tỳ Muội 2 vào trong 1 thốn chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 8 phân đến 1.5 thốn



T 88.08 **Huyệt Cảm Mạo 2**

Vị trí: Từ huyệt Tỳ Muội 3 đo vào trong 1 thốn

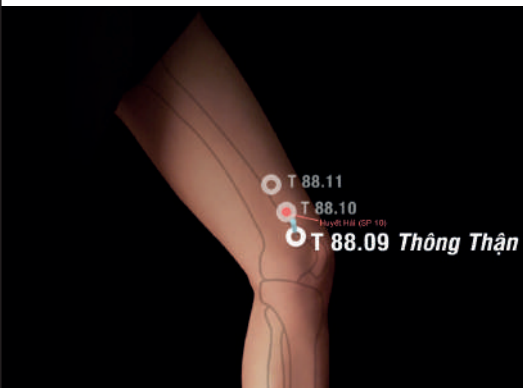
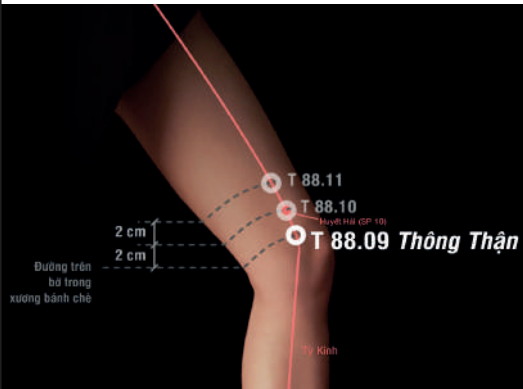
Giải phẫu: Giống huyệt Cảm Mạo 1

Chủ trị: Giống huyệt Cảm Mạo 1

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Tỳ Muội 3 đo vào trong 1 thốn, cũng tức là từ huyệt cảm mạo 1 đo lên 2.5 thốn chính là huyệt.

Thủ pháp: Châm sâu 8 phân – 1.5 thốn

Vận dụng: Châm cùng lúc 2 huyệt Cảm Mạo 1, Cảm Mạo 2, châm hướng mũi kim nghiêng vào trong đùi.



T 88.09 Huyết Thông Thận

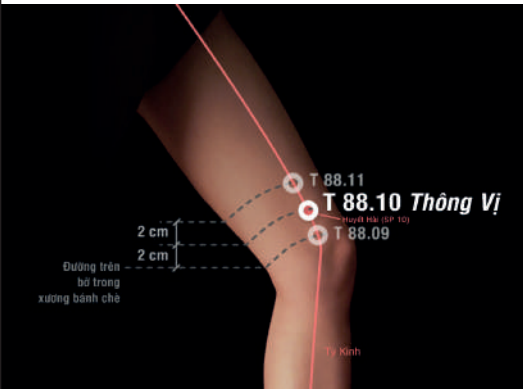
Vị trí: Ở bờ trong phía trên xương bánh chèo

Giải phẫu: Thần kinh thận

Chủ trị: Dương nuy, xuất tinh sớm, bệnh lậu, viêm thận, bệnh đái tháo đường, chóng mặt đau lưng do thận hư suy, bệnh phong thấp của thận, đau tử cung, bệnh phụ khoa xích bạch đới hạ

Cách lấy huyết: Chỗ lõm bờ trong phía trên xương bánh chèo chính là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 3-5 phân



T 88.10 **Huyệt Thông Vị**

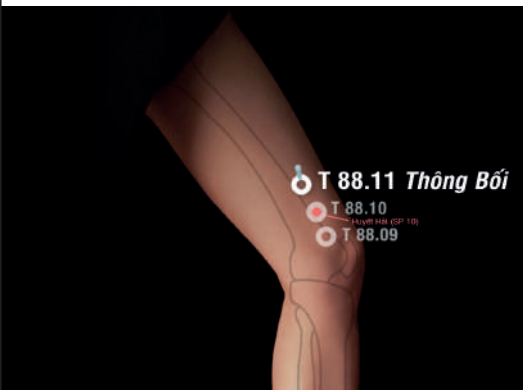
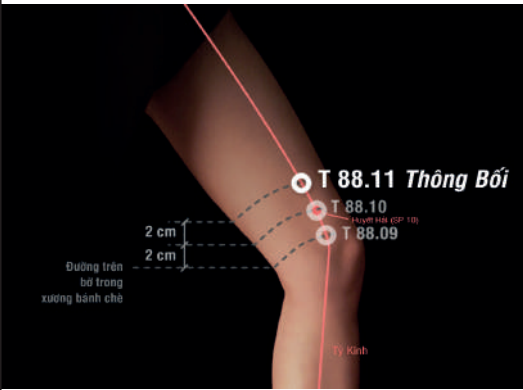
Vị trí: Từ huyệt Thông Thận lên 2 thốn

Giải phẫu: Thần kinh thận

Chủ trị: Giống huyệt Thông Thận, lại có thể điều trị đau lưng

Cách lấy huyệt: Từ chỗ lõm bờ trong phía trên xương bả chèo lên 2 thốn, cũng tức là từ huyệt Thông Thận đo lên 2 thốn chính là huyệt

Thủ pháp: Châm sâu từ 5 phân – 1 thốn



T 88.11 Huyết Thông Bối

Vị trí: Từ huyết Thông Thận đo lên 4 thốn

Giải phẫu: Thần kinh thận

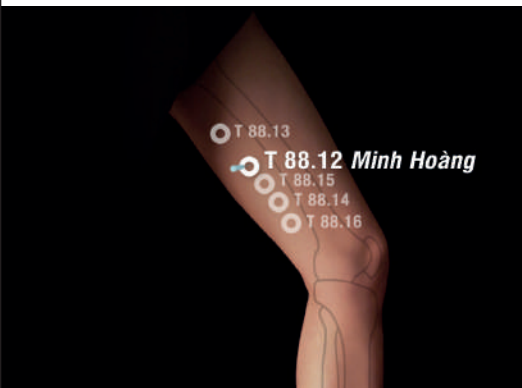
Chủ trị: Giống huyết Thông Vị

Cách lấy huyết: Từ huyết Thông Thận đo thẳng lên 4 thốn, tức là huyết Thông Vị đo thẳng lên 2 thốn chính là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu từ 5 phân – 1 thốn

Vận dụng: Có thể lấy 2 huyết (2 bên 4 huyết) trong 3 huyết Thông Thận, Thông Vị, Thông Bối để phối hợp châm. Châm đồng thời cả 3 huyết. Có thể chọn 1 huyết trong 3 huyết Thông Thận, Thông Vị, Thông Bối làm huyết hỗ trợ điều trị các chứng bệnh khác.

Có thể chọn 1 huyết trong 3 huyết Thông Thận, Thông Vị, Thông Bối làm huyết hỗ trợ châm điều trị sảy thai ở phụ nữ, điều trị liên tục nửa tháng thì có thể tránh được sảy thai.



T 88.12 Huyết Minh Hoàng

Vị trí: Nằm chính giữa mặt trong đùi.

Giải phẫu: Tổng thần kinh can, tổng thần kinh tâm, động mạch tạng tâm, tầng ngoài thuộc nhánh phụ thần kinh thận, tầng giữa thuộc thần kinh can, tầng sâu thuộc thần kinh tâm.

Chủ trị: Xơ gan, viêm gan, bệnh to đầu chi, gai cột sống (*viêm màng xương cột sống*), mệt mỏi do suy giảm chức năng gan, mỏi thắt lưng, hoa mắt, đau mắt, đau gan, tiêu hóa không tốt, bệnh bạch cầu (*đặc hiệu*)

Cách lấy huyết: Điểm nằm chính giữa mặt trong đùi là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 1.5 – 2.5 phân



T 88.13 Huyệt Thiên Hoàng

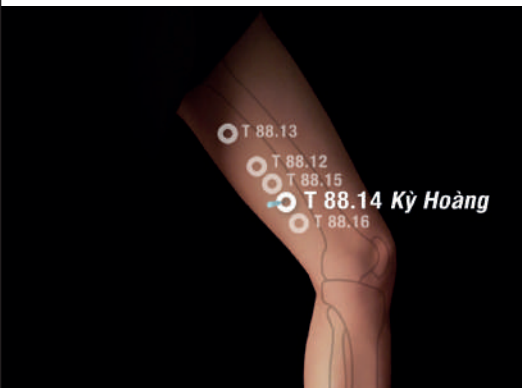
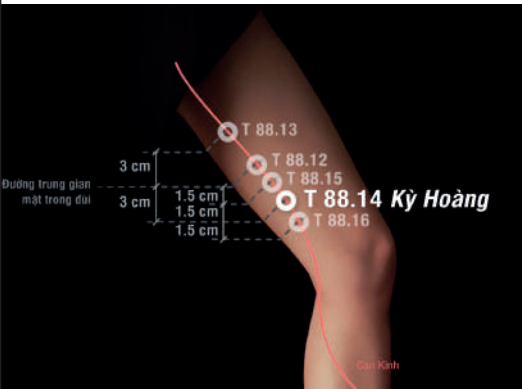
Vị trí: Từ huyệt Minh Hoàng lên 3 thốn

Giải phẫu: Giống huyệt Minh Hoàng

Chủ trị: Giống huyệt Minh Hoàng

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Minh Hoàng đo thẳng lên 3 thốn chính là huyệt

Thủ pháp: Châm sâu 1.5 – 2.5 phân



T 88.14 Huyết Kỳ Hoàng

Vị trí: Từ huyệt Minh Hoàng đo thẳng xuống 3 thốn

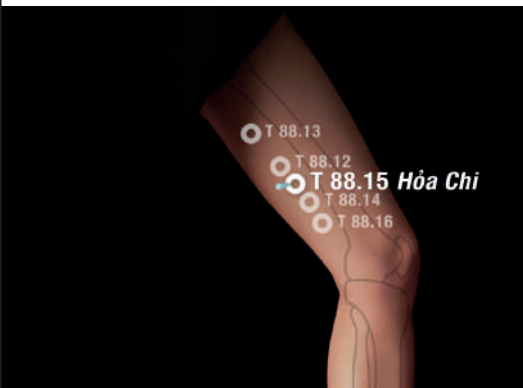
Giải phẫu: Tổng thần kinh đờm, nhánh thần kinh tâm, phân nhánh của kinh can

Chủ trị: Bệnh hoàng đản và các chứng huyệt Minh Hoàng chủ trị

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Minh Hoàng đo thẳng xuống 3 thốn chính là huyệt

Thủ pháp: Châm sâu 1.5 – 2 thốn

Vận dụng: Châm đồng thời 3 huyệt Thiên Hoàng, Minh Hoàng, Kỳ Hoàng điều trị chứng viêm gan, xơ gan, bệnh to đầu chi, các chứng bệnh do suy giảm chức năng gan, xơ tỳ, lưỡi lở loét



T 88.15 Huyết Hỏa Chi

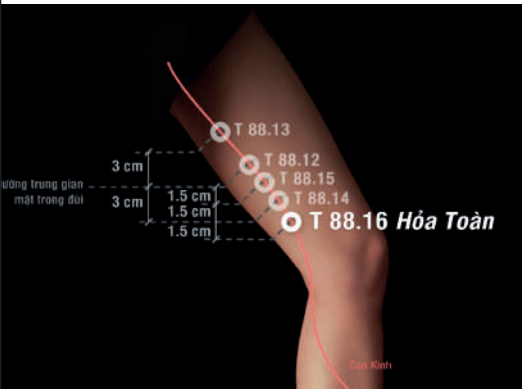
Vị trí: Từ huyết Kỳ Hoàng đo lên 1.5 thốn

Giải phẫu: Thần kinh can đờm, phân nhánh thần kinh tâm

Chủ trị: Bệnh hoàng đản, chóng mặt, hoa mắt và đau lưng do bệnh hoàng đản, viêm túi mật.

Cách lấy huyết: Từ huyết Kỳ Hoàng đo thẳng lên 1.5 chính là huyết.

Vận dụng: Châm đồng thời 3 huyết Minh Hoàng, Hỏa Chi, Kỳ Hoàng, trị các chứng hoàng đản và viêm túi mật



T 88.16 HuyệT Hỏa Toàn

Vị trí: Từ huyết Kỳ Hoàng đo xuống 1.5 thốn

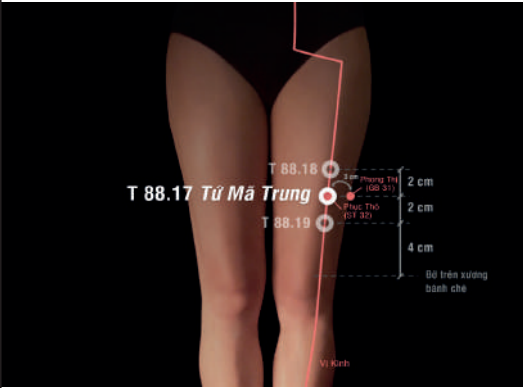
Giải phẫu: Thần kinh can đờm, phân nhánh của thần kinh tâm, thần kinh cột sống.

Chủ trị: Giống huyết Hỏa Chi, đồng thời điều trị cả đau cột sống và đau gót chân

Cách lấy huyết: Từ huyết Kỳ Hoàng đo thẳng xuống dưới 1.5 thốn chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 1.5 – 2 thốn

Vận dụng: Huyết Hỏa Toàn châm phối hợp với huyết Kỳ Hoàng, Hỏa Chi cũng có thể điều trị từ bệnh vàng da, viêm túi mật đến đau do sỏi mật. Châm duy nhất huyết Hỏa Toàn điều trị đau cột sống và đau gót chân.



T 88.17 Huyết Tứ Mã Trung

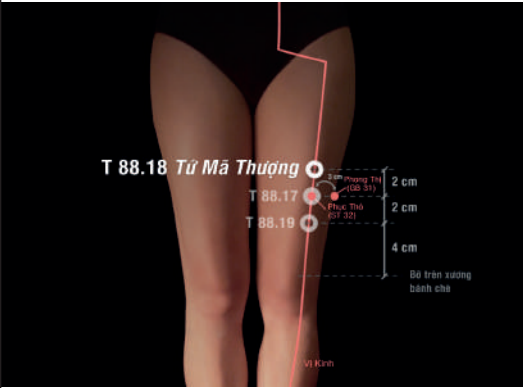
Vị trí: Đứng thẳng, hai tay buông thông xuống, nơi ngón tay giữa chạm đến hướng về trước 3 thốn.

Giải phẫu: Tổng thần kinh phế, phân nhánh thần kinh can

Chủ trị: Đau ngực sườn, đau lưng, đau thần kinh tọa và đau thắt lưng do chức năng phế không đủ, phế nhược, bệnh phổi, đau lưng ngực sau khi ngực trúng quyền, viêm màng xương sườn, viêm mũi, điếc tai, ù tai, viêm tai, liệt mặt, mắt đỏ, hen suyễn, liệt nửa người, bệnh vảy nến, bệnh ngoài da.

Cách lấy huyết: Đứng thẳng, hai tay buông thông xuống, nơi ngón tay giữa chạm đến hướng về trước 3 thốn chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 8 phân – 2.5 thốn



T 88.18 **Huyệt Tứ Mã Thượng**

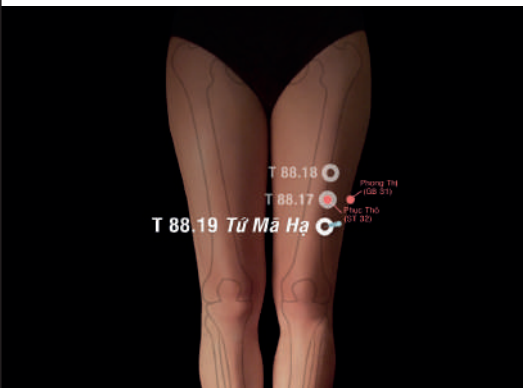
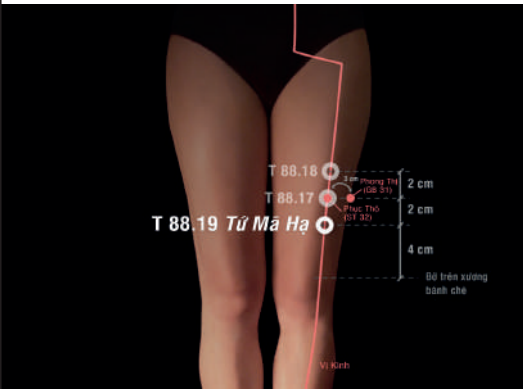
Vị trí: Từ huyệt Tứ Mã Trung đo thẳng lên 2 thốn

Giải phẫu: Giống huyệt Tứ Mã Trung

Chủ trị: Giống huyệt Tứ Mã Trung

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Tứ Mã Trung đo thẳng lên 2 thốn chính là huyệt

Thủ pháp: Châm sâu 8 phân – 2.5 thốn



T 88.19 Huyết Tứ Mã Hạ

Vị trí: Từ huyết Tứ Mã Trung đo xuống 2 thốn

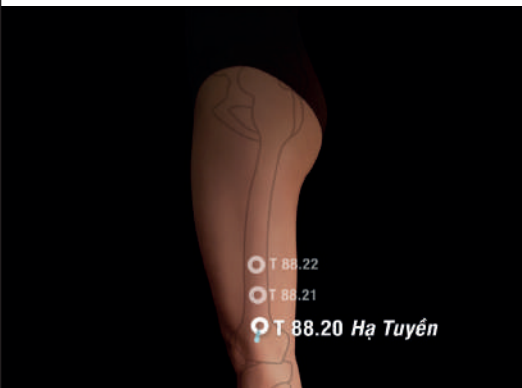
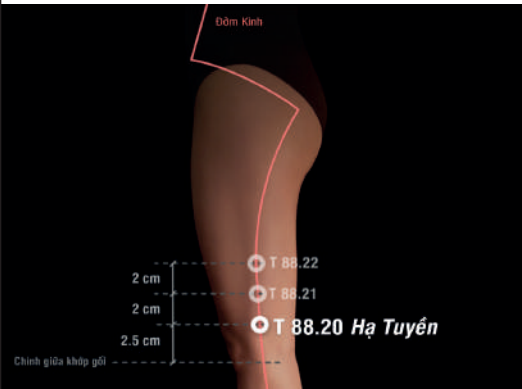
Giải phẫu: Giống huyết Tứ Mã Trung

Chủ trị: Giống huyết Tứ Mã Trung

Cách lấy huyết: Từ huyết Tứ Mã Trung đo xuống 2 thốn chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 8 phân – 2.5 thốn

Vận dụng: Điều trị đau sườn, đau lưng, đau thần kinh tọa chọn 3 huyết Thượng, Trung, Hạ một bên chân. Đối với các chứng còn lại châm đồng thời 6 huyết 2 bên.



T 88.20 *Hạ Tuyến*

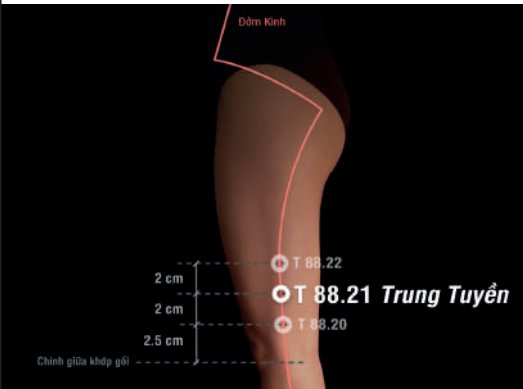
Vị trí: Từ chính giữa mặt ngoài đầu gối đo lên trên 2.5 thốn

Giải phẫu: Thần kinh vận động của vùng phổi và vùng mặt

Chủ trị: Liệt mặt, chứng tic mặt (*máy động thần kinh vùng mặt*), khẩu nhãn oa tà (*méo miệng mắt nhắm không kín*)

Cách lấy huyết: Từ chính giữa mặt ngoài đầu gối đo lên trên 2.5 thốn là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 3 – 5 phân



T 88.21 Huyết Trung Tuyền

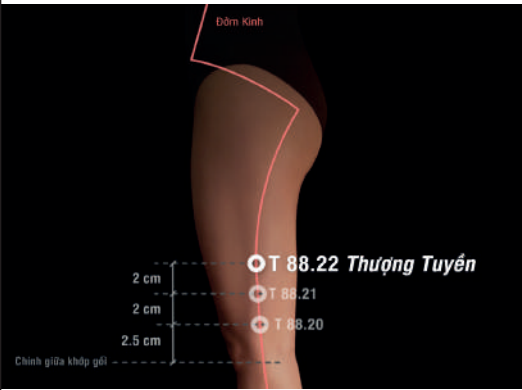
Vị trí: Từ huyết Hạ Tuyền đo thẳng lên 2 thốn

Giải phẫu: Giống huyết Hạ Tuyền

Chủ trị: Giống huyết Hạ Tuyền

Cách lấy huyết: Từ huyết Hạ Tuyền đo thẳng lên 2 thốn chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 3 – 8 phân



T 88.22 Huyết Thượng Tuyền

Vị trí: Từ huyết Trung Tuyền đo thẳng lên 2 thốn

Giải phẫu: Giống huyết Hạ Tuyền

Chủ trị: Giống huyết Hạ Tuyền

Cách lấy huyết: Từ huyết Trung Tuyền đo thẳng lên 2 thốn chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân – 1 thốn

Vận dụng: Châm đồng thời 3 huyết Thượng Tuyền, Trung Tuyền, Hạ Tuyền trên 1 chân. Trị bệnh ở bên phải dùng huyết bên trái. Trị bệnh ở bên trái dùng huyết bên phải



T 88.23 Huyết Kim Tiên Hạ

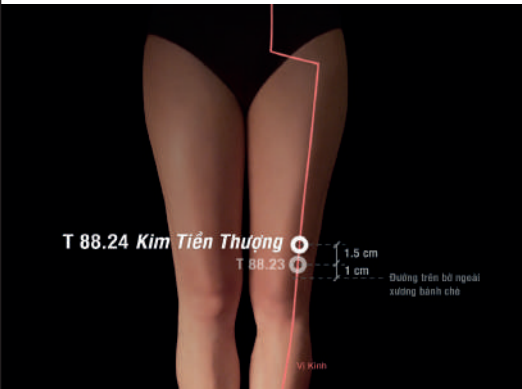
Vị trí: Tại góc trên ngoài xương bánh chè đo thẳng lên 1 thốn

Giải phẫu: Thần kinh vận động của phế, thần kinh giao cảm của gan

Chủ trị: Xương ức lồi ra ngoài (ức lồi), phế nhược, bệnh chó dại, đau đầu, can nhược, da mẫn cảm

Cách lấy huyết: Tại góc trên ngoài xương bánh chè đo thẳng lên 1 thốn chính là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 3 – 5 phân



T 88.24 **Huyệt Kim Tiên Thượng**

Vị trí: Từ huyệt Kim Tiên Hạ đo thẳng lên 1.5 thốn

Giải phẫu: Giống huyệt Kim Tiên Hạ

Chủ trị: Giống huyệt Kim Tiên Hạ

Cách lấy huyết: Từ góc trên ngoài xương bánh chè lên 2.5 thốn chính là huyệt

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân - 1 thốn

Vận dụng: Châm phối hợp 2 huyệt Kim Tiên Thượng hạ ở cả 2 chân



T 88.25 Huyết Trung Cứu Lý

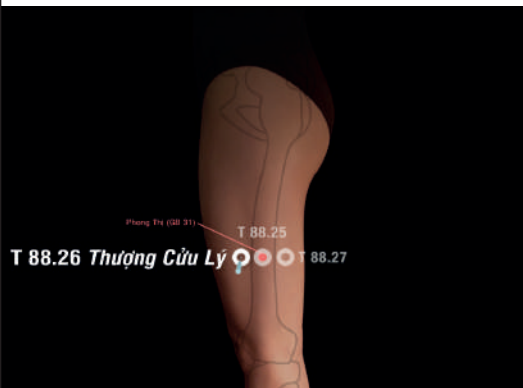
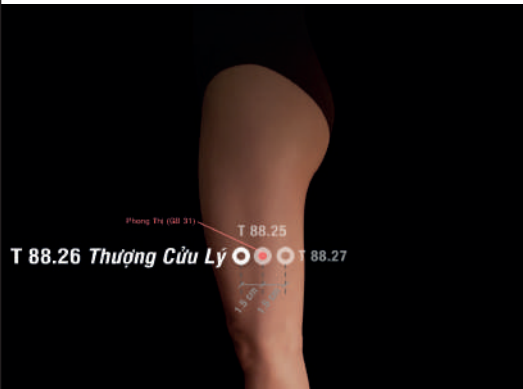
Vị trí: Tại trung điểm đường chính giữa mặt ngoài đùi.

Giải phẫu: Phân Khu thần kinh của phế, thần kinh trương lực tứ chi

Chủ trị: Đau lưng, đau thắt lưng, đau cột sống thắt lưng, liệt nửa người, liệt thần kinh, đau cổ gáy, chóng mặt, căng mắt, tê tay, tê cánh tay, đau chân, suy nhược thần kinh.

Cách lấy huyết: Huyết nằm tại trung điểm đường chính giữa mặt ngoài đùi.

Thủ pháp: Châm sâu 8 phân – 1.5 thốn



T 88.26 Huyết Thượng Cửu Lý

Vị trí: Từ huyết Trung Cửu Lý đo ra phía trước 1.5 thốn

Giải phẫu: Thần kinh tâm, thần kinh thận

Chủ trị: Đau cánh tay vùng kinh tâm, đau mắt, bụng chướng do thận khí bất túc.

Cách lấy huyết: Từ huyết Trung Cửu Lý đo ra phía trước 1.5 thốn chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 8 phân – 1.5 thốn



T 88.27 HuyệT Hạ Cứu Lý

Vị trí: Từ huyết Trung Cứu Lý đo ra sau 1.5 thốn

Giải phẫu: Thần kinh lưng, thần kinh đùi

Chủ trị: Đau lưng, đau chân

Cách lấy huyết: Từ huyết Trung Cứu Lý đo ra sau 1.5 thốn chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 8 phân – 1.5 thốn



T 88.28 HuyệT Giải

Vị trí: Tại góc trên ngoài xương bánh chè đo thẳng lên trên 1 thốn, hướng ra ngoài 3 phân

Giải phẫu: Thần kinh cảm giác và mạch máu tạng tâm

Chủ trị: Khí huyết rối loạn sau khi châm kim, huyết bất quy kinh, sưng, đau nhức nốt chàm, hoặc đau nhức sau khi tiêm thuốc tây, chấn thương, đau do kích thích tinh thần, đau nhức do mật môi quá mức

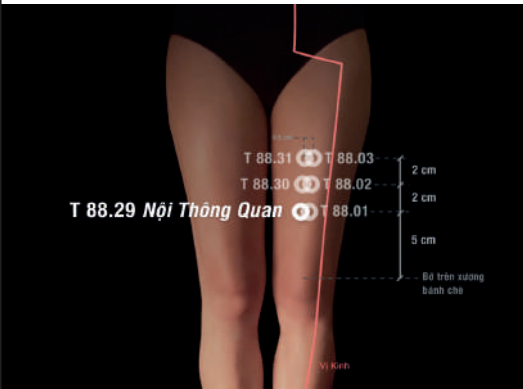
Cách lấy huyết: Tại góc trên ngoài xương bánh chè đo thẳng lên 1 thốn, hướng ra ngoài 3 phân.

Thủ pháp: Châm sâu 3 – 5 phân

Vận dụng: Sau khi châm nhẹ nhàng chằm chằm về kim, khi các triệu chứng được giải trừ thì rút kim; thời gian lưu kim giới hạn trong 8 phút.

Nếu người bệnh vụng châm mà ngắt đi thì mở miệng ra, dùng đầu kim, đũa, thìa canh hoặc ngón tay hơi dùng lực ấn ba cái xuống gốc lươi, khi thấy bệnh nhân muốn nôn ra thì dùng nước mát lau đầu, đồng thời dùng khăn ẩm đắp lên vùng đầu, cho uống thêm nửa ly nước mát là tỉnh.

Bệnh nhân bị shock cũng có thể dùng cách này để giải. Nếu như bệnh nhân bị shock do hoắc loạn, có thể dùng nước mát lau đầu, để khôi phục tri giác, sau đó dùng châm được để điều trị.



T 88.29 Huyết Nội Thông Quan

Vị trí: Tại huyết Thông Quan hướng vào trong 5 phân

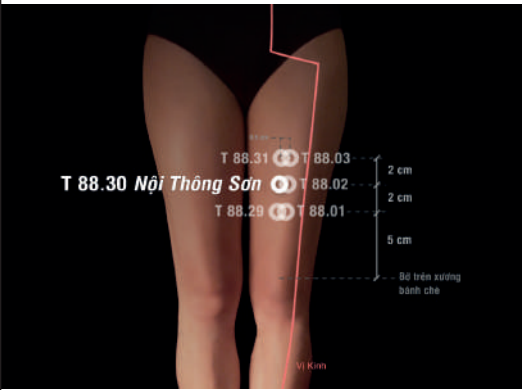
Giải phẫu: Tổng thần kinh tâm

Chủ trị: Liệt nửa người, tay chân mất sức, liệt thần kinh tứ chi, suy tim, thất ngôn do trúng phong.

Cách lấy huyết: Tại huyết Thông Quan hướng vào trong 5 phân chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 3 – 5 phân





T 88.30 **Huyệt Nội Thông Sơn**

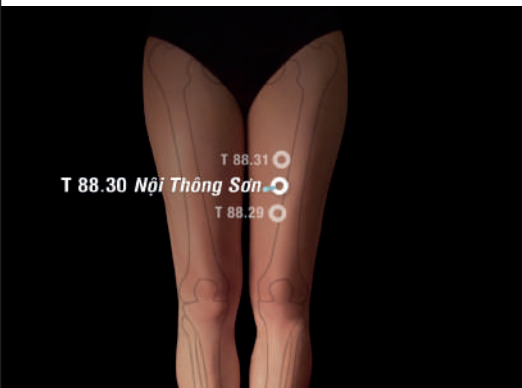
Vị trí: Tại huyệt Thông Sơn hướng vào trong 5 phân

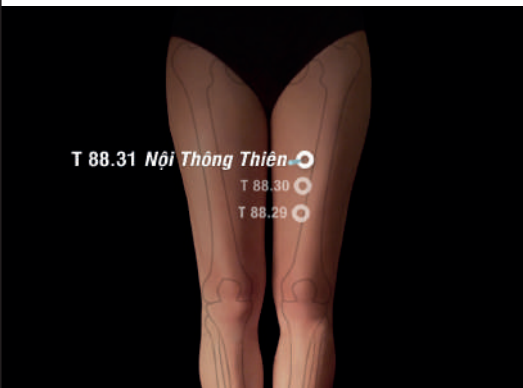
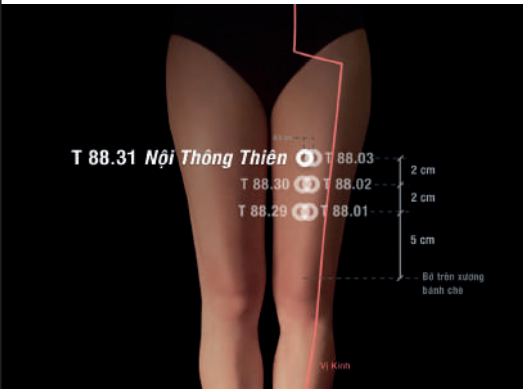
Giải phẫu: Tổng thần kinh tâm

Chủ trị: Giống huyệt Nội Thông Quan

Cách lấy huyết: Từ huyệt Thông Quan đo ngang vào trong 5 phân chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 5 – 8 phân





T 88.31 **Huyết Nội Thông Thiên**

Vị trí: Từ huyết Thông Thiên đo ngang vào trong 5 phân

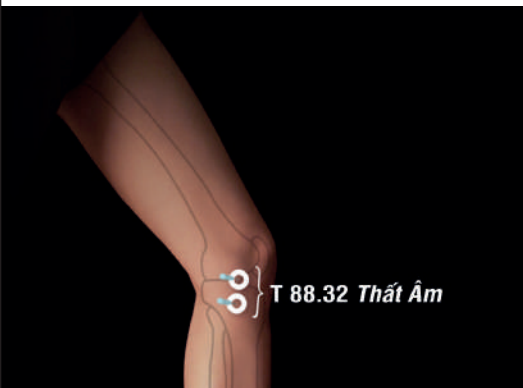
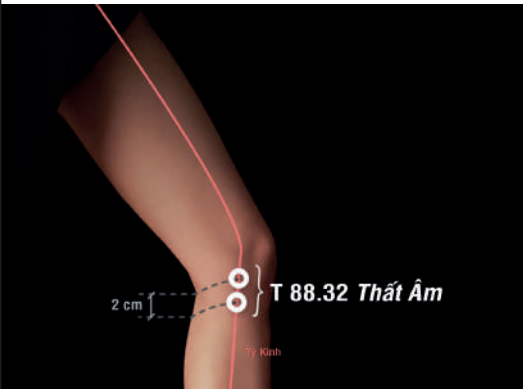
Giải phẫu: Tổng thần kinh tâm

Chủ trị: Giống huyết Nội Thông Quan

Cách lấy huyết: Từ huyết Thông Thiên đo ngang vào trong 5 phân chính là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 5 phân – 1 thốn

Chú ý: Xem lại các mục cần chú ý của huyết Thông Quan, Thông Sơn, Thông Thiên



T 88.32 HuyệT ThấT Âm

Vị trí: Tại điểm chính giữa mặt trong xương bánh chè và đo xuống 2 thốn

Giải phẫu: Thần kinh của thận, chủ thần kinh thanh quản

Chủ trị: Khản giọng, mất tiếng, viêm họng,

Cách lấy huyết: Tại điểm chính giữa mặt trong xương bánh chè 1 huyết, xuống 2 thốn chính là 1 huyết, tổng cộng 2 huyết

Thủ pháp: Châm sâu 3 – 5 phân.



BỘ T 99

172 T 99.01 Huyệt Nhĩ Hoàn

173 T 99.02 Huyệt Mộc Nhĩ

174 T 99.03 Huyệt Hỏa Nhĩ

175 T 99.04 Huyệt Thổ Nhĩ

176 T 99.05 Huyệt Kim Nhĩ

177 T 99.06 Huyệt Thủy Nhĩ

178 T 99.07 Huyệt Nhĩ Bối

179 T 99.08 Huyệt Nhĩ Tam



T 99.01 Huyệт Nhĩ Hoàn

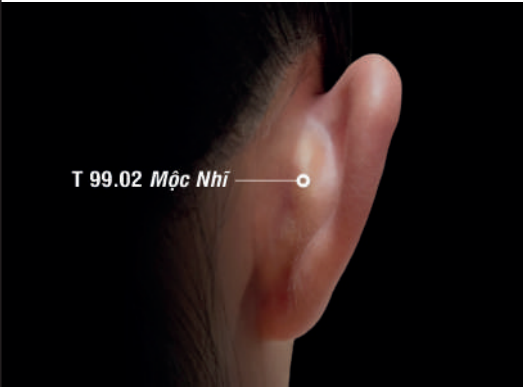
Vị trí: Tại chính giữa mặt ngoài dái tai

Giải phẫu: Thần kinh Lục phủ

Chủ trị: Giải rượu, chống nôn

Cách lấy huyết: Điểm chính giữa mặt ngoài dái tai là huyết.

Thủ pháp: Dùng hào châm nhỏ từ ngoài hướng vào trong (*từ hướng mặt vào*) châm nghiêng một phân đến một phân rưỡi (*châm dưới da*)



T 99.02 Huyệт Mộc Nhĩ

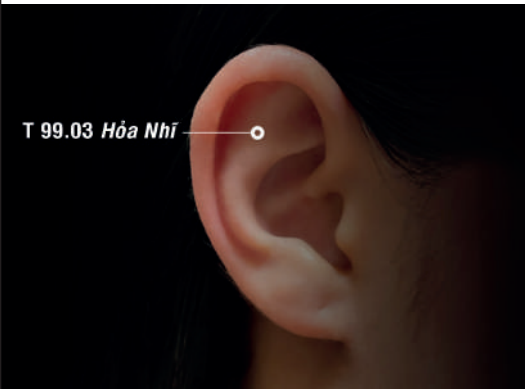
Vị trí: Từ mạch máu chạy ngang nửa trên sau vành tai xuống khoảng 3 phân

Giải phẫu: Thần kinh can

Chủ trị: Đau gan, xơ gan, gan to, mệt mỏi suy gan, bệnh lậu lâu năm (*cần châm trị lâu dài*)

Cách lấy huyết: Từ mạch máu chạy sau vành tai xuống khoảng 3 phân là huyết

Thủ pháp: Dùng hào châm nhỏ châm thẳng 1 - 2 phân



T 99.03 **Huyệt Hỏa Nhĩ**

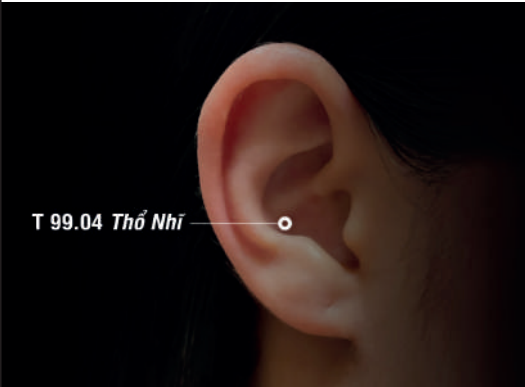
Vị trí: Tại vùng giữa bờ ngoài của đối vành tai.

Giải phẫu: Thần kinh tâm

Chủ trị: Suy tim và đau khớp gối, đau tứ chi.

Cách lấy huyết: Lấy tại vùng chính giữa cạnh ngoài của vành tai đối bên.

Thủ pháp: Dùng hào châm nhỏ châm thẳng một phân đến hai phân



T 99.04 Thố Nhĩ

T 99.04 HuyệT Thố Nhĩ

Vị trí: Ở chính giữa xoắn tai.

Giải phẫu: Thần kinh Tỳ

Chủ trị: Thần kinh suy nhược, đa hồng cầu, sốt cao, bệnh tiểu đường

Cách lấy huyệt: Lấy ở chính giữa xoắn tai

Thủ pháp: Dùng hào châm nhỏ, châm thẳng một đến hai phân



T 99.05 **Huyệt Kim Nhĩ**

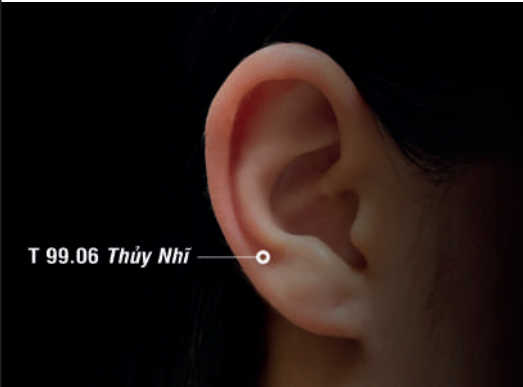
Vị trí: Đầu trên mép ngoài của mặt sau vành tai ngoài

Giải phẫu: Thần kinh phế

Chủ trị: Đau thần kinh tọa do phế suy nhược, cong vẹo cột sống thắt lưng, cúm dị ứng.

Cách lấy huyệt: Huyệt ở đầu trên mép ngoài của mặt sau vành tai ngoài

Thủ pháp: Dùng hào châm nhỏ, châm thẳng một đến hai phân



T 99.06 Thủy Nhĩ

T 99.06 **Huyệt Thủy Nhĩ**

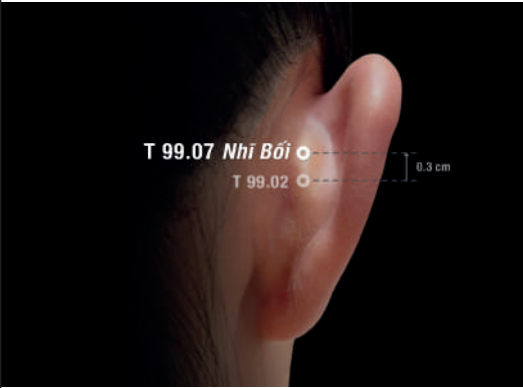
Vị trí: Đầu dưới của bờ ngoài của đối vành tai.

Giải phẫu: Thần kinh thân

Chủ trị: Thận hư suy, đau hai bên thắt lưng, bụng chướng

Cách lấy huyệt: Huyệt nằm ở đầu dưới của bờ ngoài đối vành tai.

Thủ pháp: Dùng hào châm nhỏ, châm thẳng một đến hai phân



T 99.07 **Huyệt Nhĩ Bối**

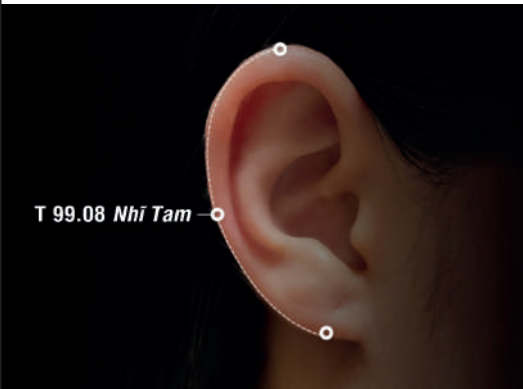
Vị trí: Ở trên huyệt Mộc nhĩ khoảng 3 phân

Giải phẫu: Thần kinh vùng hầu họng

Chủ trị: Viêm họng, viêm amidan

Cách lấy huyết: Huyệt ở vị trí trên huyệt Mộc nhĩ khoảng 3 phân, giữa mạch máu.

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu



T 99.08

Huyết Nhĩ Tam Huyết

(Huyết Nhĩ Thượng,
Nhĩ Trung, Nhĩ Hạ)

Vị trí: Ở cạnh ngoài của vành tai

Giải phẫu: Thần kinh phế, thận.

Chủ trị: Hoắc loạn, đau nửa đầu, cảm mạo.

Cách lấy huyết: Huyết Nhĩ Thượng:
Đầu trên cạnh ngoài vành tai

Huyết Nhĩ Trung: Chính giữa cạnh ngoài vành tai

Huyết Nhĩ Hạ: Đầu dưới cạnh ngoài vành tai

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu, một lần dùng 2 huyết là được.



BỘ T 1010

181 T 1010.01 Huyện Chính Hội

182 T 1010.02 Huyện Châu Viên

183 T 1010.03 Huyện Châu Côn

184 T 1010.04 Huyện Châu Luân

185 T 1010.05 Huyện Tiền Hội

186 T 1010.06 Huyện Hậu Hội

187 T 1010.07 Huyện Tổng Khu

188 T 1010.08 Huyện Trấn Tĩnh

189 T 1010.09 Huyện Thượng Lý

190 T 1010.10 Huyện Tứ Phủ 2

191 T 1010.11 Huyện Tứ Phủ 1

192 T 1010.12 Huyện Chính Bản

193 T 1010.13 Huyện Mã Kim Thủy

194 T 1010.14 Huyện Mã Khoái Thủy

195 T 1010.15 Huyện Phú Khoái

196 T 1010.16 Huyện Lục Khoái

197 T 1010.17 Huyện Thất Khoái

198 T 1010.18 Huyện Mộc Chi

199 T 1010.19 Huyện Thủy Thông

200 T 1010.20 Huyện Thủy Kim

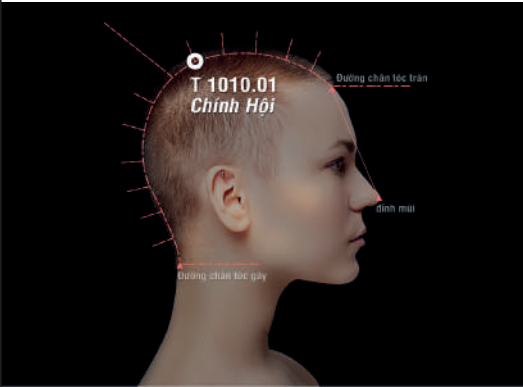
201 T 1010.21 Huyện Ngọc Hỏa

202 T 1010.22 Huyện Tị Dực

203 T 1010.23 Huyện Châu Hỏa

204 T 1010.24 Huyện Châu Kim

205 T 1010.25 Huyện Châu Thủy



T 1010.01 Huyết Ch�nh Hợi

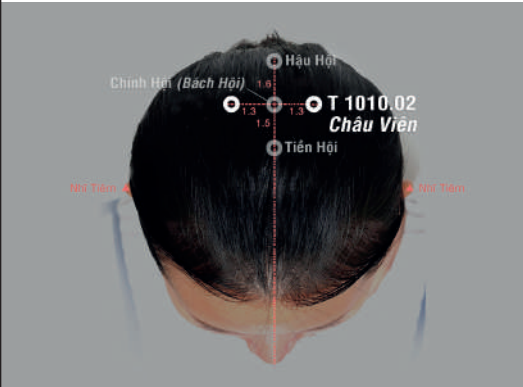
Vị trí: Ngay ch�nh giữa đỉnh đầu.

Giải phẫ: Tổng thần kinh nỏ.

Chủ trị: Run tay chân, các chứng phong, suy nhược cơ thể, trẻ nhỏ động kinh, mắt lệch miệng méo, bán thân bất toại, thần kinh không linh hoạt, thất ngôn sau trúng phong.

Cách lấy huyết: Ngồi thẳng, lấy sợi dây mảnh đặt dọc theo đường giữa đỉnh đầu, đầu trước là chóp mũi, đầu sau ở ch�nh giữa đốt sống cổ, lấy một sợi dây khác đặt ngang theo đỉnh đầu, các đầu trái phải là 2 đỉnh tai, điểm giao của 2 dây trên đỉnh đầu là huyết.

Thủ phẫ: Châm sâu 2- 3 phân.



T 1010.02 Huyệt Châu Viên

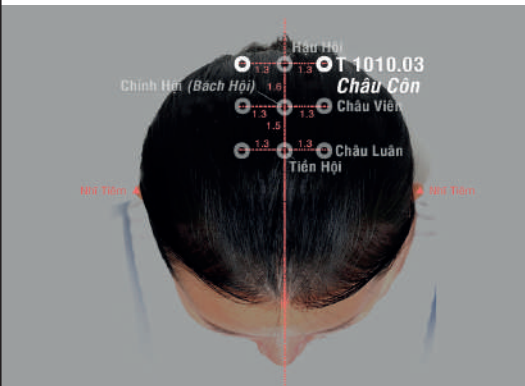
Vị trí: Cạnh huyệt Chánh Hội đo ra 1 thốn 3 phân.

Giải phẫu: Thần kinh phế.

Chủ trị: Bán thân bất toại, tứ chi vô lực, hư nhược, khí suyễn, đau thần kinh tọa và đau lưng do chức năng phế không đủ, thần kinh thất linh không linh hoạt.

Cách lấy huyết: Nơi từ huyệt Chánh Hội hướng sang 2 bên trái phải 1 thốn 3 phân, chính là huyết (trái phải mỗi bên 1 huyết).

Thủ pháp: Châm sâu 1- 3 phân.



T 1010.03 Huyết Châu Côn

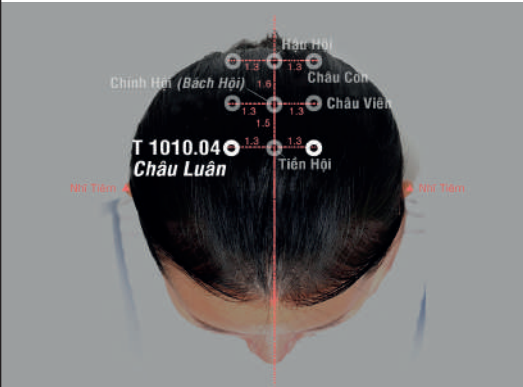
Vị trí: Thẳng sau huyết Châu Viên 1.5 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh phế.

Chủ trị: Giống huyết Châu Viên.

Cách lấy huyết: Từ huyết Châu Viên thẳng ra sau 1.5 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.



T 1010.04 Huyệt Châu Luân

Vị trí: Thẳng trước huyệt Châu Viên 1.5 thốn.

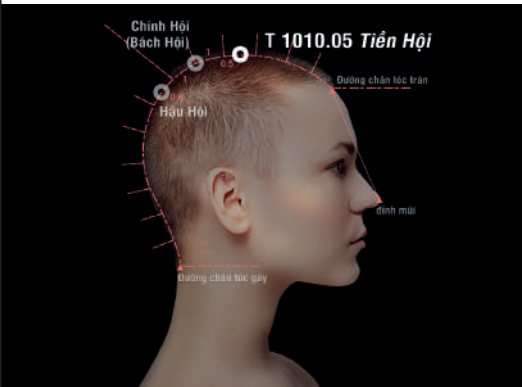
Giải phẫu: Thần kinh Phế.

Chủ trị: U não và chủ trị các chứng như huyệt Châu Viên.

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Châu Viên thẳng lên trước 1.5 thốn là huyệt.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.

Vận dụng: Não trái có khối u châm huyệt bên phải, não phải châm huyệt bên trái.



T 1010.05 Huyết Tiên Hội

Vị trí: Trước huyệt Chính Hội 1.5 thốn.

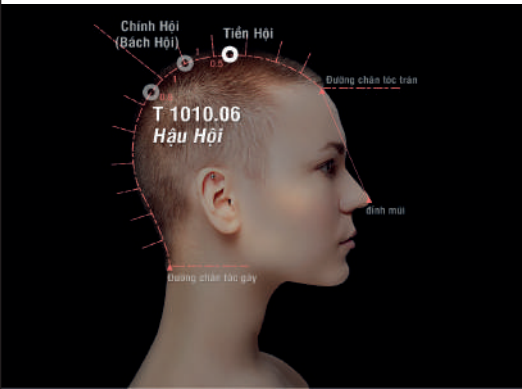
Giải phẫu: Thần kinh phụ của não.

Chủ trị: Váng đầu, hoa mắt, căng não, suy nhược thần kinh.

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Chính Hội thẳng lên trước 1.5 thốn là huyệt.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.

Vận dụng: Huyệt này đối với bệnh nhân bất tỉnh nhân sự có hiệu quả hồi phục, thức tỉnh.



T 1010.06 Huyệт Hậu Hội

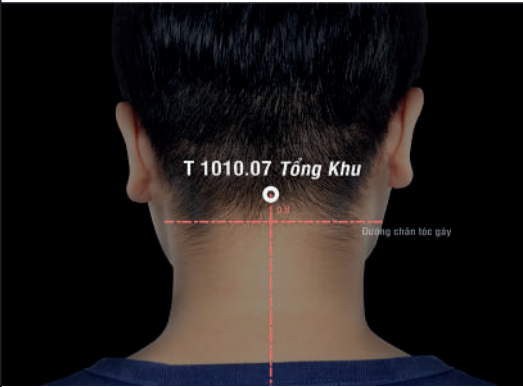
Vị trí: Thẳng sau huyệt Chính Hội 1 thốn 6 phân.

Giải phẫu: Tổng thần kinh não, thần kinh cột sống.

Chủ trị: Lao xương, đau đầu (mức độ nhẹ), chóng mặt, đau xương cột sống (đôi với độ tuổi 19 đến 21 có hiệu quả tốt nhất), xuất huyết não, thất ngôn sau trúng phong, bán thân bất toại, liệt thần kinh.

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Chính Hội thẳng ra sau 1 thốn 6 phân là huyệt.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.



T 1010.07 Huyết Tóng Khu

Vị trí: Phần gáy, từ đường chân tóc vào 8 phân.

Giải phẫu: Thần kinh đan điền.

Chủ trị: Nôn mửa, lực phủ bất an, đau gáy, suy tim, hoắc loạn (vừa nôn vừa đi ngoài), nói không ra tiếng.

Cách lấy huyết: Phần gáy, từ đường chân tóc vào 8 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 2 phân, hoặc dùng kim tam lăng thì hiệu quả tốt nhất, đặc biệt là với trẻ nhỏ.

Chú ý: Huyết này thông thường châm châm sâu quá 3 phân, nhưng với bệnh nhân mất tiếng có thể châm sâu đến 3 phân, có thể khiến cho việc phát âm phục hồi lại bình thường. Lúc dùng kim tam lăng chích máu, phải dùng tay véo phần cơ chỗ huyết này lên, sau đó mới chích.



T 1010.08 **Huyết Trần Tĩnh**

Vị trí: Ở trên điểm chính giữa hai đầu lông mày 3 phân.

Giải phẫu: Thần kinh não.

Chủ trị: Rối loạn thần kinh, run tay chân, hai chân mỏi yếu, liệt thần kinh tứ chi, mất ngủ, trẻ nhỏ gặp ác mộng.

Cách lấy huyết: Từ điểm chính giữa hai đầu lông mày đo lên 3 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 2 phân, châm từ trên hướng xuống dưới (*tức châm dưới da*).

Vận dụng: Huyết này nên phối ngũ với huyết Chính Hội, mới có hiệu quả điều trị.



T 1010.09 **Huyết Thượng Lý**

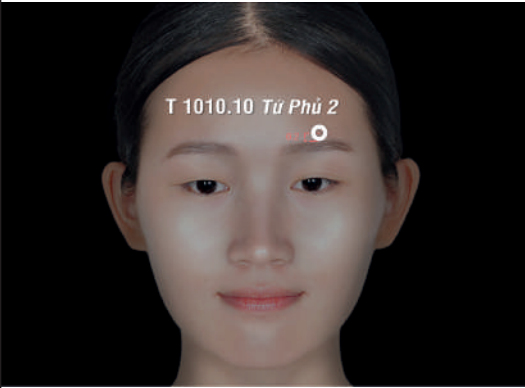
Vị trí: Từ đầu lông mày lên 2 phân.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh phế, thần kinh mắt.

Chủ trị: Mắt mờ, đau đầu.

Cách lấy huyết: Từ đầu lông mày lên 2 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm dưới da, châm sâu 1 - 2 phân.



T 1010.10 HuyệT Túc Phủ 2

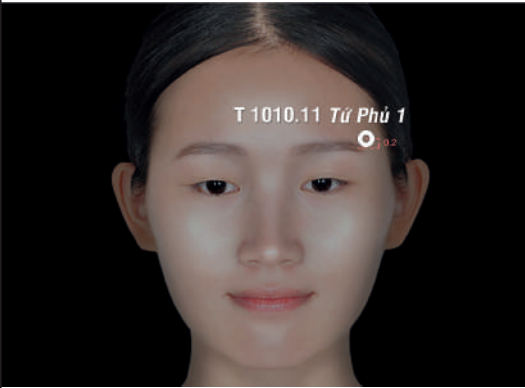
Vị trí: Từ chính giữa lông mày lên 2 phân.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh phế, thần kinh mắt.

Chủ trị: Bụng dưới đầy trướng, mắt mờ, đau đầu.

Cách lấy huyết: Từ chính giữa lông mày thẳng lên 2 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm dưới da, châm sâu 1 - 2 phân.



T 1010.11 HuyệT Tứ Phủ 1

Vị trí: Từ đuôi lông mày lên trên 2 phân.

Giải phẫu: Phân nhánh thần kinh phế, thần kinh mắt.

Chủ trị: Bụng dưới đầy trướng, mắt mờ, đau đầu.

Cách lấy huyết: Từ đuôi lông mày lên trên 0.2 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm dưới da, châm sâu 1 - 2 phân.

Vận dụng: Ba huyết Tứ Phủ 1, Tứ Phủ 2 và Thượng Lý dùng kim tam lăng cùng chích máu, đặc biệt hiệu quả trong điều trị đau đầu tạm thời.



T 1010.12 **Huyết Chính Bản**

Vị trí: Đầu mũi (chóp mũi).

Giải phẫu: Thần kinh giao thoa phế.

Chủ trị: Viêm mũi dị ứng, trị tà yêu (quỷ mê).

Cách lấy huyết: Nằm ngửa, ngồi thẳng đều được, đầu hơi ngửa lên, từ chóp mũi lấy tay sờ hai bên trái phải có xương sụn nhỏ, chỗ lõm ở chính giữa là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 2 phân.

Chú ý: *Không châm tổn thương sụn.*

Vận dụng: Dùng kim tam lăng chích máu có hiệu quả tốt nhất.

Trí lực suy giảm và bệnh nhân phế nhược, có thể châm bổ huyết này.



T 1010.13

Huyết Mã Kim Thủy

Vị trí: Từ góc ngoài mắt thẳng xuống chỗ hõm bờ dưới xương gò má.

Giải phẫu: Thần kinh thị giác, thần kinh phụ của phế.

Chủ trị: Sỏi thận, trật lưng, đau hai bên sườn khi hít thở (khi hít thở cảm thấy đau rõ rệt), viêm thận, viêm mũi.

Cách lấy huyết: Từ góc ngoài mắt xuống thẳng bờ dưới xương gò má 1.5 phân chỗ lõm là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.

Chú ý: Sau khi châm, nếu cơn đau được giảm ngay lập tức là lấy huyết chính xác, sau khi rút kim thấy chảy máu, là lấy huyết không đúng.



T 1010.14

Huyết Mã Khoái Thủy

Vị trí: Từ huyết Mã Kim Thủy thẳng xuống 4 phân.

Giải phẫu: Thần kinh thận, thần kinh bàng quang.

Chủ trị: Sỏi bàng quang, viêm bàng quang, tiểu tiện liên tục (*nhều lần và liên tiếp*), đau cột sống thắt lưng, viêm mũi.

Cách lấy huyết: Từ huyết Mã Kim Thủy thẳng xuống 4 phân, giao với bờ dưới mũi là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.



T 1010.15

Huyết Phủ Khoái

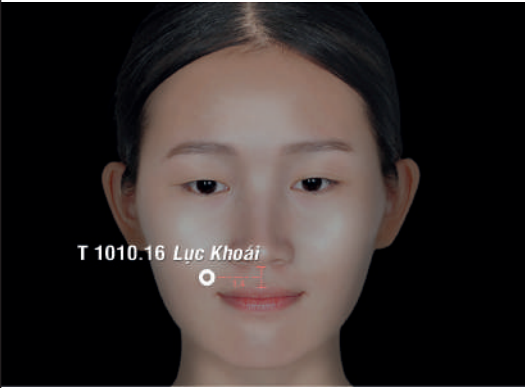
Vị trí: Ngang với bờ dưới mũi, từ chân góc mũi ra ngoài 0.5 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh thận, thần kinh lục phủ.

Chủ trị: Bụng chướng, đau bụng, sa tinh hoàn.

Cách lấy huyết: Ngang với bờ dưới mũi, từ chân góc mũi hướng ngang ra ngoài 0.5 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.



T 1010.16 **Huyết Lạc Khoái**

Vị trí: Từ Nhân Trung (*chính giữa mũi đến môi*) hướng ngang ra ngoài 1.4 thốn (*cách nếp ngoài góc miệng 1.5 thốn*).

Giải phẫu: Thần kinh bài tiết.

Chủ trị: Sỏi niệu đạo, viêm niệu đạo.

Cách lấy huyết: Từ chính giữa nhân trung hướng ngang ra ngoài 1.4 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.

Vận dụng: Phối huyết với huyết Mã Khoái Thủy điều trị sỏi niệu đạo.



T 1010.17 **Huyết Thất Khoái**

Vị trí: Phía ngoài góc miệng 0.5 thốn.

Chủ trị: Liệt mặt, phế hư nhược, sỏi niệu đạo.

Cách lấy huyết: Từ góc miệng ra ngoài 0.5 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm từ góc miệng hướng nghiêng ra ngoài, châm sâu 0.5 - 1.5 thốn.

Vận dụng: Liệt mặt phải lấy huyết bên trái, liệt mặt trái lấy huyết bên phải.



T 1010.18 **Huyệt Mộc Chi**

Vị trí: Từ huyệt Mã Kim Thủy hướng ra ngoài lên trên theo hướng nghiêng 1 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh can, đờm

Chủ trị: Can hư, đờm hư, sỏi mật, trẻ nhỏ khóc đêm.

Cách lấy huyết: Từ huyệt Mã Kim Thủy hướng ra ngoài lên trên theo hướng nghiêng 1 thốn.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.



T 1010.19 **Huyết Thủy Thông**

Vị trí: Dưới góc miệng 4 phân.

Giải phẫu: Thần kinh thận.

Chủ trị: Bệnh phong thấp của thận, mệt mỏi do suy giảm chức năng thận, chóng mặt, hoa mắt, thận hư, thận khuy, đau lưng, trật lưng, đau hai bên hông khi hít thở.

Cách lấy huyết: Từ góc miệng thẳng xuống 4 phân là huyết.

Thủ pháp: Châm từ trong hướng nghiêng ra ngoài, châm sâu 1 - 5 phân.



T 1010.20 **Huyết Thủy Kim**

Vị trí: Từ huyệt Thủy Thông hướng ngang vào trong 0.5 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh thân.

Chủ trị: Giống huyệt Thủy Thông.

Cách lấy huyết: Từ huyệt Thủy Thông hướng ngang vào trong 0.5 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm từ trong hướng nghiêng ra ngoài, châm sâu 0.1-0.5 thốn.

Vận dụng: Hai huyệt Thủy Thông, Thủy Kim đều chủ trị bệnh thận, lúc lấy huyết nên châm chỗ màu xanh (*thông thường khi mắc các bệnh 2 huyệt này chủ trị, vùng gần 2 huyệt sẽ xuất hiện vết xanh đen, nên châm chỗ màu xanh, hiệu quả càng tốt*).



T 1010.21 **Huyết Ngọc Hỏa**

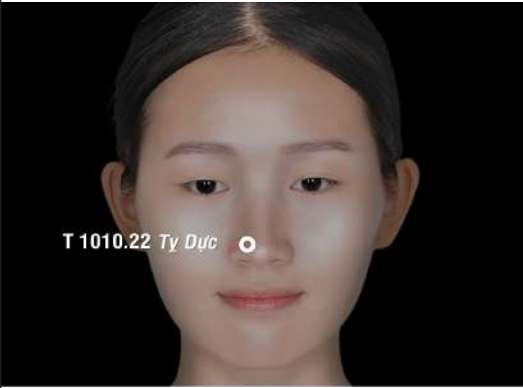
Vị trí: Từ chính giữa mắt thẳng xuống chỗ lõm ở dưới xương gò má.

Giải phẫu: Thần kinh can, tâm.

Chủ trị: Đau thần kinh tọa do kinh Tâm, đau vai cánh tay, đau tứ chi, đau khớp gối, đau xương gò má, đau xương quai hàm.

Cách lấy huyết: Từ chính giữa mắt xuống chỗ lõm thẳng dưới xương gò má là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.



T 1010.22 HuyệT Tỵ Dực

Vị trí: Tại rãnh lõm đầu trên cánh mũi.

Giải phẫu: Thần kinh tý, thận, phế.

Chủ trị: Xương cung mày đau, chóng mặt hoa mắt, các loại đau thần kinh do thận khuy, bán thân bất toại, đau xương tay chân, liệt mặt, đau lưỡi, lưỡi cứng, căng lưỡi, đau nửa đầu, đau họng.

Cách lấy huyết: Trong rãnh lõm đầu trên cánh mũi.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 2 phân.



T 1010.23

Huyết Châu Hoả

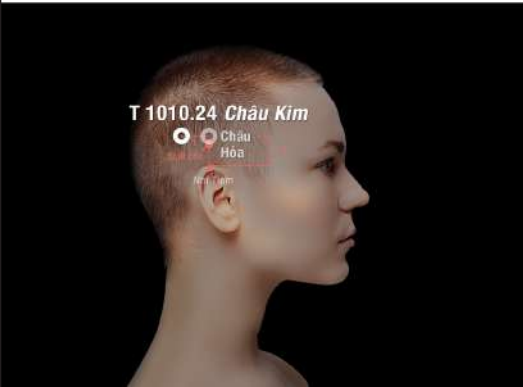
Vị trí: Trên đỉnh tai 1.5 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh tâm.

Chủ trị: Tim đập nhanh, bệnh phong thấp của tim, tứ chi vô lực và đau lưng.

Cách lấy huyết: Dùng tay ấn tai vào đầu, từ chỗ đỉnh tai lên 1.5 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.



T 1010.24 **Huyệt Châu Kim**

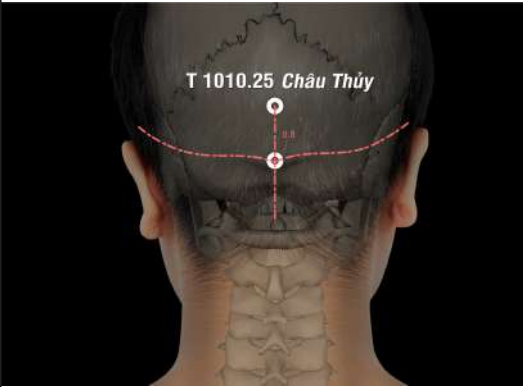
Vị trí: Sau huyệt Châu Hòa 1 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh phế.

Chủ trị: Đau lưng, đau thần kinh tọa và bệnh phong thấp của kinh Phế.

Cách lấy huyệt: Từ huyệt Châu Hòa hướng ra sau 1 thốn là huyệt.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.



T 1010.25 **Huyệt Chầu Thủy**

Vị trí: Tại chính giữa chỗ xương gờ cao của não và lên 0.8 thốn.

Giải phẫu: Thần kinh thận.

Chủ trị: Đau cột sống thắt lưng, liệt chi dưới, thần kinh vô lực.

Cách lấy huyệt: Một huyệt ở chính giữa điểm cao nhất của xương vùng não sau, từ đó lên 0.8 thốn là một huyệt, tổng 2 huyệt.

Thủ pháp: Châm sâu 1 - 3 phân.



BỘ DT

207 T DT.01 Huyệt Phân Chi Thượng

208 T DT.02 Huyệt Phân Chi Hạ

209 T DT.03 Huyệt Thất Tinh

210 T DT.04 Huyệt Ngũ Lĩnh

211 T DT.05 Huyệt Song Phụng

212 T DT.06 Huyệt Cửu Hâu

213 T DT.07 Huyệt Tam Kim

214 T DT.08 Huyệt Tinh Chi

215 T DT.09 Huyệt Kim Lâm

216 T DT.10 Huyệt Đỉnh Trụ

217 T DT.11 Huyệt Hậu Tâm

218 T DT.12 Huyệt Cảm Mạo 3

219 T DT.13 Huyệt Thủy Trung

220 T DT.14 Huyệt Thủy Phủ

221 T DT.15 Huyệt Tam Giang

222 T DT.16 Huyệt Song Hà

223 T DT.17 Huyệt Xung Tiêu



T DT.01 Huyết Phân Chi Thượng

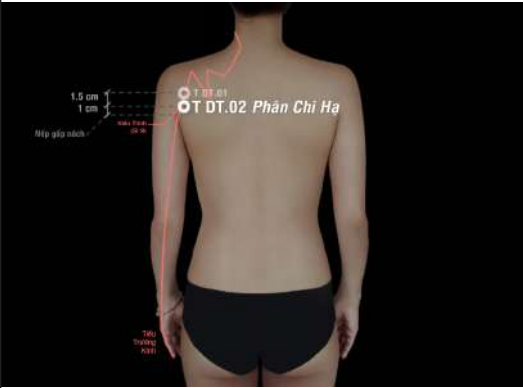
Vị trí: Tại vị trí giao nhau của xương bả vai với xương cánh tay.

Giải phẫu: Thần kinh bài tiết

Chủ trị: Ngộ độc thuốc, các loại trùng độc (như rắn, bò cạp, rết...), hôi nách, hôi miệng, đái tháo đường, chớ dại cắn, tiểu tiện buốt đau, tiểu máu, ngộ độc thực phẩm, uống thuốc độc tự tử (nhẹ có thể trị, nặng thì khó trị), ngứa ngứa toàn thân, ngộ độc khí CO, trúng độc bụi phóng xạ.

Cách lấy huyết: Từ bờ sau chỗ nhô ra của mỏm cùng vai đi thẳng xuống khe nách, dưới khớp xương bả vai 1 thốn là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 1 – 1.5 thốn



T DT.02 Huyết Phân Chi Hạ

Vị trí: Từ huyết Phân Chi Thượng chéo vào trong xuống dưới 1.5 thốn

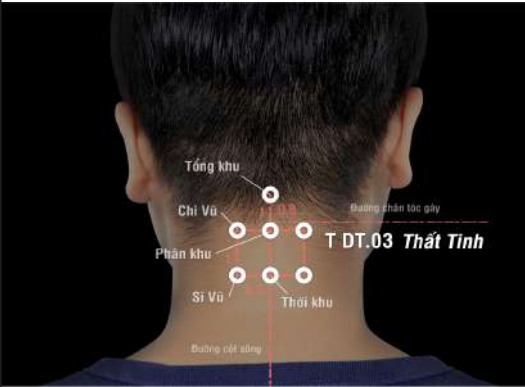
Giải phẫu: Thần kinh bài tiết, phân nhánh thần kinh phổi, thần kinh vú

Chủ trị: Trị các chứng giống huyết Phân Chi Thượng và viêm vú

Cách lấy huyết: Từ huyết Phân Chi Thượng thẳng xuống dưới 1.5 thốn, tiếp tục hướng vào trong sang ngang 0.5 thốn là huyết.

Thủ pháp: Châm sâu 0.5 – 1 thốn

Vận dụng: Huyết này thường là huyết phối hợp với huyết Phân Chi Thượng



T DT.03 Huyết Thất Tinh

Vị trí: Bao gồm 7 huyệt: huyết Tổng Khu nằm ở vị trí từ chân tóc gáy vào trong 8 phân, từ huyết Tổng Khu xuống 1 thốn là huyết Phân Khu, xuống 2 thốn là huyết Thòi Khu, từ huyết Thòi Khu sang ngang 2 bên 8 phân cách chân tóc 1 thốn là huyết Chi Vũ, từ huyết Chi Vũ xuống 1 thốn là huyết Sĩ Vũ (*tổng cộng 7 huyết*)

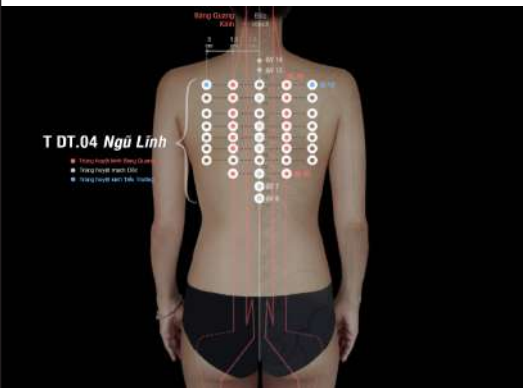
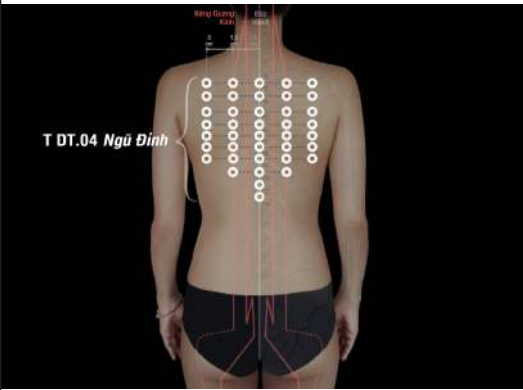
Giải phẫu: Huyệt Tổng Khu, Phân Khu, Thòi Khu thuộc tổng thần kinh não; huyết Chi Vũ và Sĩ Vũ thuộc phân nhánh thần kinh phổi

Chủ trị: Nôn mửa (*ngũ tạng bất an*), cảm mạo đau đầu, trẻ con sốt cao, các loại chứng phong ở trẻ em

Cách lấy huyết: Chi tiết xem trên phần vị trí

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu, lấy huyết Tổng Khu, Phân Khu, Thòi Khu làm chủ; phối hợp các huyết Chi Vũ, Sĩ Vũ

Chú ý: Lúc chích máu, dùng ngón cái và ngón trỏ véo cơ vùng huyết lên, sau đó châm chính xác vào huyết cho ra máu, châm con nít cần đặc biệt chú ý, tránh gây bên trên tổn thương tổng thần kinh não, bên dưới tổn thương đan điền gây tâm diếc.



T DT.04 Huyệт Ngũ Lĩnh

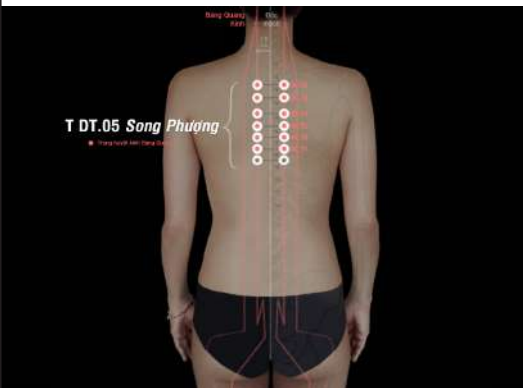
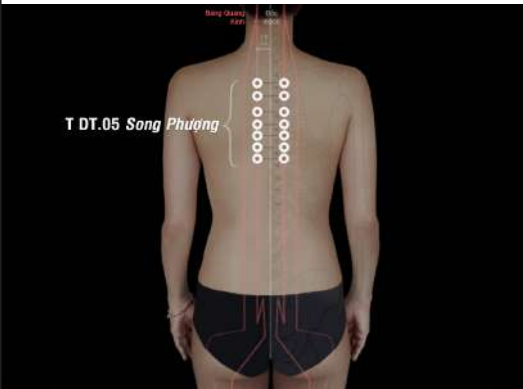
Vị trí: Bao gồm 5 đường huyết; đường huyết thứ nhất bắt đầu từ dưới xương Đại Chùy tại huyết Giang Khẩu ở đốt sống thứ 2, xuống dưới mỗi đốt sống là 1 huyết, thứ tự lần lượt là Hòa Khúc, Hòa Vân, Hòa Trường, Hòa Minh, Hòa Hiệu, Hòa Môn, Thổ Nguyệt, Thổ Tiết, cuối cùng là huyết Thổ Khắc dưới đốt sống 9, tổng cộng 10 huyết. Đường huyết thứ hai (gồm 2 đường trái phải), từ huyết Giang Khẩu sang ngang (hai bên trái phải) 4 ngón tay, từ huyết Kim Bắc xuống dưới mỗi 1 thốn là 1 huyết, thứ tự lần lượt là Kim Đầu, Kim Cát, Kim Lăng, Hòa Kim, Mộc Đông, Mộc Đễ, kết thúc ở huyết Mộc Mai, tổng cộng 8 huyết. Đường huyết thứ 3 (hai bên trái phải), từ đường huyết thứ 2 ra ngoài sang ngang 4 ngón tay, gồm các huyết Kim Chi, Kim Tinh, Kim Thần, Mộc Nguyên, Mộc Thái, Mộc Cúc, Mộc Tùng, tổng cộng 7 huyết, mỗi huyết cách nhau khoảng 1 thốn.

Giải phẫu: Từ huyết Hòa Vân đến huyết Hòa Môn thuộc thần kinh tim. Từ huyết Thổ Nguyệt đến huyết Thổ Khắc thuộc thần kinh tỳ. Từ huyết Hòa Kim trở lên trên thuộc thần kinh giao thoa tâm phế. Từ huyết Hòa Kim xuống dưới, bên trái thuộc thần kinh phế, bên phải thuộc thần kinh can. Từ huyết Kim Thần trở lên thuộc thần kinh phế. Từ huyết Kim Thần trở xuống, bên trái thuộc thần kinh giao thoa phế tỳ, bên phải thuộc thần kinh giao thoa can phế.

Chủ trị: Cao huyết áp, cảm mạo nặng, sốt cao, ớn lạnh, chóng mặt đột ngột, đau đầu, liệt tay chân do cao huyết áp gây ra, liệt nửa người, âm hoắc loạn, dương hoắc loạn (thổ tả), nôn mửa và các loại chứng sa, đau thắt lưng do xơ cứng mạch máu, can hoắc loạn, âm dương hoắc loạn, đau dạ dày cấp tính.

Cách lấy huyết: Chi tiết xem trong phần vị trí.

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu.
Chú ý: Cần sát khuẩn bằng cồn vùng châm trước, sau đó dùng ngón tay hoặc đũa kim ấn vào huyết vị bắt đầu châm.



T DT.05 Huyết Song Phượng

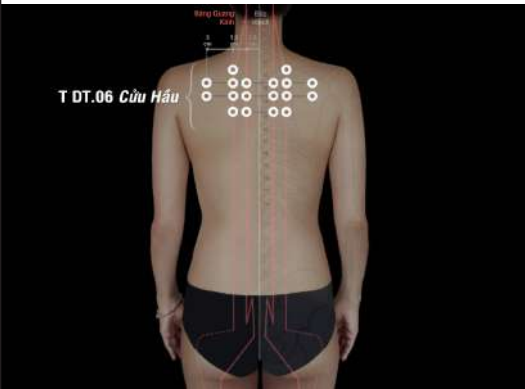
Vị trí: Từ dưới xương Đại Chùy, giữa đốt sống thứ 2 và thứ 3, sang ngang trái phải 1.5 thốn là huyết Hỏa Phượng, từ đó xuống dưới mỗi 1 thốn là 1 huyết, thứ tự lần lượt là huyết Hỏa Chủ, Hỏa Diệu, Hỏa Sào, Hỏa Trọng, Hỏa Hoa, Hỏa Mật, tổng cộng 7 huyết (tổng cộng trái phải 14 huyết).

Giải phẫu: Thần kinh tâm

Chủ trị: Đau tay chân, tê tay chân, xơ cứng mạch máu tay chân.

Cách lấy huyết: Chi tiết xem trong phần vị trí

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu



T DT.06 Huyệт Cừ Hấu

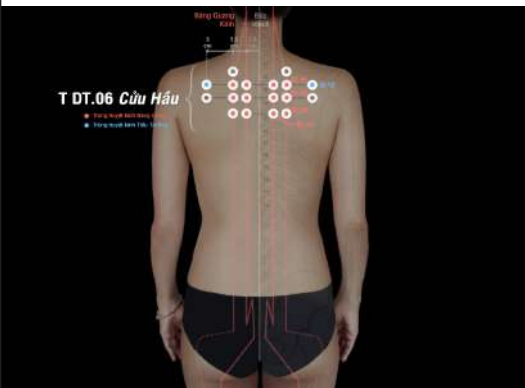
Vị trí: Bao gồm 9 huyệt, Hỏa Phụng, Hỏa Chủ, Hỏa Diệu, Kim Đường (từ huyệt Kim Đầu lên 2 thốn), Kim Bắc, Kim Đầu, Kim Cát, Kim Chi, Kim Tinh.

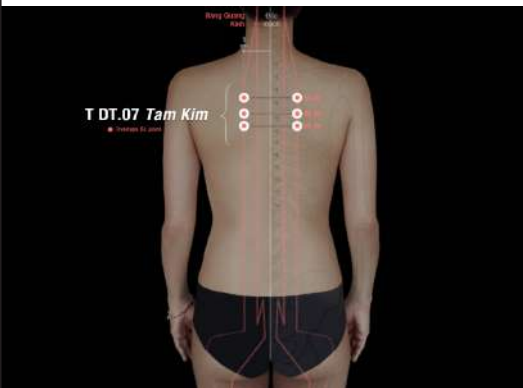
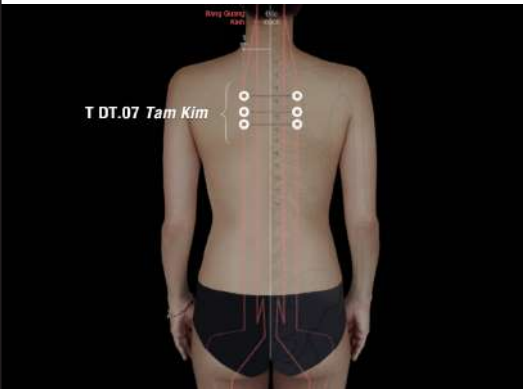
Giải phẫu: Thần kinh tâm, phổi

Chủ trị: Hâu sa (*trình hồng nhiệt*)

Cách lấy huyệt: Chi tiết trong phần vị trí

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu





T DT.07 HuyệT Tam Kim

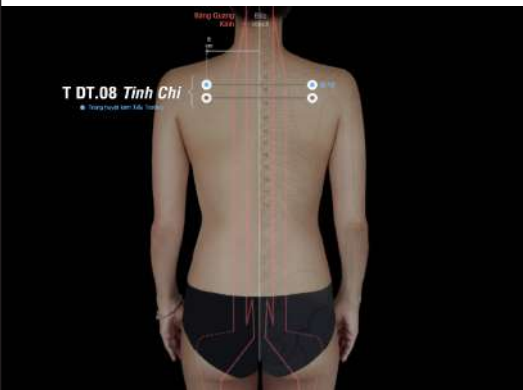
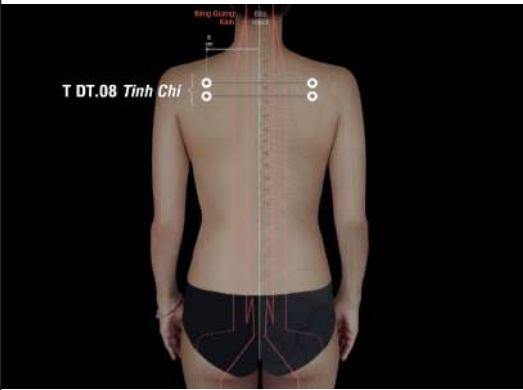
Vị trí: Bao gồm 3 huyệt, huyệt Kim Đầu, Kim Cát, Kim Lãng

Giải phẫu: Thần kinh giao thoa tâm can

Chủ trị: Đau khớp gối

Cách lấy huyệt: Chi tiết xem trong phần vị trí

Thủ pháp: Dùng kim Tam lăng chích máu. Bên trái đau lấy huyệt bên trái; bên phải đau lấy huyệt bên phải, hai chân đau thì lấy huyệt hai bên.



T DT.08 Huyệt Tinh Chi

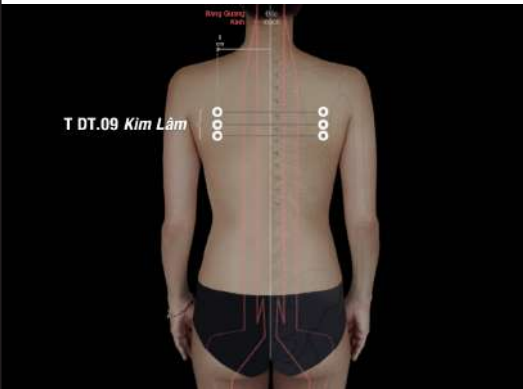
Vị trí: Bao gồm 2 huyệt Kim Tinh và Kim Chi

Giải phẫu: Thần kinh giao thoa phế, thận

Chủ trị: Căng đau bắp chân

Cách lấy huyệt: Chi tiết xem trong phần vị trí

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu



T DT.09 Huyệt Kim Lâm

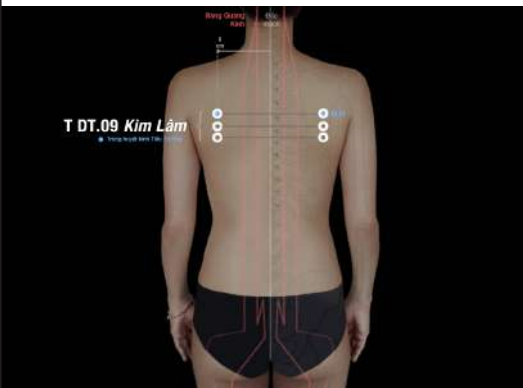
Vị trí: Bao gồm 3 huyệt Kim Thần, Mộc Nguyên và Mộc Thái

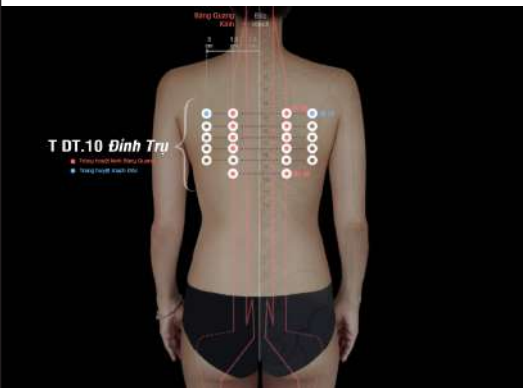
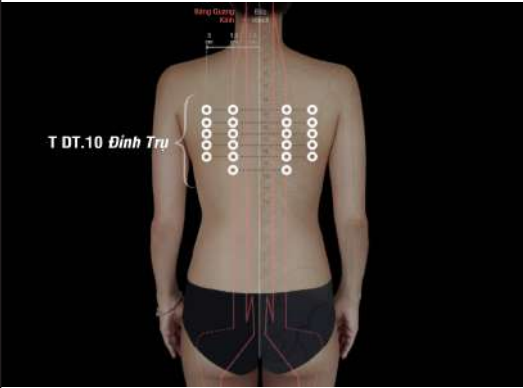
Giải phẫu: Thần kinh phế, bên phải thuộc thần kinh giao thoa can thận, bên trái thuộc thần kinh giao thoa tỳ thận

Chủ trị: Đau thần kinh tọa do xơ cứng mạch máu

Cách lấy huyết: Chi tiết xem trong phần vị trí

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu





T DT.10 HuyệT Đính Trụ

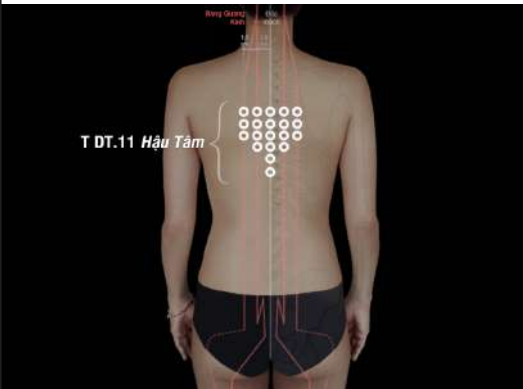
Vị trí: Bao gồm các huyệt Kim Cát, Kim Lăng, Hòa Kim, Kim Thần, Mộc Đông, Mộc Đỗ, Mộc Mai, Mộc Nguyên, Mộc Thái, Mộc Cúc, Mộc Tùng, 11 huyệt (trái phải tổng cộng 22 huyệt)

Giải phẫu: Bên phải thuộc thần kinh giao thoa tâm can phế, bên trái thuộc thần kinh giao thoa tâm can tỳ

Chủ trị: Đau thắt lưng, trật lưng, đau hai bên sườn khi hít thở do xơ cứng mạch máu.

Cách lấy huyệt: Chi tiết xem trong phần vị trí

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu



T DT.11 Huyết Hậu Tâm

Vị trí: Dưới xương Đại Chùy, từ đốt sống thứ 4 gồm 6 huyết Hòa Vân, Hòa Trường, Hòa Minh, Hòa Hiệu, Hòa Môn, Thổ Nguyệt và hai đường cách ra hai bên 1,5 thốn, gồm 4 huyết là Hòa Diệu, Hòa Sào, Hòa Trùng, Hòa Hoa (2 bên tổng cộng 8 huyết) và 3 huyết Kim Cát, Kim Lãng, Hòa Kim (2 bên tổng cộng là 6 huyết).

Giải phẫu: Thần kinh tâm

Chủ trị: Dương mao sa, đỉnh nhọt, suy tim, suy tim cấp, bệnh dạ dày, phong hàn nhập lý, cảm mạo nặng, trúng phong... các loại chứng sa cấp tính.

Cách lấy huyết: Chi tiết xem trong phần vị trí

Thủ pháp: Lúc trị dương mao sa (dương mao đỉnh), dùng kim tam lăng chích vào điểm úc tím (bệnh nặng sẽ có điểm đen) rút sợi lông ra; điều trị đỉnh nhọt, suy tim, bệnh dạ dày, dùng kim tam lăng chích máu (bị hạn chế với đỉnh nhọt ở tứ chi và mặt)



T DT.12 Huyệ Cầm Mạo 3

Vị trí: Gồm 3 huyệt An Toàn, Kim Đầu (2 bên)

Giải phẫu: Huyệ An Toàn có tổng thần kinh cột sống và thần kinh tứ chi, huyệt Kim Đầu có thần kinh van tim hai lá.

Chủ trị: Cầm mạo nặng

Cách lấy huyệt: Huyệ An Toàn nằm ở chỗ lõm ở bờ dưới xương Đại Chùy; huyệt Kim Đầu nằm ở đốt sống thứ 5 dưới xương Đại Chùy, ra ngoài 4 ngón tay.

Thủ pháp: Dùng hào châm châm dưới da liền thấy hiệu quả



T DT.13 Huyệt Thủy Trung

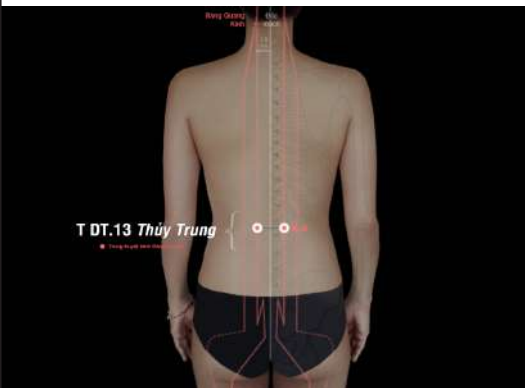
Vị trí: Dưới đốt sống 13 đo ngang ra 1.5 thốn

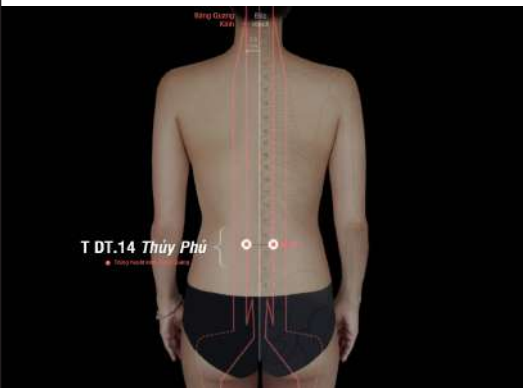
Giải phẫu: Thần kinh thận

Chủ trị: Thận suy, thận hư, viêm thận, phụ khoa kinh mạch bất điều, táo bón, miệng khát, đau cột sống thắt lưng

Cách lấy huyết: Dưới dưới đốt sống lưng 13 đo ngang ra 1.5 thốn

Thủ pháp: Châm sâu 0.8 – 1 thốn





T DT.14 Huyết Thủy Phủ

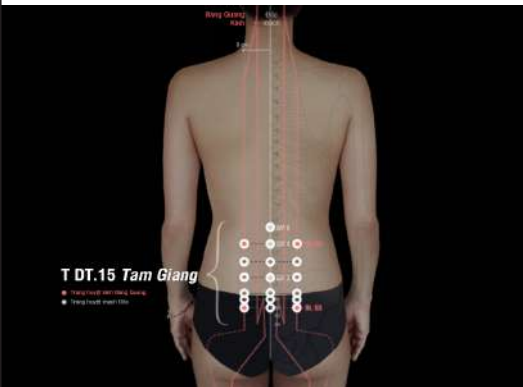
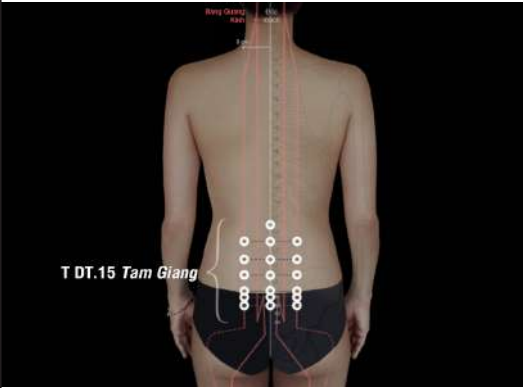
Vị trí: Dưới đốt sống 14 đo ngang ra 1.5 thốn

Giải phẫu: Tổng thần kinh thận

Chủ trị: Đau cột sống lưng và cúi ngửa khó khăn, phụ nữ rối loạn kinh nguyệt, thận hư, viêm thận, miệng khát, táo bón, viêm ruột, mất ngủ, dương nuy, tảo tiết, đau đầu, đái tháo đường, trật lưng, đau hai bên hông khi thở, hoa mắt chóng mặt, lưng đau mỏi, viêm thận cấp tính, sỏi bàng quang, tiểu tiện không thông, thai lưu không xuống.

Cách lấy huyết: Dưới đốt sống 14 đo ngang ra 1.5 thốn là huyết

Thủ pháp: Châm sâu 0.8 – 1 thốn



T DT.15 Huyết Tam Giang

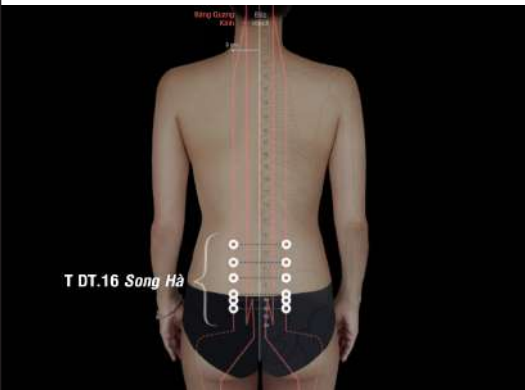
Vị trí: Dưới đốt sống 13, bắt đầu từ huyết Phân Tuyến, xuống dưới mỗi 1 đốt là 1 huyết, thứ tự lần lượt là Thủy Phân, Thủy Khắc, Thủy Quán, Lục Tông, Phượng Sào, Chủ Sào, 7 huyết; và dưới đốt sống lưng 14 đo ngang ra 4 ngón tay gồm huyết Lục Nguyên, Lục Mãn, Lục Đạo, Hoa Sào, Hoàn Sào, Hà Sào, 6 huyết (hai bên tổng cộng 12 huyết)

Giải phẫu: Thần kinh thận và thần kinh lục phủ.

Chủ trị: Bế kinh, viêm tử cung, viêm ruột, trật lưng, đau hai hông khi thở, viêm ruột cấp tính

Cách lấy huyết: Chi tiết xem trong phần vị trí

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu



T DT.16 Huyệ**t** Song Hà

Vị trí: Dưới đốt sống 14, gồm 6 huyệt Lục Nguyên, Lục Mãn, Lục Đạo, Hoa Sào, Hoàn Sào, Hà Sào (*hai bên tổng cộng 12 huyệt*)

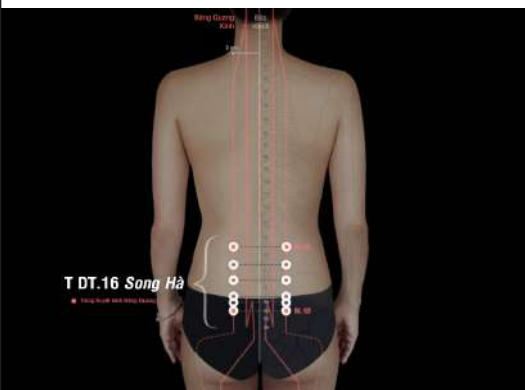
Giải phẫu: Thần kinh thận, thần kinh giao thoa lục phủ

Chủ trị: Đau cánh tay, đau vai lưng

Cách lấy huyết: Chi tiết xem trong phần vị trí

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu

Chú ý: Ra máu đen có hiệu quả, ra máu đỏ không hiệu quả





T DT.17 Huyệt Xung Tiêu

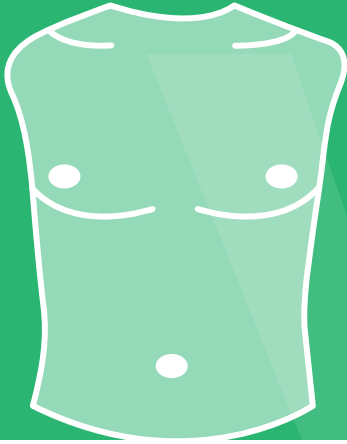
Vị trí: Huyệt Diệu Sào dưới đốt sống 20, huyệt Thượng Đới dưới đốt sống 21, huyệt Thượng Cao dưới huyệt Thượng Đới 1 thốn, tổng cộng 3 huyệt

Giải phẫu: Thần kinh tiểu não

Chủ trị: Đau tiểu não, căng chướng tiểu não, đau căng chính giữa gáy

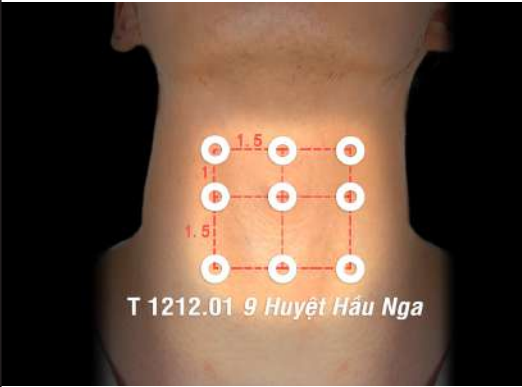
Cách lấy huyết: Chi tiết xem trong phần vị trí

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng châm ra máu



BỘ VT

- 225** T VT.01 Hâu Nga Cửu huyết
- 226** T VT.02 Huyết Thập Nhị Hầu
- 227** T VT.03 Huyết Kim Ngũ
- 228** T VT.04 Vị Mao Thất huyết
- 229** T VT.05 Phủ Sào Nhị Thập Tam huyết



T VT.01

Huyết Hấu Nga

Vị trí: Huyết nằm ở vị trí yết hầu, trên yết hầu 1 thốn và dưới yết hầu 1 thốn 5 phân, ngoài ra còn thêm 3 huyết hai bên trái phải cách ra 1 thốn 5 phân, tổng 9 huyết.

Giải phẫu: Thần kinh phế.

Chủ trị: Sưng amidan, đau họng, viêm tuyến giáp trạng, ngứa họng, đàm vướng ở họng không ra (*hô hấp khó khăn, tựa như hen suyễn*).

Cách lấy huyết: xem chi tiết tại phần vị trí.

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu.

Chú ý: Khi châm cần véo vùng da thịt ở vị trí huyết lên, để tránh tổn thương cân và sụn.



T VT.02

Huyết Thập Nhị Hầu

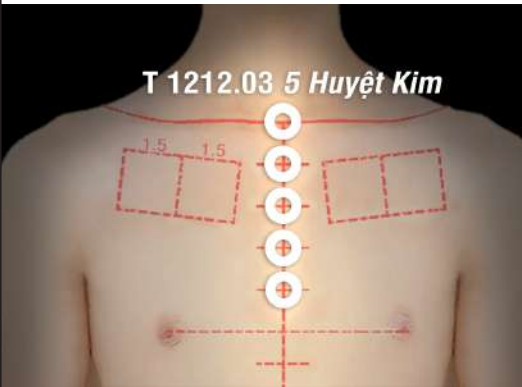
Vị trí: Huyết nằm ở vị trí song song với xương quai xanh, dưới xương quai xanh 1 thốn 3 phân gồm 3 huyết, xuống tiếp 1 thốn 5 phân gồm 3 huyết, hai bên tổng cộng 12 huyết.

Giải phẫu: Thần kinh phế.

Chủ trị: Hầu sa (*trình hồng nhiệt*), hen suyễn do xơ cứng mạch máu, can hoắc loạn. (*Thương hàn, cảm mạo nặng, hoắc loạn đều sẽ dẫn đến hầu sa*).

Cách lấy huyết: Xem chi tiết trên phần bộ vị.

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu.



T VT.03 Huyết Kim Ngũ

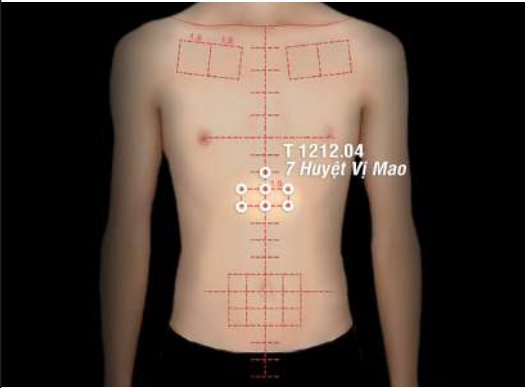
Vị trí: Tại chỗ lõm dưới vị trí hình bán nguyệt đầu trên xương ức là huyết Kim Can, dưới mỗi một đốt là một huyết, lần lượt là Kim Âm, Kim Dương, Kim Chuyển, Kim Tiêu, tổng 5 huyết.

Giải phẫu: Thần kinh tâm, thần kinh khí quản.

Chủ trị: Can hoắc loạn, tiêu hóa kém (vị trướng), đau sườn, khí quản không thuận, các chứng sa (*các chứng sốt, ban chẩn cấp tính như sởi, viêm họng hạt...*).

Cách lấy huyết: Xem chi tiết trên phần vị trí.

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu.



T VT.04

Vị Mao Thất HuyệT

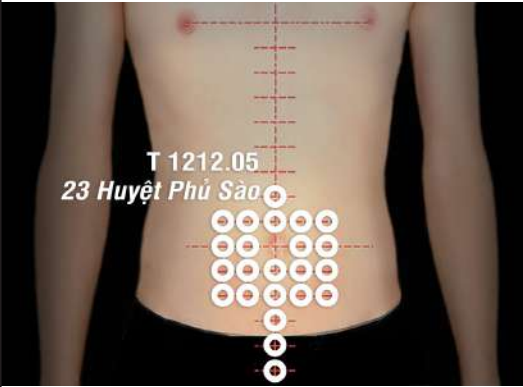
Vị trí: Từ chỗ lõm bờ dưới Tê cốt (điểm giao nhau của sụn sườn 7 hai bên với xương ức) thẳng xuống 1 thốn một huyệt, tổng ba huyệt. Cách ra hai bên 1 thốn 5 phân mỗi bên hai huyệt (hai bên bốn huyệt).

Giải phẫu: Thần kinh giao thoa tâm vị.

Chủ trị: Dương mao sa (bụng chướng lan ra vùng cột sống ngực hoặc thắt lưng hông như kim chích, khi đau thì đốt nút bình rượu trộn mịn và đốt rượu làm con lăn, khi sát vào chỗ đau sẽ có những sợi lông trắng nhỏ dính thành đám – “Sa chứng toàn tập” quyển trung), bệnh dạ dày, các chứng hoắc loạn, hồi hộp trống ngực, xuất huyết dạ dày.

Cách lấy huyệt: Xem chi tiết trên phần vị trị

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu, trị Dương mao sa thì cần lôi lông to ra.



T VT.05 Phũ Sào Nhị Thập Tam huyết

Vị trí: Từ rốn thẳng lên 1 thốn một huyết, gồm 2 huyết; dưới rốn 1 thốn một huyết, gồm 5 huyết; cách rốn 1 thốn một huyết, từ huyết ấy trên lấy 1 huyết, dưới lấy 2 huyết (gồm 4 huyết, hai bên tổng 8 huyết); tổng cộng 23 huyết.

Giải phẫu: Thần kinh lục phủ.

Chủ trị: Viêm ruột, viêm tử cung, viêm thận, đau thận, đau rốn.

Cách lấy huyết: Xem chi tiết trên phần vị trí.

Thủ pháp: Dùng kim tam lăng chích máu.

ĐỒNG THỊ HIỆU ĐÍNH CHỦ TRỊ BỆNH CHỨNG CỦA “HUYỆT VỊ THUỘC 14 KINH CHÍNH”

I. KINH PHẾ

Vân Môn, Trung Phủ: Dùng kim tam lăng điều trị hầu sa (*trình hồng nhiệt - phế vị uẩn nhiệt dẫn đến hầu họng đau dữ dội, họng có mủ*).

Thiên Phủ: Điều trị đau thần kinh tọa do kinh Tâm (*Phôi với huyết Hiệp bạch*).

Xích Trạch, Khống TỐI: Điều trị khí suyễn (*hen suyễn*) do kinh Phế.

Liệt Khuyết, Ngự Tế: Điều trị toàn thân xương đau nhức mỏi.

Thiếu Thương: Dùng kim tam lăng điều trị chảy máu cam, trẻ nhỏ dưới 3 tuổi dùng tay véo nhẹ huyết 5 phút rồi dùng, không cần dùng kim.

II. KINH ĐẠI TRƯỜNG

Phù Đột, Thiên Đỉnh: Dùng kim tam lăng điều trị viêm họng.

Ôn Lưu, Hạ Liêm: Điều trị đau chân (*dùng huyết một bên*) và đau thần kinh tọa do kinh Phế.

Hợp Cốc, Khúc Trì: Điều trị đau đầu (*dùng huyết hai bên*).

Hợp Cốc: Điều trị đau bụng.

Tý Nhu: Điều trị chóng mặt do cao huyết áp (*dùng huyết hai bên*) và đau chân (*dùng huyết một bên*).

Thủ Tam Lý: Điều trị tê tay.

III. KINH VỊ

Cự Liêu: Châm sâu 3 phân trị đau lưng (*dùng huyết hai bên*) và liệt mặt.

Giáp Xa, Địa Thương: Điều trị khẩu nhãn oa tà; Giáp Xa đầu kim hướng Địa Thương, Địa Thương hướng Giáp Xa.

Đại Nghinh, Nhân Nghinh, Khí Xá: Dùng kim tam lăng điều trị viêm họng.

Khuyết Bồn, Khí Hộ, Khố Phòng: Dùng kim tam lăng điều trị hầu sa.

Khuyết Bồn, Khí Hộ, Khố Phòng, Ốc Ế: Điều trị can hoắc loạn (*vừa nôn vừa đi ngoài*).

Ngoại Lãng: Khai khí, điều trị chướng bụng.

Bể Quan: Điều trị cảm mạo.

Phục Thỏ: Điều trị tim đập nhanh, bệnh tạng tâm.

Túc Tam Lý: Bổ khí, cầm mồ hôi.

Túc Tam Lý, Thừa Sơn: Điều trị chuột rút, rút gân do hoắc loạn (*thở tả mắt nước*).

Thượng Cự Hư, Điều Khẩu, Hạ Cự Hư: Dùng 3 huyệt chân trái, điều trị lồm xương đầu, teo dây thần kinh thị giác.

Hãm Cốc: Điều trị đau chướng bụng.

Độc tị: Dùng kim tam lăng điều trị loét môi.

IV. KINH TỶ

Đại Đô, Thái Bạch: Điều trị khối u ở tử cung, bụng dưới chướng.

Công Tôn: Trị thương hàn, đau lưng.

Tam Âm Giao: Trị bệnh lậu, liệt dương, xuất tinh sớm, di tinh, hoạt tinh, đau cột sống thắt lưng, đau cổ, chóng mặt, tê tay, đái tháo đường, nhiều protein niệu, tiểu tiện ra máu, viêm thận.

Địa Cơ, Lậu Cốc, Tam Âm Giao: Điều trị liệt thần kinh vùng mặt.

Huyết Hải: Điều trị bệnh động kinh ở trẻ nhỏ, trẻ nhỏ khóc đêm, trẻ sơ sinh chỉ dùng ngón tay xoa 3-5 phút là được.

Âm Lăng Tuyền: Tăng acid dạ dày quá mức, trào ngược dạ dày thực quản, viêm thận, đái tháo đường, nhiều protein niệu, hoa mắt chóng mặt, eo mồi lưng đau, cung lông mày đau nhức.

Cơ Môn: Bệnh lý của gan, xơ gan, gan to.

Xung Môn, Phủ Xá: Điều trị khối u tử cung, bệnh phong thấp của tim, toàn thân vô lực.

Châu Vinh, Hung Hương, Thiên Khê: Dùng kim tam lăng chích máu đen điều trị viêm phế quản, khạc đàm vàng.

V. KINH TÂM

Thông Lý: Điều trị đau thần kinh tọa mặt sau đùi do kinh tâm.

Thiếu Phủ: Huyệ giải khi vụng châm và thân trên ngứa ngứa sau khi châm kim (*Ngứa bên trái dùng huyệt bên phải; ngứa bên phải dùng huyệt bên trái*).

VI. KINH TIỂU TRƯỜNG

Tiền Cốc, Hậu Khê: Điều trị ù tai, chóng mặt do kinh tâm.

Kiên Trinh, Nhu Du: Điều trị đau thần kinh tọa do kinh Phế.

Uyển Cốt: Điều trị đau mắt.

Ngoại Kiên Du, Khúc Viên: Điều trị đau mắt ngoài cẳng chân.

VII. KINH BÀNG QUANG

Thông Thiên, Thừa Quang, Ngũ Xứ: Điều trị run tay, bán thân bất toại.

Thần Đường, Cao Hoang, Phách Hộ, Phụ Phân, Tâm Du, Quyết Âm Du, Phế Du, Phong Môn, Đại Trữ: Dùng kim tam lăng điều trị huyết áp cao, cảm mạo nặng.

Cao Hoang: Dùng kim tam lăng điều trị viêm khớp gối.

Thần Đường, Cao Hoang, Phách Hộ: Điều trị viêm mũi, ù tai, bệnh chớ dại.

Tam Tiêu Du, Thận Du: Điều trị cong vẹo cột sống.

Trật Biên, Thừa Phủ: Điều trị u tuyến amidan, ung thư amidan.

Thừa Sơn, Thừa Cân: Điều trị đau vai lưng.

Phụ Dương: Điều trị đau cột sống, đau cổ gáy.

Tâm Du, Thận Du: Điều trị lồi xương cột sống.

VIII. KINH THẬN

Du Phủ, Hoắc Trung: Điều trị hầu sa.

U Môn, Thông Cốc: Điều trị đau mắt.

Thái Khê, Thủy Tuyền: Điều trị sụp mi (*mí mắt không thể mở được*).

Thủy Tuyền: Trị đau cổ gáy, tê tay.

IX. KINH TÂM BÀO LẠC

Đại Lăng, Ngoại Quan, Giản Sứ: Trị đau thần kinh tọa, đau chính giữa đùi sau do kinh tâm.

Trung Xung, Thiếu Thương: Dùng kim tam lăng điều trị đau họng.

Khúc Trạch: Điều trị đau ngón tay cái.

Nội Quan, Giản Sử: Dùng hào châm có thể nâng mạch.

X. KINH TAM TIÊU

Nhu Hội: Điều trị chóng mặt do cao huyết áp.

Tiêu Lạc: Điều trị cong cột sống, đau xương cột sống, đau chân tay.

Chi Câu: Điều trị tiện bí.

Trung Chử, Dịch Môn: Điều trị bệnh phong thấp của tim.

XI. KINH ĐỎM

Trung Độc, Phong Thị: Điều trị đau mặt ngoài vai cánh tay, đau liên sườn.

Dương Phụ, Quang Minh, Ngoại Khâu: Trị hóc xương cá, đau vú.

Lâm Khấp, Địa Ngũ Hội, Hiệp Khê: Dùng kim tam lăng điều trị đau cổ tay.

Hiệp Khê: Điều trị đau thần kinh tọa do kinh Phế.

XII. KINH CAN

Ngũ Lý, Âm Bao: Điều trị bệnh gan, xơ gan, viêm gan.

Tất Quan: Điều trị đau thần kinh tọa do thận khuy tổn, trị bệnh do thương tiêu thận khuy gây ra.

Trung Đô phối hợp với Tam Âm Giao, Khúc Trì: Điều trị phù thũng tứ chi.

Đại Đôn: Điều trị sản khí (*sa tinh hoàn*), sau khi dùng kim tam lăng chích máu, cứu 3-7 điều ngải, người mới mắc hiệu quả nhanh chóng.

XIII. MẠCH NHÂM

Thượng Quán, Trung Quán, Kiến Lý, Hạ Quán: Điều trị bệnh dạ dày.

Thượng Quán, Thiên Khu, Trung Cực phối Hợp Cốc: Điều trị rối loạn kinh nguyệt.

Âm Giao, Khí Hải, Quan Nguyên, Trung Cực: Điều trị bụng dưới đầy trướng, châm xuống 2 thốn (*nhên đi tiểu trước khi châm*).

XIV. MẠCH ĐỐC

Bách Hội, Hậu Đỉnh: Điều trị thần kinh vô lực tay run.

Phong Phú, Á Môn: Dùng kim tam lăng trị nôn mửa, lúc tiến kim nên néo huyết lên.

XV. NGOẠI KINH KÌ HUYỆT

Nhĩ Tiêm: Lấy kim tam lăng chích máu điều trị cảm mạo tạm thời, đau đầu.

Lấy kim tam lăng chích máu đốt sống thứ 5: có thể giải tỏa thương do bị người điếm huyết, phổi huyết Cao Hoang chủ trị bệnh tạng Tâm.

Lấy kim tam lăng chích máu tĩnh mạch ở gan bàn chân: Trị huyết áp tâm trương cao.

5 đốt xương trên Yêu Du: dùng kim tam lăng chích máu điều trị đau não sau.

Lấy kim tam lăng chích máu Nhĩ Tiêm: Điều trị nghẹt mũi do cảm mạo tạm thời.

Dùng kim tam lăng chích máu Khuyết Bồn, Khí Hộ, Khố Phòng, Ốc Ế, Du Phủ, Hoắc Trung, Linh Khư, Thiên Đột, Toàn Cơ, Hoa Cái, Tử Cung: điều trị bệnh can hoặc loạn (*nôn mửa, đi ngoài*).

CÁC MÓN ĂN ĐƠN GIẢN CHỮA BỆNH ĐẶC HIỆU GIA TRUYỀN CỦA NHÀ HỌ ĐỒNG

1. Trứng vịt vỏ xanh 2 quả, Dấm 2 lạng, Đường trắng 2 lạng, Dầu mè 2 lạng, sắc uống điều trị mê tâm khiếu.
2. Toan táo nhân sao chín nghiền thành bột, mỗi lần uống 3 tiền (1 tiền=5g) điều trị mất ngủ; dùng sống mỗi ngày cũng uống 3 tiền điều trị hôn mê bất tỉnh.
3. Dưa chuột lúc mới to bằng ngón tay, dùng bình thân to, miệng nhỏ chụp lên, khiến quả lớn lên trong bình, sau khi chín cắt lấy ngâm rượu uống, đặc hiệu trong điều trị bệnh phong thấp.
4. Lá cà tím sắc nước rửa vết thương nứt nẻ do lạnh đặc biệt hiệu quả.
5. Vỏ dưa hấu sấy khô thành bột, hòa với Hoàng tửu uống cho ra mồ hôi, điều trị tỵ lỵ, đau hai bên hông khi hít thở.
6. Mướp 250g, Đường trắng 1 lạng, sắc nước uống điều trị phụ nữ kinh nguyệt quá nhiều và băng huyết.
7. Hồng hoa sắt mẫu cầu (còn gọi là hoa Vạn điểm kim) 250g, Móng giò heo 250g, hầm uống, điều trị ứ huyết trong trắng mắt, phổi xuất huyết, dạ dày xuất huyết, đại tràng xuất huyết, trĩ nội và phụ nữ băng huyết.
8. Xa tiền thảo 5 tiền, Đường phèn 1 lạng, sắc uống, điều trị huyết lâm (đái máu) ở phụ nữ và đàn ông tiểu tiện quá nhiều.
9. Hoàng kỳ mỗi lần uống 5 tiền, đun nước uống, điều trị đái tháo đường, chán ăn, tỳ vị hư, chướng bụng, dự phòng ung thư.
10. Hoàng kỳ 1 lạng, Cao hổ cốt 8 phân (10 phân = 1 tiền), Tử hà xa 5 phân, Tắc kè 1 con, Xuyên ngưu tất 3 tiền, Rượu cao lương 1kg, ngâm 1 tháng, mỗi ngày uống nửa lạng, điều trị bệnh phong thấp.
11. Bạch hoa thảo 500g thêm Đường đỏ, sắc nước uống, điều trị viêm ruột thừa cấp tính, trong vòng 1 ngày bệnh khỏi hoàn toàn, cũng trị viêm tử cung.
12. Đàng cân (rễ cây mây) mỗi lần dùng 3 lạng, lấy 3 bát nước, sau khi sắc thành 2 bát thì uống, đặc hiệu trong điều trị cao huyết áp do tắc động mạch.

**ĐỒNG THỊ HIỆU ĐINH CHỦ TRỊ BỆNH CHỨNG CỦA
“HUYỆT VỊ THUỘC 14 KINH CHÍNH”**

13. Móng tay móng chân sấy thành bột mịn, thêm Phèn khô 3tiền, thổi vào trong tai, đặc hiệu trong điều trị viêm tai.
14. Hoa thạch lựu sấy khô trên nguội (*sành*) nghiền thành bột, thổi vào trong tai, đặc hiệu trong điều trị viêm tai.
15. Sắc nước dầu là Curry rửa chân trị nấm chân (*Hương Càng cước*), 5 lần có thể khỏi bệnh (*dùng nước muối rửa cũng hiệu quả*).
16. Khổ hồ lô (*hồ lô đắng- quả nhỏ*) sấy khô thành bột, dùng Hoàng tửu uống cùng để ra mồ hôi, đặc hiệu trong điều trị bệnh sa nang(*sa tinh hoàn*).
17. Phòng phong 3 tiền, Kinh giới 2 tiền, Cam thảo nửa tiền, Ngải diệp 3 tiền, Hùng hoàng 2 tiền, sắc nước tắm, điều trị bệnh phong tú cầu (*mẩn ngứa, do dinh dưỡng không đầy đủ hoặc do nấm gây ngứa da bao tinh hoàn*) cực tốt.
18. Trần bì 2 lạng, Đường trắng 1 lạng, sắc nước uống, điều trị can khí hung thống(*đau ngực*).
19. Chân gà trống 7 cái, sấy khô thành bột mịn, tắm rượu uống, điều trị bệnh kê trào phong (*ngón tay không gập duỗi được*) và bệnh chó điên (*bệnh dại*), sau khi uống ra mồ hôi là có hiệu quả.
20. Bách thảo sương (*khói đen của cỏ sau khi đốt*), Thổ miết trùng(*bọ cánh cứng*), Sữa mẹ, Nước mũi. Bốn vị trộn lẫn, bôi bên ngoài vết thương do chó dại cắn, có thể phòng độc chó dại thấm vào trong.
21. Rắn sọc (*không độc*) nghiền thành bột, mỗi lần uống 1 tiền, điều trị vết loét ở đầu của trẻ nhỏ, bệnh hoa liễu ở người lớn, mỗi ngày uống 3 tiền, uống đến lạng rươi(75g) có thể khỏi.
22. Bạch hoa xà nghiền thành bột, mỗi ngày uống 3 tiền, chủ trị bệnh phong, uống hết 250g có thể khỏi bệnh.
23. Bạch chi nghiền thành bột, cứ 1 tuổi uống 1 phân (*10phân = 1 tiền*), uống thuốc với nước lọc, điều trị viêm mật cấp mạn tính.
24. Cỏ chân gà cả cây sắc nước rửa từ đầu gối xuống, đặc hiệu trong điều trị kiết lỵ, cũng điều trị chảy máu cam, bệnh lậu.
25. Hoa Biển Đậu 20 bông, Thông Bạch (*loại thân to*) 3 khúc, Sinh khương (*gừng sống*) 3 lát, sắc nước rồi thêm đường trắng, điều trị buồn nôn.
26. Địa cốt (*bỏ vỏ*) đốt cháy thành bột, cho dầu trà, bôi ngoài, điều trị lở loét lâu ngày không khỏi.
27. Gan dê thái lát, chấm dấm ăn sống điều trị nội ngoại chướng (*bệnh về mắt*).
28. Sinh Khương 1 lạng, giã nát, thêm đường đỏ 1 lạng, đun nước uống, điều trị đau bụng cực kì hiệu quả.

29. Sinh Khương sao tồn tính, thêm Thông Bạch 5 khúc, sắc nước uống, điều trị bệnh thổ tả mạch phục. (*Mạch tăng lên có thể trị được, mạch không tăng lên không cứu được*).
30. Tóc người sao thành than, mỗi ngày uống 3-5 tiền, điều trị thổ huyết, đại tiện ra máu, tiểu tiện máu và băng huyết.
31. Phụ nữ 50 tuổi trở lên băng huyết tính hàn, mỗi ngày uống bột Bạch Chi 5 tiền, 2 ngày có thể khỏi.
32. Bạch Chi 5 tiền, Lưu Hoàng 5 tiền, Hồ Tiêu 5 tiền, tất cả nghiền thành bột mịn, hòa cùng Dầu Mè, bôi ngoài, điều trị mụn ghè cực hiệu quả.
33. Dưa lưới quả nhỏ, (*càng đắng càng tốt*) dùng đường trắng sắc nước uống, điều trị bệnh tạng Tâm.
34. Cải thảo đất mỗi ngày 250g làm rau ăn, trị tim đập nhanh do xơ cứng mạch máu ở tim gây ra (*Người mắc chứng hạ tiêu không thể ăn, càng ăn bệnh càng nặng*).
35. Tim lợn 1 quả, Chu Sa 3 phân, mổ Tim lợn cho Chu Sa vào, hấp ăn điều trị bệnh tạng Tâm, ăn xong 3 quả sẽ khỏi.
36. Thận lợn 1 quả, Sinh khương 1 lượng thái sợi, hấp ăn, điều trị miệng khô và thận khí bất túc.
37. Cá diếc 7 con, Đậu đen 4 lượng, nấu cùng rồi ăn, điều trị thận suy.
38. Ăn rau chân vịt nấu với mỡ lợn, điều trị khô mắt.
39. Ăn Chân giò nấu hầm lạc, điều trị vết thương đi lại chảy nước không khỏi, đối với phụ nữ sau sinh sữa không đủ cũng rất tốt.
40. Lúc Rắn nuốt con ếch, đánh chết rắn lấy con ếch ra, sấy khô con ếch trên mái ngói (*sành*) thành bột, mỗi ngày uống 3 tiền điều trị chứng chán ăn.
41. Tiên nhân đỉnh (*Thiên linh cái*) sấy khô thành bột, mỗi ngày uống 3 tiền, uống cùng rượu, đặc hiệu trong điều trị phù độc không rõ tên (*trẻ nhỏ dùng 1 tiền*).
42. Ăn Thịt bò nấu với tỏi, điều trị can hư, can khí bất túc, phổi sưng tấy và phế hư.
43. Củ cải trắng 500g, Đậu xanh 250g, hầm ăn, điều trị xo gan.
44. Dầu thuốc bên trong tấu thuốc cán dài, bôi bên ngoài trị nhọt đỉnh nhọt độc rất hiệu quả.
45. Dầu thuốc bên trong của tấu thuốc cán dài, pha với nước uống, trị đau bụng và chứng sa (*phát ban, đi ngoài*) cực kỳ hiệu quả.

TÀI LIỆU LƯU HÀNH NỘI BỘ

Thạc sĩ Bác sĩ Nguyễn Văn Trỗi
Địa chỉ: Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội
Điện thoại: 0336.777.789
Email: troi.nguyen@gmail.com

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Văn Trỗi

<https://nhathuocngocanh.com/>